

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| SIGMUND FREUD - TÂM LÝ GIA CỦA CỠI VÔ THỨC..... | 2 |
| PHẦN THỨ NHẤT NHỮNG HÀNH VI SAI LẠC | 15 |
| PHẦN THỨ HAI GIẤC MƠ..... | 65 |

SIGMUND FREUD - TÂM LÝ GIA CỦA CÔI VÔ THỨC

Trong tất cả các ngành khoa học, người ta thường thừa nhận tâm lý học là một môn khoa học bí hiểm và tối tăm nhất, và khó có thể chứng minh bằng khoa học hơn bất cứ bộ môn nào khác. Bản chất của những sự vật ở đây luôn luôn có sự hư hư thực thực và sự bất ngờ, vì nhà tâm lý học phải nghiên cứu về một hiện tượng tự nhiên bí mật nhất, đó là cuộc sống tâm lý của con người. Một lý thuyết hóa học hay vật lý có thể được chứng minh hay bác bỏ những phương pháp kỹ thuật trong phòng thí nghiệm, nhưng đối với giá trị của một lý thuyết tâm lý học, rất có thể không sao chứng minh được một cách minh bạch, cho nên nhiều cuộc tranh luận bão táp đã nổi lên xung quanh Sigmund Freud và khoa phân tâm học suốt sáu chục năm ròng.

Dẫu sao, có thể chứng minh được hay không thì học thuyết của Sigmund Freud cũng đã có một ảnh hưởng vô song đối với tư duy hiện đại. Ngay Einstein cũng không kích thích trí tưởng tượng hay thâm nhập vào đời sống của người đương thời bằng Sigmund Freud. Nhờ tìm tòi nghiên cứu những thứ chưa bao giờ ai hiểu biết về trí não con người mà Sigmund Freud đã đưa ra được những ý tưởng và những từ ngữ mà ngày nay đã chan hòa vào cuộc sống thường nhật của chúng ta. Thực vậy, tất cả mọi lĩnh vực tri thức của con người như văn chương, nghệ thuật, tôn giáo, nhân chủng học, giáo dục, luật pháp, xã hội học, luật học, sử học và những môn học về xã hội hay cá nhân khác đều chịu ảnh hưởng của học thuyết Sigmund Freud.

Tuy nhiên, học thuyết này lại quá khô khan và ít sáng sủa. Một nhà phê bình khá hài hước đã nhận xét rằng:

“Đối với người đời thì do sự phổ biến học thuyết này, Freud đã nổi bật lên như một kẻ phá bình vĩ đại nhất trong lịch sử tư tưởng nhân loại. Ông đã biến đổi sự giễu cợt và những niềm vui nhẹ nhàng của con người thành những hiện tượng dồn nén, bí hiểm và sâu thẳm, đã tìm thấy sự hằn thù trong nguồn gốc yếu thương, ác ý ngay trong lòng sự âu yếm, loạn luân trong tình yêu

thương giữa cha mẹ và con cái, tội lỗi trong thái độ đại lượng và trạng thái của sự căm uất bị “dồn nén” của mọi người cha như là một thứ được lưu truyền của nhân loại”.

Tuy nhiên nhờ Freud mà ngày nay người ta đã có những ý nghĩ rất khác nhau về chính mình. Họ chấp nhận các khái niệm của Freud như: ảnh hưởng của tiềm thức đối với ý thức, nguồn gốc tính dục của bệnh thần kinh, sự hiện hữu và tầm quan trọng của tính dục trẻ thơ, tác dụng mặc cảm O-đip" vào các giấc mộng, tình trạng "dồn nén"... Những khuyết điểm của con người như lỡ lời, nhớ mặt quên tên và quên lời hứa đều mang một ý nghĩa mới xét theo quan điểm của Freud. Hiện nay khó mà xác định được hết những định kiến mà Freud phải chống lại để truyền bá học thuyết của ông. Những định kiến này còn cố chấp hơn cả những định kiến mà Copernicus và Darwin đã vấp phải.

Khi Freud chào đời ở Freiberg thuộc miền Moravia, tác phẩm Nguồn gốc các chủng loài chưa xuất hiện. Năm đó là năm 1856. Cũng như Karl Marx, tổ tiên Freud có nhiều người là pháp sư đạo Do Thái. Ông được đưa tới thành Vienna thủ đô nước Áo vào năm lên bốn tuổi và đã sống gần suốt cả tuổi trưởng thành tại đây. Theo Ernest Jones, người viết tiểu sử chính của Freud thì ông đã được thừa hưởng của cha ông là một nhà buôn len, "tính hoài nghi sâu sắc về những tai biến bất thường của cuộc đời, thói quen dùng giai thoại Do Thái để châm biếm các quan điểm đạo đức, không tin ngưỡng những vấn đề tôn giáo". Bà mẹ Freud sống tới năm 59 tuổi, bản tính năng động và nhanh nhẹn. Sigmund Freud là đứa con cưng đầu lòng của bà. Sau này Freud đã viết "một người đã từng là con yêu đặc biệt của một bà mẹ thì suốt đời người ấy có cái cảm giác là một kẻ đi chinh phục, và chính cái lòng tin chiến thắng ấy luôn đem lại thành công thực sự".

Vào những năm đầu của cuộc đời, Freud rất tin vào thuyết của Darwin vì ông thấy rằng "Những thuyết ấy làm cho người ta có thể hy vọng vào những bước tiến phi thường trong việc tìm hiểu thế giới". Dự định sẽ trở thành thầy thuốc, ông đã theo học trường Đại học Y khoa thành Vienna. Và ông đã đỗ bác sĩ năm 1881. Là một thầy thuốc trẻ tuổi của bệnh viện đa khoa, chữa trị đủ mọi loại bệnh, ông tiếp tục nghiên cứu môn thần kinh bệnh học và giải phẫu thần kinh. Ít năm sau, số mệnh xoay chiều và bắt đầu làm tên tuổi của ông nổi tiếng khắp thế giới. Một bạn đồng nghiệp của ông đã đi Paris và ông bèn đi theo sang thành phố này. Tại đây,

ông cùng làm việc với Jean Charcot, lúc ấy đã là một nhà bệnh lý học và thần kinh học người Pháp nổi tiếng. Ở đây, lần đầu tiên ông được tiếp xúc với công trình của Charcot về bệnh loạn thần kinh và cách dùng phương pháp thôi miên để điều trị bệnh này. Freud đã thoả mãn khi thấy Charcot chứng minh được "bệnh loạn thần kinh thật mà và loạn thần kinh giả do dùng thôi miên tạo ra.

Nhưng khi trở lại thành Vienna, Freud không làm thế nào để thuyết phục được các bác sĩ đồng nghiệp: họ không tin là phương pháp chữa bệnh loạn thần kinh bằng thôi miên lại có cơ sở khoa học. Và người ta còn trừng phạt những ý nghĩ quá tạo bạo của ông bằng cách đuổi ông ra khỏi phòng thí nghiệm giải phẫu thần kinh. Từ đấy Freud tách khỏi môi trường đại học và không còn tiếp tục tham gia những buổi họp của giới trí thức ở Vienna nữa. Trong lúc hành nghề bác sĩ tư, ông tiếp tục dùng phương pháp thôi miên để thí nghiệm trong nhiều năm nữa, nhưng dần dần ông đã bỏ phương pháp điều trị này chỉ vì ít người hợp với lối chữa bằng thôi miên và cũng vì đôi khi thôi miên có những hiệu quả không hay với nhân cách người bệnh. Thay vào đó, Freud bắt đầu phát triển một phương pháp mới, ông đặt tên là "tự do liên tưởng", về sau kỹ thuật này đã trở thành một tiêu chuẩn thực hành của khoa học phân tâm học.

Freud hẳn là người sáng lập ra môn thần kinh bệnh học, điều đó không còn nghi ngờ gì nữa. Trước ông, các nhà thần kinh bệnh học chỉ quan tâm đến những triệu chứng của bệnh tâm thần phân liệt (schizophrenia) và chứng tâm thần suy giảm (lảm cẩm), cần phải giam lại trong bệnh viện. Ngay từ khi chữa chứng đôn nén và chứng thần kinh tương khắc, Freud đã đi tới kết luận là không phải chỉ riêng con bệnh mà cả những người lành mạnh bình thường cũng mang trong mình những xung khắc tâm thần tương tự. Đi xa hơn nữa, bệnh tâm thần không phải là bệnh theo nghĩa thông thường được chấp nhận mà là trạng thái tâm lý của trí não. Vấn đề quan trọng là làm thế nào để điều trị những chứng rối loạn tâm thần đang lan tràn rộng rãi ấy. Căn cứ vào những quan sát, thí nghiệm và kinh nghiệm thực hành khi điều trị cho nhiều người bệnh ở Vienna, Freud đã xây dựng cơ sở cho khoa phân tâm học vào khoảng cuối thế kỷ 19.

Freud là một trong những nhà khoa học đã sáng tác nhiều hơn hết trong thời đại chúng ta. Sự phong phú về những đề tài mới mẻ cùng những phần đóng góp về tâm lý do ngòi bút của ông đem

lại không thể thu gọn trong bất cứ một cuốn sách hay tờ báo nào. Theo ông, thì chắc chắn cuốn sách quan trọng ra đời sớm nhất của ông mà cũng được ông yêu thích nhất là cuốn *Đoán Mộng* xuất bản năm 1900. Sách này gồm hầu hết những quan sát cơ bản và những suy luận của ông. Trong cuốn *Nghiên cứu về chứng loạn thần kinh* xuất bản sớm hơn (tức là vào năm 1895), ông đã bộc lộ niềm tin rằng "yếu tố chính trong sự rối loạn về tính dục là sự suy yếu gây ra cả bệnh tâm thần (neurosis) lẫn bệnh tâm thần suy nhược (psychoneuroses)". Đó là nền tảng của thuyết phân tâm. Vài năm sau đó, Freud hoàn chỉnh được lý thuyết của ông về sức đối kháng, hiện tượng chuyển biến tính dục tuổi thơ, mối tương quan giữa những ký ức bất mãn và ảo tưởng, giữa cơ chế tự vệ (defense mechanism) và sự dồn nén.

Một bản tóm lược những luận đề chính sẽ cho ta thấy được phần nào tính phức tạp của thuyết phân tâm. Trước hết, thần kinh bệnh học và phân tâm học không phải là hai từ đồng nghĩa. Phân tâm học có thể được coi như một ngành của thần kinh bệnh học và chỉ áp dụng cho những trường hợp khó khăn nhất là rối loạn nhân cách. Cho nên, phân tâm học có thể được định nghĩa như một phương pháp dùng để trị những bệnh rối loạn tâm lý và thần kinh. Theo một bản tường trình mới đây thì ở Mỹ chỉ có 300 trên 4.000 các bác sĩ thần kinh được tín nhiệm là những nhà phân tâm học mà thôi.

Họa hoằn lắm Freud mới chú ý tới việc điều trị cá nhân. Những trường hợp cá nhân không bình thường chỉ được coi là những triệu chứng xáo trộn về kinh tế, xã hội và văn hoá của thế giới ngày nay. Mục đích của ông là trị bệnh tận gốc.

Nhiều nhà phê bình đã đồng ý là thành tựu mà Freud đã đạt được dựa chủ yếu trên công trình phát giác và khảo sát về lĩnh vực vô thức của con người.

So sánh tâm linh con người với một tảng băng, mà tới tám chín phần mười tảng băng này chìm dưới nước biển, Freud cho rằng phần chính tâm lý con người cũng được ẩn giấu trong cõi vô thức. Bên dưới lớp vỏ ngoài, vì những lý do nào đó, những cảm giác và những mục đích mà một cá nhân đã không những giấu kín người khác mà còn tự giấu ngay chính bản thân mình nữa. Trong tâm lý học của Freud, cõi vô thức là tối thượng và mọi hoạt động ý thức chỉ có một vị trí phụ thuộc. Nếu hiểu được cái thâm kín bí mật sâu xa của cõi vô thức ắt chúng ta hiểu được bản chất nội tâm

của con người. Freud tuyên bố là chúng ta thường suy nghĩ một cách vô thức và chỉ thỉnh thoảng suy tư của chúng ta mới có tính chất ý thức. Tâm linh vô thức chính là nguồn gốc gây bệnh tâm thần, vì bệnh nhân thường cố gắng gạt ra ngoài cõi ý thức mọi ký ức khó chịu, mọi ước vọng bị "dồn nén" vô hiệu, nhưng kết quả là anh ta tích tụ ngày càng nhiều ký ức, những ước vọng, để dồn thành bệnh.

Freud phân loại mọi hoạt động tinh thần của mỗi nhân con người được thể hiện thành ba cấp độ được ông gọi là Tự Ngã, (Id. Soi); Bản Ngã (ego moi) và Siêu Ngã (superego Surmoi). Quan trọng số một là cái Id, Freud bảo: Phạm vi của Id là phần nhân cách tối tăm và không thể đi đến được của chúng ta. Bản thân ta chỉ biết chút ít về cái Id qua nghiên cứu các giấc mộng và qua sự biểu hiện các triệu chứng bên ngoài của bệnh tâm thần, Id là nơi trú ngụ các bản năng nguyên thủy và các xúc cảm đi ngược lên tới cái quá khứ xa xưa khi mà con người còn là một con thú, Id có tính chất thú vậy và bản chất của nó là thuộc về dục tính (sexual in nature), nó vốn vô thức. Freud viết tiếp: Cái Id bao gồm tất cả những gì do di truyền, có ngay từ lúc sinh ra được kết tụ lại trong sự cấu thành. Id mù quáng và độc ác. Mục đích độc nhất của nó là thoả mãn các ham muốn bản năng và các khoái cảm, không cần biết đến các hậu quả. Nói theo Thomas Mann thì: "Nó không biết gì đến giá trị, thiện hay ác, và cả đạo đức nữa".

Đứa bé sơ sinh là Id được nhân cách hóa. Dần dần cái Id phát triển lên thành cái Ego (bản ngã Moi). Khi đứa bé lớn lên. Thay vì được hoàn toàn dẫn dắt bằng nguyên lý khoái lạc, cái Ego bị chi phối bởi nguyên lý "thích ứng với thực tại". Ego biết được thế giới xung quanh, nhận ra rằng phải kìm hãm những khuynh hướng phạm pháp của cái Id để ngăn ngừa mọi xung đột với luật lệ của xã hội. Như Freud viết, cái Ego là "viên trọng tài giữa những đòi hỏi bạt mạng của cái Id và sự kiểm soát của thế giới bên ngoài". Vì vậy Ego thực sự hành động như một nhân viên kiểm duyệt, cắt xén, sửa đổi những thúc giục của cái Id làm cho những thúc giục này phù hợp với tình hình thực tế, biết rằng việc tránh khỏi bị xã hội trừng phạt và cả để tự bảo toàn hay là ngay cả đến sự bảo tồn, đều phải tùy thuộc vào những "dồn nén". Tuy nhiên cuộc đấu tranh giữa cái Ego và Id có thể gây ra những bệnh tâm thần, ảnh hưởng nghiêm trọng tới nhân cách cá nhân.

Sau hết, còn một thứ yếu tố thứ ba trong quá trình sinh hoạt tinh thần gọi là Superego (Siêu ngã). Siêu ngã này có thể được định nghĩa một cách đại khái là “lương tâm”. Học trò chính của Freud ở Hoa Kỳ là A.A Brill đã viết:

“Cái Superego là sự phát triển tinh thần cao hơn cả mà con người có thể đạt tới được và bao gồm lẫn lộn mọi sự cảm đoán, mọi quy tắc cư xử do cha mẹ tạo ra nơi đứa trẻ. Tri giác lương tâm hoàn toàn tùy thuộc vào sự phát triển của cái Superego.

Cũng như cái Id, cái Superego cũng nằm trong vô thức và cả hai cùng luôn ở thế tương tranh, trong khi cái Ego luôn hoạt động ở giữa như một trọng tài. Lý tưởng đạo đức và quy tắc cư xử đều nằm trong Superego. Khi ba cái Id và Superego tương đối hòa hợp thì cá nhân lúc ấy ở trạng thái điều hòa và hạnh phúc. Nếu cái Ego để cho cái Id vi phạm các luật lệ, cái Superego sẽ gây ra lo lắng, cảm giác có tội và mọi biểu lộ của lương tâm.

Lý thuyết tính dục hay còn gọi là nhục dục (Libido) là một khái niệm khác được ghép chung với Id và do Freud tạo ra. Ông dạy rằng tất cả những xúc cảm của Id đều là hình thức thể hiện của “năng lượng tính dục” (sexual). Thuyết tính dục đã từng được gọi là “cái lõi của phân tâm học”. Mọi sáng tạo văn hóa của con người: nghệ thuật, luật pháp, tôn giáo, văn vần.. đều được coi là sự phát triển của tính dục. Khi nói “năng lực của tính dục” (sexual energy), thì ở đây chữ “tính” (sexual) được dùng theo nghĩa rộng. Ở đứa trẻ bản năng tính dục bộc lộ qua những hành động như mút tay, bú sữa chai và bài tiết. Những năm sau đó năng lượng tính dục có thể được truyền cho người khác qua hôn nhân, mang hình thức một hư hỏng thuộc về “tính” hay được thể hiện qua hoạt động sáng tạo nghệ thuật, văn chương hay âm nhạc - đó là phương pháp được gọi là “dịch chuyển”. Theo Freud thì bản năng tính dục (sex instinct) là nguồn gốc của mọi công trình sáng tạo vĩ đại nhất.

Thật vậy, Freud đã tuyên bố: “Các bệnh tâm thần, không chừa một bệnh nào, đều là những rối loạn của đời sống sinh lý”. Nếu luận thêm, không thể cho rằng bệnh tâm thần là do những cuộc hôn nhân thất bại hay những mối tình lỡ làng gây ra; trái lại có thể tìm thấy dấu vết tất cả những bệnh này ở thời kỳ ấu thơ với các mặc cảm tính dục. Freud đã áp dụng lý thuyết của ông sang lĩnh vực nhân chủng học trong tác phẩm Vật tổ và cấm kỵ. Ông tin rằng ngay tôn giáo cũng chỉ là biểu hiện của mặc cảm tính dục. Sau khi phân tích kỹ lưỡng từng chi tiết hàng trăm trường hợp

bệnh nhân đến chữa bệnh, Freud đã nâng bản năng tính dục và thèm khát nhục dục lên thành yếu tố đầu tiên và mạnh mẽ nhất trong việc tạo thành nhân cách con người, đồng thời là nguyên nhân sâu xa của mọi bệnh tâm thần. Đó là một phán đoán mà một số các nhà phân tâm học nổi tiếng khác đã bác bỏ như sẽ nói sau đây.

Vì xã hội buộc mỗi con người phải kiềm chế nhiều ham muốn, theo cách nói của Freud thì mỗi cá nhân đã vô tình tích trữ nhiều “dồn nén”. Bình thường thì ý thức con người vẫn thành công trong việc ngăn trở, không cho “những sức mạnh vô thức đen tối” bị dồn nén kia xuất hiện. Nhưng sự kiểm soát ấy có thể làm cho những con bệnh tâm thần trải qua những giai đoạn xúc cảm bị rối loạn sâu xa. Freud cho công việc chữa bệnh của nhà phân tâm học là “làm bộc lộ và thay thế những dồn nén bằng những hành động phán đoán có thể đưa đến, hoặc sự chấp nhận hoặc sự loại bỏ những gì đã bị khước từ từ trước”. Vì bản chất của sự dồn nén là gây ra sự đau khổ, nên người bệnh thường cố tìm cách ngăn không cho những dồn nén ấy bộc lộ ra ngoài. Sự cố gắng che đậy ấy Freud gọi là “sức đối kháng”. Nhiệm vụ của thầy thuốc là loại bỏ sức đối kháng này, để người bệnh bộc lộ ra cái “dồn nén” kia.

Kỹ thuật do Freud phát minh ra để giải tỏa với mọi “dồn nén” và loại bỏ mọi đối kháng là phương pháp “gợi tự do liên tưởng”: Những lời nói thao thao bất tuyệt có ý thức của người bệnh khi nằm trên cái giường của nhà phân tâm học trong cảnh đèn sáng mờ mờ, nhà phân tâm học kích thích, khêu gợi để người bệnh không nghĩ một cách có ý thức về bất cứ chiều hướng nào, Freud cho rằng phương pháp “kích thích tự do liên tưởng” là phương pháp duy nhất hữu hiệu để chữa bệnh tâm thần. Ông cũng chủ trương là phương pháp ấy “hoàn thành được điều mà người ta trông đợi, nghĩa là đưa những mong muốn bị sức đối kháng dồn nén từ xưa ta lĩnh vực ý thức”. Brill đã mô tả cách Freud chữa bệnh như sau: “Ông thuyết phục con bệnh gạt mọi suy nghĩ có ý thức, tự buông thả mình vào một trạng thái tập trung bình thản, tự phó mặc theo những cảm xúc và suy nghĩ nảy sinh, rồi thuật lại tất cả những điều đó cho ông biết. Nhờ phương pháp ấy, ông đưa dần bệnh nhân tới trạng thái “tự do liên tưởng”; và nhờ nghe người bệnh tự do liên tưởng, mà thầy thuốc có thể tìm ra được nguồn gốc sâu xa của các triệu chứng”. Sự việc đã quên rồi nay lại được người bệnh kéo ra khỏi cõi vô thức, có khi phải sau hàng tháng trời điều

trị bằng phương pháp phân tâm. Nguồn gốc thường là một sự việc nào đó đau đớn, khó chịu, đáng sợ hay nói cách khác đáng ghét, từ trong quá khứ của bệnh nhân. Đó chính là những “kỷ niệm” mà người bệnh hoàn toàn không muốn nhớ lại một cách có ý thức.

Trong quá trình tự do liên tưởng, những hồi tưởng lông bông ấy không tránh khỏi tạo ra một mớ lộn xộn, rối rắm những sự kiện lờ mờ không rõ, và tưởng như vô ích. Vì vậy, người thầy thuốc như nhiều nhà phê bình cho biết, gần như có vô vàn cách giải thích những dữ kiện ấy. Vì thế nhà phân tâm học phải hết sức sáng suốt và có tài khéo léo.

Trong khi chữa bệnh bằng phương pháp phân tâm, Freud phát hiện ra cái mà ông gọi là “một yếu tố quan trọng khó thể nào lường được”, một giây liên lạc tình cảm nồng nhiệt giữa con bệnh và nhà phân tâm học. Cái đó gọi là “chuyển dịch”.

“Bệnh nhân không thỏa mãn nếu chỉ coi nhà phân tâm học như là người giúp đỡ và cố vấn cho họ.. Ngược lại con bệnh lại nhìn thấy qua nhà phân tâm học một hình ảnh quan trọng trong thời thơ ấu hay quá khứ của họ hiện lại. Và vì thế mà họ sẵn sàng bộc lộ mọi tình cảm và phản ứng mà chắc chắn là đã được dành cho hình ảnh ấy “dịch chuyển” sang phía nhà phân tâm học”.

Sự dịch chuyển “có thể thay đổi giữa hai thái cực, từ một tình yêu hoàn toàn xác thật và cuồng nhiệt tới một thái độ nghi ngờ chua chát và oán hờn không kìm chế được.”

Trong tình trạng ấy, nhà phân tâm học “như được đặt vào địa vị của cha mẹ người bệnh”. Freud coi sự kiện dịch chuyển như “công cụ tốt hơn hết để chữa bệnh theo phương pháp phân tâm” nhưng ông cũng cho biết “tuy nhiên việc sử dụng phương pháp này là phần khó khăn và quan trọng hơn hết trong kỹ thuật phân tâm”. Freud xác nhận là việc này “được thực hiện bằng cách thuyết phục con bệnh là họ đang sống lại những mối liên hệ tình cảm phát sinh từ thời ấu thơ”.

Một phương pháp hữu hiệu khác để nghiên cứu những xung đột và cảm xúc nội tâm được Freud khai triển thêm là phân tích những giấc mộng. Trong lĩnh vực này, Freud cũng lại là một nhà tiên phong. Trước ông, người ta coi giấc mộng là vô nghĩa hoặc không có mục tiêu. Tác phẩm Đoán mộng của ông là công trình khoa học đầu tiên nghiên cứu về hiện tượng nằm mộng. Ba mươi một năm sau khi tác phẩm này được ấn hành, Freud nhận ra

rằng: “Theo nhận xét của tôi ngày nay thì tác phẩm này chứa đựng tất cả những phát kiến giá trị nhất mà tôi đã may mắn tìm ra”. Theo Freud thì “chúng ta đã có lý khi cho rằng giấc mộng là sự biến dạng của một ước vọng khi bị dồn nén”. Mỗi một giấc mộng đều biểu hiện một bi kịch trong thế giới nội tâm của con người. Freud xác nhận rằng: “Giấc mộng bao giờ cũng là sản phẩm của một cuộc tranh chấp” và “mộng bảo vệ cho giấc ngủ”. Nhiệm vụ của giấc mộng là trợ giúp chứ không phải là phá rối giấc ngủ. Giấc mộng làm tan đi cảm giác căng thẳng do những ước mong không đạt được gây ra.

Theo quan điểm của Freud thì giấc mộng thuộc phạm vi chi phối của vô thức, của Id và mộng rất quan trọng đối với nhà phân tâm học vì nhờ nó mà phân tâm học đi được vào cõi vô thức của con bệnh. Trong cõi vô thức có tất cả những ước vọng đầu tiên và những ham muốn thuộc cảm xúc đã bị hai cái Ego và Superego gạt ra khỏi ý thức. Những ham muốn thú tính luôn luôn nằm ngay bên dưới cái vỏ ngoài ý thức, và tự thúc đẩy tiến vào thế giới mộng mị. Tuy nhiên, ngay trong giấc mộng, Ego và Superego vẫn có mặt để canh chừng, kiểm duyệt. Vì lẽ đó, ý nghĩa của giấc mộng không luôn rõ ràng, những ý nghĩa này được biểu lộ bằng những hiện tượng và thầy thuốc cần biểu lộ chúng một cách lão luyện. Vì mang tính kí hiệu cho nên ý nghĩa của giấc mộng ta không thể hiểu được theo nghĩa đen, ngoại trừ những giấc mộng đơn giản của trẻ thơ. Trong tác phẩm *Đoán mộng* có nhiều ví dụ được Freud dùng phương pháp phân tâm phân tích.

Đọc nhầm, nói lỡ lời và những biểu hiện đấng trí lật vạt khác đều là những dấu hiệu cho biết hoạt động ngầm của vô thức. Freud viết: “Đã biết dùng phép đoán mộng để đi vào cõi vô thức thì phân tâm học cũng sử dụng những lầm lỡ của con người nhằm mục đích đó. Những lầm lỡ ấy nhà phân tâm học gọi là triệu chứng hoạt động”. Vấn đề này còn được Freud nghiên cứu vào năm 1904 trong cuốn *Tâm thần bệnh lý học của đời sống thường ngày* (*The psychopathology of everyday life*). Trong tác phẩm này, ông vẫn chủ trương “những hiện tượng đó không phải ngẫu nhiên... chúng có một ý nghĩa và ý nghĩa đó có thể diễn giải ra được. Và người ta có lý khi từ những hiện tượng đó suy ra sự hiện hữu của những xúc động và mong muốn bị dồn nén, ngăn cấm”. Quên tên ai có thể có nghĩa là mình không ưa gì người mang tên ấy. Một người lỡ tàu vì nhầm lẫn bảng tàu chạy, có thể có nghĩa là người ấy không

muốn đi chuyến tàu ấy. Một người chồng đánh mất hay quên chìa khóa nhà có thể vì người ấy cảm thấy đã phải sống khổ sở trong gia đình và không muốn về nhà. Nghiên cứu những lầm lẫn như vậy có thể đưa nhà phân tâm học đi vào cõi vô thức đầy rối rắm của con người.

Người ta còn tự giải thoát được những gì bị dồn nén nhờ biết giễu cợt. Giễu cợt đã được Freud mệnh danh là “cái nắp xả hơi tối tân và an toàn nhất mà con người đã dần tạo ra được” vì chính nhờ giễu cợt mà chúng ta tạm thời thoát ra khỏi những dồn nén mà cái xã hội lễ giáo này đòi hỏi chúng ta phải che giấu đi.

Có thể vì những phản ứng chung quanh hoặc vì càng ngày càng bất mãn hay bi quan, khi về già Freud tỏ ra lo lắng về cái chết (bản năng đi đến cái chết). Có lần ông quan niệm “bản năng chết” này quan trọng ngang với bản năng tính dục. Freud cho rằng có một “bản năng đi đến cái chết” thúc đẩy tất cả những thứ đang sống trở về trạng thái vô cơ (không sống). Bản năng này cũng làm biến dạng mọi vật. Theo quan điểm ấy con người luôn luôn bị xâu xé giữa nhu cầu tức bản năng sinh lý và một sức mạnh đối kháng, sự thôi thúc của hủy diệt, hay là bản năng tử vong. Lẽ dĩ nhiên thì cuối cùng bản năng tử vong đã chiến thắng. Bản năng này gây ra chiến tranh và những thú đê hèn đòi bại như gây tổn hại cho dòng giống và giai cấp, gây ra niềm thích thú hạ đẳng khi xem những vụ xử tội phạm, đấu bò rừng, và xử lăng trì tùng xẻo.

Tóm lại, những điều vừa nói trên là những khía cạnh của học thuyết Freud. Các nhà phân tâm học ngày nay cũng chia ra làm hai hay hơn nữa, phe phái chống đối nhau, một phe chống lại và một phe hòa theo Freud. Alfried Adler, một trong những học trò đi theo Freud ngay từ đầu đã tách ra khỏi nhóm Freud vì ông tin rằng Freud đã quá quan trọng hóa bản năng tính dục. Và đây là học thuyết của Adler đối lại Freud. Theo Adler thì niềm mong muốn tỏ ra mình hơn đồng loại là động lực chính lối cư xử của con người. Ông đã mở rộng ý tưởng về “mặc cảm tự ti”. Mặc cảm này thúc giục mỗi cá nhân con người cố gắng có một hoạt động để người khác thừa nhận mình. Một nhà lý khai nổi danh khác là Karl Jung ở Zurich cũng đã cố gắng làm giảm bớt tầm quan trọng của vai trò tính dục (sex). Jung chia nhân loại ra làm hai loại tâm lý: loại hướng ngoại và loại hướng nội, mặc dù ông vẫn thừa nhận rằng mỗi cá nhân đều là một hỗn hợp của hai loại tâm lý đó. Khác

với Freud, Jung nhấn mạnh vào yếu tố di truyền trong sự phát triển nhân cách.

Nói chung những người phê phán Freud đã tách rời khỏi Freud vì những bất đồng như: Freud quá nhấn mạnh vào ý nghĩa khởi đầu của bệnh tâm thần thơ ấu, Freud tin rằng chính những bản năng dữ dội, tối sơ đã giám sát con người. Cũng có một số người đã không đồng ý với Freud tin rằng “tự do liên tưởng” là một kỹ thuật không thể sai lầm trong việc thám hiểm cõi vô thức của con người. Họ đặc biệt nêu ra những khó khăn trong việc giải thích những dữ kiện do phương pháp ấy đem lại.

Tuy nhiên, một nhà tâm thần học, đã nhận xét lại:

“Những biến đổi và phát triển trong sáu chục năm qua đã không hề làm giảm giá trị tinh thần hay ảnh hưởng của Freud. Ông đã phát hiện ra cõi vô thức. Ông đã cho biết vô thức ấy giúp tạo thành cái “tôi” như thế nào và ta phải làm thế nào để đạt tới nó. Các nhà phân tâm học sau đó đã thay đổi nội dung nhiều ý tưởng và khái niệm của Freud dưới ánh sáng của những kinh nghiệm sâu xa hơn. Quý độc giả có thể bảo rằng các nhà phân tâm học này đã viết được một cuốn Tân ước về tâm thần bệnh học, còn Freud thì viết cuốn Cựu ước. Tác phẩm của Freud sẽ vẫn là tác phẩm nền móng”.

Đa số thái độ hiện nay của chúng ta đối với bệnh điên đều do Freud mà có. Hiện nay có khuynh hướng cho rằng “Bệnh nhân tâm thần đều giống y như chúng ta, chỉ khác là họ đã giống nhiều hơn mà thôi”. Alexander Reid Martin nhấn mạnh: “Dù thừa nhận hay chối bỏ học thuyết Freud thì hiện nay tất cả những bệnh viện tâm thần đều sử dụng những yếu tố và những nguyên lý cơ bản trong khoa tâm lý học của Freud. Cái mà trước đây được coi như một thế giới bí hiểm, cấm ngăn, kỳ cục, không đâu vào đâu, vô nghĩa thì qua Freud, đã trở thành sáng sủa đầy ý nghĩa, không những được y học mà còn được tất cả các khoa học xã hội thừa nhận và chú ý tới”.

Ảnh hưởng của học thuyết Freud đối với văn học và nghệ thuật cũng đáng chú ý không kém. Trong tiểu thuyết, thơ, kịch và các hình thức văn chương khác, những ý tưởng chính của Freud đã được phát triển trong ít năm gần đây. Bernard Dana Evans Voto đã miêu tả quan niệm là “chưa có một nhà khoa học nào khác có một ảnh hưởng mạnh mẽ và rộng rãi đến văn học như Freud”. Ảnh

hưởng của Freud trong hội họa, điêu khắc và thế giới nghệ thuật nói chung cũng sâu xa không kém.

Tóm tắt lại, đánh giá sự đóng góp phức tạp của thiên tài Freud là việc vô cùng khó khăn vì phạm vi ông quan tâm quá rộng và vì tính chất mâu thuẫn trong những khám phá của ông. Một nhà văn Anh, Robert Hamilton đã cố gắng làm công việc ấy, ông đánh giá như sau:

“Freud đã vẽ bản đồ khoa học tâm lý học. Ông là một nhà tiên phong vĩ đại và phần lớn những thành công của ông là nhờ ở cái mới lạ cùng bút pháp của ông. Mặc dù phương pháp này có mặt đáng hoài nghi, nhưng chưa bao giờ có một phương pháp nào lý thú hơn và mới lạ hơn, ngay cả về mặt bút pháp nếu không kể loại thuần túy văn chương, cũng chưa bao giờ có một bút pháp nào quyến rũ hơn của Freud. Ông đã buộc thế giới phải suy tư theo kiểu tâm lý học, đó là một nhu cầu cốt yếu của thời đại chúng ta. Ông cũng đã buộc con người phải tự đặt cho mình những câu hỏi liên quan đến hạnh phúc của loài người. Đánh đổ luận thuyết tâm lý khô khan, cầu kỳ của thế kỷ mười chín, Freud đã đưa ra phản luận “phân tâm” chứa đầy rối ren”.

Một nhà tâm thần học Hoa kỳ nổi tiếng là Frederic Wertham đã đứng trên một quan điểm khác để nhận định về trường hợp của Freud như sau:

“Phải thừa nhận rằng ngoài một số lớn sự kiện bệnh lý của các bệnh nhân mà ông quan sát được, Freud đã đem lại ba thay đổi cơ bản trên con đường nghiên cứu về nhân cách và tâm thần bệnh lý. Điều thứ nhất là ít ra ông đã nói về những phương pháp tâm lý và đã suy tư những phương pháp ấy với cách lý luận của khoa học tự nhiên. Điều đó chỉ thực hiện được khi mà Freud đưa ra khái niệm thực tế về cõi vô thức và những phương pháp thực tiễn để khảo sát nó. Điều thứ hai là Freud đã tìm ra một khía cạnh mới cho môn tâm thần bệnh lý học. Đó là tuổi thơ. Trước Freud, khoa tâm thần bệnh học đã chữa trị theo cách coi mỗi bệnh nhân như một Adam, con người chưa bao giờ sống qua tuổi thơ. Điều thứ ba, ông đã mở đầu sự hiểu biết về sự di truyền của tính dục. Phát hiện thực sự của ông ở đây là bản năng tính dục ở dạng tiềm ẩn nhiều hơn là trẻ con có đời sống tính dục”.

Một sự đánh giá tương tự đã được A.G.Tansley diễn tả trong bài kỷ niệm Freud viết cho Hội Khoa học Hoàng gia Luân đôn:

“Tính cách mạng trong những kết luận của Freud sẽ trở thành dễ hiểu nếu chúng ta nhớ lại rằng ông đã thám hiểm một lĩnh vực hoàn toàn chưa ai thám hiểm, lĩnh vực của trí não con người mà trước ông chưa ai bước vào. Những hiện tượng rõ rệt của lĩnh vực trí não này, vốn bị coi là không thể giải thích được hay bị coi như là những thác loạn thần kinh, hoặc bị bỏ qua vì những hiện tượng này thuộc về những cấm kỵ nghiêm khắc nhất của con người. Sự tồn tại của lĩnh vực này trước kia không được thừa nhận. Freud buộc lòng phải khẳng định cõi vô thức của trí não là có thực để rồi cố gắng thám hiểm, khám phá miền đất đó”.

Sau đó, Winfred Overholser đã nhận định: “Có nhiều lý do để nói rằng từ một năm nay Freud được đặt ngang hàng với Copernicus và Newton và là một trong những vĩ nhân đã mở ra những chân trời mới cho tư tưởng con người. Một điều chắc chắn là ở thời đại chúng ta chưa ai lại đem nhiều ánh sáng dội vào sự hoạt động trí não của con người nhiều bằng Freud”.

Những tháng cuối cùng trong cuộc đời dài dằng dặc của Freud đã diễn ra trong tình trạng lưu đày. Sau khi Đức quốc xã chiếm đóng nước Áo, ông buộc phải rời Vienna vào năm 1938. Nước Anh chấp nhận ông cư ngụ, nhưng chưa được một năm sau thì ông đã mất vì bệnh ung thư miệng, vào khoảng tháng chín năm 1939.

Theo Jostein Gaarder

(Những luận thuyết nổi tiếng thế giới - NXB Grasset - Paris)

PHẦN THỨ NHẤT

NHỮNG HÀNH VI SAI LẠC

1. NHẬP ĐỀ

Không biết bao nhiêu người trong các bạn đã đọc sách hay nghe nói đến môn phân tâm học. Nhưng vì đầu đề của những bài học này là “Nhập môn phân tâm học” nên tôi bị bó buộc phải cho rằng các bạn chưa hề biết gì về vấn đề đó và cần được hướng dẫn trong những bước đi chập chững lúc đầu.

Nhưng chắc chắn bạn cũng biết môn phân tâm học là một phương pháp y học chữa trị những bệnh thần kinh. Nhưng tôi muốn chứng tỏ bằng một thí dụ là ở đây sự việc không những không xảy ra như ở các ngành khác trong y học mà còn xảy ra theo một đường lối khác hẳn. Thông thường mỗi khi đem một phương pháp mới trị cho người bệnh, chúng ta hãy cố gắng giấu không cho người bệnh biết những bất tiện của phương pháp đó và thuyết phục là chúng ta có nhiều may mắn để thành công. Nhưng khi đem phương pháp phân tâm học ra điều trị, chúng ta phải làm khác hẳn. Chúng ta phải cho người bệnh biết những nỗi khó khăn, thời gian chữa chạy lâu dài, và những sự cố gắng và hi sinh mà chúng ta đòi hỏi ở họ; về kết quả cuối cùng mà chúng ta không thể nào hứa trước với họ là phương pháp có kiến hiệu hay không một phần lớn nhờ vào thái độ, sự thông minh, sự vâng lời và lòng kiên nhẫn của người bệnh. Tất nhiên chúng ta có nhiều lý do để giải thích thái độ bất thường đó mà sau này các bạn sẽ hiểu hết tầm quan trọng của nó.

Chắc hẳn các bạn sẽ không phật lòng với tôi khi tôi bắt đầu bằng cách coi ngay các bạn là những người mắc bệnh thần kinh. Tôi không khuyên các bạn trở lại giảng đường này một lần thứ hai nữa. Tôi sẽ phải làm cho các bạn quen với những điều còn khiêm khuyết trong việc giảng dạy môn phân tâm học, với những khó khăn sẽ gặp nếu muốn có một ý niệm các nhân về môn học đó. Tất cả những điều bạn đã học được từ trước, tất cả những thói quen

suy nghĩ của bạn sẽ làm cho bạn trở thành người thù địch môn phân tâm học. Bạn sẽ biết là bạn phải làm gì để vượt qua ý tưởng chống đối tự nhiên đó. Tất nhiên tôi không thể nói trước rằng bạn sẽ biết những gì về môn phân tâm học khi tham dự vào những buổi diễn giảng này, nhưng có điều chắc chắn là việc đến để học hỏi không thôi chưa đủ để các bạn có thể khảo cứu hay điều trị theo phương pháp phân tâm. Nếu trong các bạn có người nào không muốn dừng lại ở những bước đầu mà muốn đi xa hơn nữa, tôi sẽ khuyên họ không nên làm thế. Bởi vì, trong tình trạng hiện thời, người nào chọn môn phân tâm học làm sự nghiệp của đời mình thì sẽ không bao giờ nổi tiếng trong trường Đại học và khi ra trường để hành nghề. Người đó sẽ gặp ngay trong xã hội chung quanh mình những người vì không hiểu mô tê gì về vấn đề, sẽ nhìn họ bằng con mắt nghi ngờ, thù địch, sẵn sàng làm đủ mọi điều để phá phách họ. Chỉ cần nghĩ đến những điều để xảy đến cùng với những cuộc chiến tranh, bạn sẽ hiểu số người lòng ma dạ quỷ đó đông như thế nào.

Nhưng dù sao cũng có những người bị lôi cuốn bởi những ý tưởng mới mẻ, bất chấp những sự bất tiện vừa được trình bày. Nếu có những bạn nào thuộc dạng người đó và muốn trở lại đây một lần thứ hai nữa bất chấp những lời báo trước của tôi thì họ sẽ được hoan nghênh. Nhưng dù sao các bạn cũng cần biết đến những khó khăn đó là những khó khăn nào và đây là những điều mà tôi sắp nói cho các bạn nghe.

Khó khăn thứ nhất gắn liền ngay vào việc giảng dạy môn phân tâm học. Trong khi học y khoa, các bạn đã quen được nhìn thấy, ví dụ như những chuẩn bị về cơ thể học, những chất hiện ra sau một phản ứng hóa học, sự co rút của một bắp thịt khi gân bị kích thích. Sau này bạn sẽ được quan sát người bệnh, những dấu hiệu bệnh hoạn của người này, và trong nhiều trường hợp bạn còn được tận mắt nhìn thấy vi trùng bệnh nữa. Về môn giải phẫu, bạn sẽ tham dự vào những lần mổ xẻ, và có khi chính bạn cũng làm những công việc đó. Và ngay cả trong các bệnh về tinh thần các bạn cũng đứng trước một người bệnh, theo dõi sự thay đổi trên nét mặt của họ, và bạn sẽ có dịp quan sát thật nhiều điều làm cho bạn xúc động và ghi nhớ mãi mãi. Vì thế, một vị giáo sư đại học chỉ giữ địa vị một người hướng dẫn, một thông dịch viên theo bạn để giải thích như dân bạn vào trong viện bảo tàng của ông ta, trong khi bạn trực tiếp với những sự việc mà bạn cho là mới mẻ.

Khổ một điều là trong môn phân tâm học sự việc xảy ra khác hẳn. Khi điều trị một người bệnh trong môn này, người thầy thuốc chẳng làm gì khác hơn là trò chuyện với người bệnh. Người bệnh nói, kể cho bạn nghe những biến cố xảy ra trong đời họ, những cảm tưởng hiện thời, những ý muốn, những sự cảm động trong đời họ. Người thầy thuốc để ý hướng dẫn những tư tưởng của người bệnh, nhắc nhở cho anh ta nhớ lại, hướng sự chú ý của anh ta về một hướng nào đó, giải thích cho anh ta nghe, quan sát xem anh ta có hiểu hay không những phản ứng gây cho anh ta. Vì những người bệnh thường thường là vô học, chỉ quen với những điều mắt thấy tai nghe, hay sờ mó được, y như xem chiếu bóng nên không bao giờ ngân ngại gì mà không tỏ vẻ nghi ngờ sự kiến hiệu của một lối trị bệnh chỉ bằng những lời nói có vẻ như đầu Ngô mình Sở. Sự nghi ngờ chỉ trích này không hợp lý chút nào. Không phải rằng chính những người bệnh đó cũng biết rằng có những người bệnh lúc nào cũng tưởng rằng mình có những triệu chứng này hay triệu chứng khác ư? Trong thời cổ xưa những lời nói được coi như những trò phù thủy và bây giờ cũng vẫn còn giữ được những quyền lực như ngày xưa. Chỉ cần nói một tiếng là một người có thể làm cho một người khác sung sướng hay đẩy họ vào chỗ tuyệt vọng. Vị giáo sư dùng tiếng nói để truyền những hiểu biết cho học trò, nhờ những tiếng nói mà một diễn giả đã lôi cuốn được thính giả. Chính những tiếng nói đã gây ra những xúc động và là những phương sách mà loài người thường dùng để gây ảnh hưởng với đồng loại. Vì những lẽ đó chúng ta không nên tìm cách giảm bớt giá trị của những lời nói trong môn trị liệu về tinh thần, và chúng ta chỉ nên tham dự với tính cách bàng thính vào những cuộc nói chuyện giữa người thầy thuốc và người bệnh trong phân tâm học.

Nhưng dù chỉ muốn tham dự với tính cách bàng thính thôi cũng không được. Câu chuyện giữa những người bệnh và thầy thuốc không thể để cho người ngoài nghe và không thể dùng để biểu diễn. Tất nhiên trong những giờ giảng dạy, người ta có thể đưa ra trước các sinh viên một người bệnh thần kinh để họ nói cho nghe những điều đáng phàn nàn và những triệu chứng bệnh hoạn của họ. Nhưng chỉ có thể thôi. Chỉ khi nào giữa người bệnh và người thầy thuốc có một sự thông cảm đặc biệt thì người bệnh mới cho người thầy thuốc biết những điều người này cần biết. Mỗi khi thấy một người lạ, dù chỉ là một người không tỏ ra tò mò, người bệnh cũng im ngay không nói gì nữa. Bởi vì những điều cần biết là những điều thâm kín trong đời người bệnh, những điều họ cần

giấu không cho người khác biết và sau là những điều mà họ cũng không thú với chính họ nữa.

Vì vậy, dù chỉ muốn tham dự như một bàng thính thôi vào một lần trị bệnh về phân tâm, bạn cũng không làm được. Bạn chỉ có thể nghe nói về phương pháp đó thôi và muôn nói cho thật đúng thì bạn chỉ có thể nghe người khác nói lại thôi. Chính vì chỉ được nghe qua một người thứ hai mà bạn khó lòng phán đoán được cho chính xác. Tất cả đều phụ thuộc vào chỗ bạn có thể tin cậy vào người nói cho bạn nghe những điều đó tới mức nào.

Ví dụ: không phải bạn đang ngồi nghe một bài học về môn phân tâm học mà là một bài học sử ký về đời sống và sự nghiệp của Đại đế Alexandre. Bạn có những lý do gì để tin rằng những điều giáo sư sử học đang giảng dạy là đúng với sự thực? Mới nghe ra thì có vẻ như ông giáo sư sử còn đang ở trong một tình trạng không đáng tin bằng ông giáo sư phân tâm học, bởi lẽ ông giáo sư sử học chưa từng được tham dự vào sự nghiệp của Đại đế Alexandre trong khi ông giáo sư phân tâm học ít nhất cũng nói cho bạn nghe những điều do chính ông ta nhận thấy. Nhưng có một sự việc làm cho chúng ta có thể tin cậy nơi ông giáo sư sử học được. Ông giáo sư sử học có thể yêu cầu bạn đọc những bài của các nhà văn đồng thời với những việc xảy ra trong lịch sử hoặc cũng khá gần với những sự việc đó, nghĩa là những cuốn sách của Plutarque, Diodore, Artien... Nhà sử học cũng có thể đưa cho các bạn xem những bản chụp các đồng tiền, những pho tượng các vị vua hay một bức hình thời Popée họa trận đánh Issos. Nói thực ra tất cả những tài liệu đó chỉ chứng tỏ rằng có nhiều thế hệ trước đã tin tưởng là có Đại đế Alexandre thực và những chiến công của ngài cũng có thực luôn, và những nhận xét này có thể mở đường cho bạn trong công việc phê bình sử liệu. Bạn có thể kết luận là những điều mà người ta nói về Đại đế Alexandre không đáng tin cho lắm và nhất là không thể được kể lại với mọi chi tiết cần thiết; vậy mà tôi không tin rằng bạn có thể rời phòng diễn thuyết ra về mà vẫn nghi ngờ rằng có lẽ Đại đế Alexandre không có thực. Sự lý luận của bạn dựa trên hai điểm chính sau đây: điểm thứ nhất: diễn giả không có lý do gì để khuyến khích bạn tin vào những điều mà chính ông ta không cho là đáng tin; điểm thứ hai: tất cả những sách về sử học mà chúng ta có trong tay đều giống nhau hay gần giống nhau về những điều diễn giả đã trình bày. Nếu bạn khảo cứu đến những nguồn gốc cũ kỹ hơn nữa, bạn cũng sẽ để ý đến

những yếu tố vừa kể nghĩa là những lý do đã thúc đẩy những nhà sử học và phù hợp giữa những lời chứng nhận của họ. Trong trường hợp Đại đế Alexandre thì kết quả làm bạn yên tâm hơn hẳn trường hợp của Moise hay Nemrod chẳng hạn. Còn về những điểm nghi ngờ và tự hỏi xem những phức trình của một nhà phân tâm học đáng tin cậy đến mức nào thì sau đây bạn sẽ có nhiều dịp để phán đoán.

Bây giờ bạn có quyền hỏi tôi là nếu không có tiêu chuẩn nào để xét đoán về giá trị của môn phân tâm học, nếu chúng ta không có cách nào để biểu diễn một trường hợp phân tâm học thì chúng ta làm thế nào để học môn đó được và nhất là để xác nhận giá trị của những điều mà môn này khẳng định. Việc học hỏi tất nhiên không phải là điều dễ, có rất ít người theo học môn này một cách có hệ thống nhưng dù sao chúng ta vẫn có những cửa ngõ để đi vào sự học hỏi đó. Trước hết chúng ta học môn phân tâm học bằng cách khảo cứu ngay chính bản thân mình. Không hẳn rằng đó là một sự tự quan sát, nhưng nếu cần đến thì chúng ta sẽ phải làm việc đó. Có cả một số hiện tượng tinh thần xảy ra luôn luôn được nhiều người biết đến, chúng ta có thể khảo cứu ngay trong người mình nếu được chỉ dẫn về phương tiện chuyên môn. Làm như thế chúng ta sẽ tiến được tới lòng tin tưởng là sự việc diễn ra trong môn phân tâm học là đúng và những điều mà môn này quan niệm không phải là sai. Tôi phải nói rằng chúng ta không thể chờ đợi ở phương pháp tự khảo cứu những tiên bộ sâu xa về môn học. Chúng ta sẽ tiến bộ mau hơn nhiều bằng cách cho một nhà chuyên môn về phân tâm học phân tích mình, rồi lợi dụng cơ hội để thấu hiểu rõ ràng về phương diện chuyên môn. Khởi cần phải nói rằng cách học hoàn hảo này bao giờ cũng chỉ dùng cho một người thôi chứ không thể dùng trong những cuộc hội họp nhiều người.

Ngoài ra, lúc mới bước chân vào môn này, bạn còn gặp lại một khó khăn nữa, khó khăn này không gắn liền vào chính môn học đó, chính bạn là nguồn gốc của sự khó khăn đó do những điều bạn đã học trong những ngày trước khi học về y khoa. Những điều đã học từ trước tới nay đã in sâu vào trí óc bạn một chiều hướng tư tưởng làm cho bạn xa rời môn phân tâm học. Bạn đã quen lối gán cho những sự hoạt động của cơ thể và những sự rối loạn trong cơ thể này những nguyên nhân thuộc về giải phẫu, bạn đã quen đứng về phương diện hóa học hay vật lý học để cắt nghĩa, quen quan niệm sự việc theo sinh lý học trong khi chưa bao giờ bạn chú ý tới

đời sống tinh thần dạt dào trong cơ thể được cấu tạo một cách thực là hoàn hảo. Vì thế cho nên bạn xa lạ hẳn với lối tư tưởng về tinh thần, có thói quen nhìn những tư tưởng này bằng con mắt nghi ngờ, không chịu cho rằng những tư tưởng đó có thể có tính cách khoa học chỉ đáng dành riêng cho những con người phạm tục không hiểu biết, những nhà thi sĩ, những triết gia của thiên nhiên của môn thần bí học. Tất cả những giới hạn đó chắc chắn có hại cho sự hoạt động của bạn trong môn phân tâm học bởi vì theo lệ thường trong tất cả những sự giao thiệp giữa người với người, người bệnh bao giờ cũng bắt đầu bằng cách trình bày cho bạn xem phương diện tinh thần của anh ta. Tôi chỉ sợ bạn sẽ bị buộc phải bỏ ra một bên những phương pháp trị liệu vẫn thường dùng cho những anh chàng phạm tục hay thần bí.

Tôi không phải là không biết giá trị của những điều người ta đưa ra để bào chữa cho những thiếu sót trong công việc giáo dục bạn về phương diện y khoa. Chúng ta hãy còn thiếu cái khoa học có tính cách triết học phụ thuộc có thể dùng vào những mục tiêu do những hoạt động y khoa đặt ra. Môn học Triết lý học thuần túy cũng như môn Tâm lý mô tả hay Tâm lý học thực nghiệm liên quan đến môn sinh lý học về các giác quan. Không môn nào theo lối mà người ta dạy các bạn ở trường có ích về những liên quan giữa thể xác và tâm hồn cũng như giúp cho bạn hiểu được bất cứ một sự rối loạn thần kinh nào. Ngay trong khuôn khổ của y học, môn chữa bệnh tinh thần quả cũng có mô tả những sự rối loạn và tinh thần quan sát được và tập trung chúng lại trong những lúc dễ chịu nhất, các nhà chuyên môn về tinh thần chắc cũng tự hỏi không biết những sự thu xếp của họ quả có xứng đáng được gọi là có tính cách khoa học hay không? Chúng ta không hề biết nguồn gốc, sự diễn biến cũng như những dây liên lạc hồ tương của các triệu chứng ghi được trong các bản phân loại về bệnh lý: người ta chưa từng chứng minh được rằng những triệu chứng đó với linh hồn có một sự tương ứng nào không, và nếu có một sự thay đổi nào trong linh hồn thì những sự thay đổi này không cần nghĩa được gì về những triệu chứng nhận thấy. Những rối loạn thần kinh này chỉ có thể được trị liệu như những biến chứng phụ thuộc của một bệnh nào đó trong cơ thể.

Sự thiếu sót, môn phân tâm học nhất định san bằng. Phân tâm học muốn hiến cho một bệnh lý về tinh thần cái căn bản mà môn này thiếu sót, hy vọng tìm ra được một môi trường hoạt động

chung cho sự gặp gỡ giữa một sự rối loạn cơ thể và sự rối loạn tinh thần và làm cho sự gặp gỡ này trở lên dễ hiểu. Muốn đạt được mục đích đó, môn phân tâm học phải bỏ rơi hết mọi tiên kiến về cơ thể học, hóa học hay sinh lý học, mà chỉ chăm chú vào những khái niệm tâm lý thuần túy thôi: tôi sợ rằng bạn sẽ cho điều này là kì lạ.

Còn một khó khăn thứ ba nữa là kẻ chịu trách nhiệm không phải là bạn cũng như nhiều điều bạn học từ trước. Trong những điều kiện tiên quyết của môn phân tâm học có hai điều làm cho mọi người khó chịu và bị hầu hết mọi người bác bỏ. Một điều là do thành kiến về tri thức, một điều là do thành kiến về luân lý và nghệ thuật. Chúng ta đừng coi thường những thành kiến đó; đó là những cái có nhiều quyền lực lắm, những cái còn sống sót lại qua những giai đoạn phát triển rất có lợi, có khi cần thiết nữa của nhân loại. Những thành kiến này được bảo tồn bằng những sức mạnh về tình cảm và rất khó đánh bại.

Theo điều tiên thuyết thứ nhất thì những hoạt động tinh thần thường thường là vô thức, khi có một hoạt động nào có ý thức thì đó chỉ là những hoạt động lẻ loi, một phần nhỏ nào đó của đời sống tinh thần nói chung thôi. Về điểm này, bạn hãy nhớ lại là chúng ta, trái lại, coi những hoạt động này là có ý thức, coi ý thức như một cái gì đặc biệt biểu thị, như một định nghĩa của tinh thần và tâm lý học chính là môn học về những thứ chứa đựng trong ý thức. Sự đồng hóa giữa tinh thần và ý thức có vẻ tự nhiên đến nỗi nếu có người tỏ vẻ nghi ngờ là chúng ta phản đối ngay. Vậy mà môn phân tâm học không thể nào không nghi ngờ về sự đồng hóa này được. Phân tâm học định nghĩa tinh thần như một cái gì gồm có những diễn biến chung cho cả tình cảm, tư tưởng và ý chí. Phân tâm học còn khẳng định một tư tưởng và một ý chí vô thức. Nhưng định nghĩa và khẳng định như thế, môn học này sẽ làm mất cảm tình của những người bạn, làm cho họ nghi ngờ rằng có lẽ đó chỉ là một khoa học thần bí, quái đản, muốn xây dựng trong bóng tối và thả câu nhờ nước đục. Tất nhiên bạn chưa hiểu tại sao tôi có thể coi là thành kiến một lời nói trừu tượng như câu khẳng định rằng: “tinh thần tức là có ý thức”. Nhưng bạn cũng chưa thể hiểu được là sự tiến triển của môn học đã đưa ra quan điểm rằng làm gì có vô thức (cứ cho rằng vô thức có thực đi) cũng như bạn chưa hiểu được khi quan niệm như chúng ta có lợi những gì. Thảo luận về vấn đề tìm hiểu xem có nên đồng tính hóa tinh thần và ý thức không, hay nên

mở rộng tinh thần ra khỏi giới hạn của ý thức có vẻ như chỉ muốn chơi chữ, nhưng tôi có thể quả quyết với bạn rằng, sự công nhận rằng có những sự hoạt động tinh thần vô thức sẽ mở cho khoa học một hướng đi mới có tính chất quyết định.

Cũng thế, bạn không thể ngờ rằng những điều tôi vừa nói trên với những điều tôi sắp nói lại có thể có một dây liên lạc chặt chẽ đến thế. Điều phát minh thứ hai của môn phân tâm học là khẳng định rằng, những rạo rức về tình dục, dù hiểu theo nghĩa hẹp hay nghĩa rộng, cũng giữ một địa vị vô cùng quan trọng mà cho đến nay người ta vẫn chưa hiểu rõ đúng mức trong đời sống tinh thần, chúng chính là nguyên nhân của nhiều bệnh về thần kinh và tinh thần. Hơn thế nữa, phân tâm học còn khẳng định rằng, những rạo rức về tình dục tham dự một phần không nhỏ vào công việc sáng tạo của trí óc loài người, về phương diện văn hóa nghệ thuật và đời sống xã hội.

Theo kinh nghiệm của tôi thì sự thù ghét do sự phát minh này của môn phân tâm học gây nên chính là lý do quan trọng nhất làm cho mọi người không chịu chấp nhận môn học đó. Bạn có muốn tôi cắt nghĩa sự kiện đó như thế nào không? Chúng tôi tin rằng văn hóa đã được sáng tạo dưới sự thúc đẩy của sự cần thiết trong cuộc sống và nhiều khi lấn át cả các sự đòi hỏi của bản năng, và rồi hết đời nọ đến đời kia văn hóa cứ được sáng tạo như thế mãi vì mỗi cá nhân nào khi vào đời đều phải vì những lợi ích chung mà hy sinh bản năng của mình. Trong những bản năng bị kìm hãm không được thỏa mãn đó, những sự rạo rức về tình dục chiếm một vị trí vô cùng quan trọng: Những bản năng tình dục không bị chế ngự hẳn hoi và mỗi cá nhân nào tham dự vào công việc sáng tạo văn hóa cũng có thể gặp sự hiểm nguy là bản năng của mình sẽ chống trả lại sự kìm hãm đó. Nền văn hóa của một xã hội không có sự đe dọa nào nặng nề hơn là nhìn thấy sự xa đọa của văn hóa trước sự phóng túng của bản năng muốn quay trở về tình trạng bán khai cổ xưa. Vì thế cho nên xã hội không muốn nhắc nhở cho mình biết là mình đang đứng dựa trên những nền móng không có gì là vững chắc; xã hội không có lợi gì trong việc phải công nhận sức mạnh của các bản năng tình dục, sự quan trọng của đời sống tình dục: Xã hội đã theo một phương pháp giáo dục có mục đích làm cho mọi người không để ý đến những vấn đề đó. Vì thế xã hội không chịu đựng được những kết quả mà môn phân tâm học đã đạt được; xã hội sẵn sàng xua đuổi những thành quả đó và cho

rằng chúng đáng kính tởm về mọi phương diện. Nhưng người ta không thể dùng những lời trách móc loại đó để tiêu hủy một kết quả khách quan có tính khoa học. Những người chống đối nếu muốn người khác tán thành mình thì phải đứng về phương diện trí thức. Nhưng trí óc loài người thường sẵn sàng coi những gì mình không thích là bất công, vì thế nên họ có chống đối mình cũng là điều dễ hiểu. Do đó, xã hội biến những điều họ không thích thành những điều bất công, chống đối môn phân tâm học không phải bằng những lý lẽ hợp lý và cụ thể mà toàn bằng những lý lẽ tình cảm, dùng thành kiến của mình mà bo bo giữ những ý kiến chống đối không thèm nghe những lời biện bác.

Nhưng tôi cần nói rằng, khi đưa ra vấn đề nói trên tôi không muốn trình bày một khuynh hướng nào cả. Mục đích duy nhất của chúng tôi là trình bày một sự việc nhận thấy sau bao nhiêu công trình khảo cứu đầy khó khăn. Một lần nữa chúng tôi phản đối đưa những nhận xét trong đời sống thường ngày vào trong công việc khảo cứu khoa học, không cần xem xét những điều người ta lo sợ có hợp lý hay không.

Đó là một vài khó khăn mà bạn sẽ gặp nếu bạn theo học môn phân tâm học. Bắt đầu như thế quả cũng là quá nhiều rồi. Nếu bạn không thấy ngại ngùng thì chúng ta có thể tiếp tục.

2. NHỮNG HÀNH VI SAI LẠC

Chúng ta không bắt đầu bằng những giả dụ mà bằng một sự tìm tòi khảo cứu về những sự kiện được nhiều người biết nhưng không được hiểu đến nơi đến chốn, những sự kiện không liên quan gì đến tình trạng đau ốm bởi lẽ người ta có thể quan sát được nơi những người khoẻ mạnh. Những hiện tượng này chúng ta gọi bằng một cái tên là “những hành vi sai lạc”. Những hành vi này là của người nói hay người viết, dù có biết như thế hay không, một chữ hay một tiếng khác hẳn tiếng định dùng (nói lỡ lời); của những người đọc sách lại đọc lầm chữ khác (đọc sai); của những người nghe người khác nói mà lại nghe lầm sang tiếng khác trong khi các cơ quan về thính giác không hề bị trục trặc (nghe sai).

Một loại hiện tượng nữa có liên quan đến sự “quên” quý hồ như một sự quên kéo dài, sự quên trong chốc lát, ví dụ như trong trường hợp có một người không thể nhớ được cái tên mà người ta nhớ rất rõ, mà chỉ ít lâu sau lại nhớ lại ngay, hay trong trường hợp

quên làm một điều dự định sẵn từ trước nhưng về sau lại nhớ lại, nghĩa là chỉ quên trong chốc lát thôi. Loại hiện tượng thứ ba là loại mất cái điều kiện nhất thời, ví dụ như lúc người ta không tìm ra được một vật gì mà người ta thường xếp sẵn một chỗ; cũng thuộc vào loại này, trường hợp bị mất tương tự như thế. Đó là những sự quên lãng mà người ta coi là khác những sự quên khác, làm cho người ta ngạc nhiên, bực mình trong khi đáng lẽ phải coi là tự nhiên mới phải.

Cũng được sắp xếp vào loại này là những sự “lầm lẫn” trong đó điều kiện nhất thời lại xuất hiện, ví dụ như khi người ta tin tưởng vào một điều gì biết rõ nhưng sau này mới biết là không đúng như điều mình tưởng. Cùng những trường hợp này, người ta thêm vào rất nhiều điều khác nữa tương tự được gọi bằng nhiều tên khác nhau.

Đó là những sự bất bình có liên lạc chặt chẽ với nhau, với đặc biệt là tất cả những tiếng hay chữ dùng để chỉ những hiện tượng đó đều bắt đầu bằng vần ver (trong tiếng Đức) (1), những sự kiện xảy ra bất thường chẳng có ý nghĩa gì hết, phần lớn chỉ thoáng qua trong chốc lát và cũng chẳng có gì quan trọng trong đời sống con người. Trong rất ít trường hợp, ví dụ như mất vật dụng, những việc này có tính chất quan trọng trong thực tế. Vì thế cho nên không ai để ý đến, không ai làm ai xúc động cả.

Tôi muốn nói chuyện với các bạn về vấn đề đó nhưng tôi tưởng như các bạn lâu nhậu: “Trong đời sống mênh mông bên ngoài cũng như trong đời sống tinh thần chật hẹp có nhiều điều bí ẩn to tát, trong đời sống tinh thần rối loạn còn có bao nhiêu sự việc kỳ lạ đang chờ giải thích và đáng được giải thích mà không làm, lại đi làm những chuyện chẳng có ý nghĩa gì, như thế chẳng mất thời giờ vô ích sao? Nếu giáo sư có thể cắt nghĩa cho chúng tôi nghe tại sao một người có đôi mắt và đôi tai hoàn hảo vào ban ngày ban mặt lại trông thấy những điều thực ra không có, tại sao những người này tự nhiên lại có cảm tưởng rằng đột nhiên bị những người thân yêu khác hành hạ, hay theo đuổi những mơ màng mà một đứa trẻ cũng cho là vô lý thì lúc đó khoa phân tâm học mới đáng theo đuổi. Nhưng nếu môn phân tâm học không thể làm gì khác hơn là tìm hiểu xem tại sao vào một hôm nào đó, một diễn giả trong một bữa tiệc lại nói một câu hay một chữ đáng lẽ không định nói hay tại sao một bà chủ gia đình không tìm thấy chìa khoá, hay những điều vô tích sự tương tự thì chúng tôi nghĩ

rằng chúng tôi cần để thì giờ làm những việc khác quan trọng hơn”.

Tôi sẽ trả lời: “Khoan đã. Bạn chỉ trích sai rồi. Đúng thế, môn phân tâm học chỉ để ý đến những trường hợp vô tích sự đó thôi. Nhưng thực ra những sự quan sát của môn này dựa trên những sự kiện không rõ rệt mà các khoa học khác coi là vô nghĩa lý. Nhưng trong khi chỉ trích bạn đừng lầm sự quan trọng của các vấn đề với bề ngoài của các dấu hiệu. Bạn không thấy là có nhiều điều rất quan trọng mà chỉ xuất hiện dưới những hình thức hay dấu hiệu rất lờ mờ trong một vài điều kiện và trong một vài lúc đó sao? Tôi có thể dễ dàng kể cho bạn nghe một vài ví dụ. Hỡi các bạn thanh niên, có phải nhiều khi chỉ bằng một vài dấu hiệu không nhận thấy được rõ ràng mà bạn dự đoán được mình đã chiếm được tình cảm của một người con gái không? Bạn có chờ đợi là cô gái đó sẽ tỏ tình với bạn hay nhảy xổ lên ôm lấy cổ bạn không? Có phải là bạn chỉ chờ đợi một cái nhìn rất nhanh, một cử chỉ phác hoạ, một cái bắt tay hơi lâu một chút không? Rồi khi làm nhiệm vụ thẩm phán điều tra về một vụ án mạng, bạn có nên chờ tên sát nhân để lại tại nơi xảy ra vụ án bức hình hay địa chỉ của nó không? Hay là bạn chỉ mong chờ những dấu hiệu rất lờ mờ nhỏ nhoi để tìm ra căn cước của nó? Vậy bạn đừng nên coi thường những dấu hiệu nhỏ bé. Những dấu hiệu tầm thường này thường dẫn chúng ta đến những con đường cực kỳ quan trọng. Tôi cũng nghĩ như các bạn là các bạn phải để ý đến những vấn đề quan trọng của thế giới và của khoa học. Nhưng chỉ khi mới dự định bắt tay vào một việc nào quan trọng và to tát thôi thì cũng chẳng có ích gì vì bạn chưa hề biết mình sẽ phải đi về những hướng nào. Trong công việc khảo cứu khoa học nhiều khi hợp lý hơn nếu chúng ta bắt tay ngay vào công việc có trước mặt mình, vào những công việc tự nhiên đến cho chúng ta tìm tòi. Nếu chúng ta làm việc đó với tinh thần đúng đắn, không có thành kiến, không có hy vọng hảo huyền, và nếu may mắn ra nhờ có sự liên quan của những việc lớn nhỏ, những ảnh hưởng hỗ tương, công việc làm đó có thể dẫn chúng ta đến công việc to tát hơn nào đó”.

Đó là những điều tôi muốn nói với các bạn để làm cho các bạn chú ý đến khi tôi nói đến những hành vi sai lạc, bề ngoài thực vô nghĩa lý của những con người khoẻ mạnh bình thường. Bây giờ chúng ta nói đến một người hoàn toàn xa lạ với môn phân tâm học và hỏi xem họ cắt nghĩa ra sao với những sự việc trên vừa kể.

Chắc chắn là thế nào ông ta cũng trả lời: “Chả cần cần nghĩa gì cả bởi vì đó là những việc chẳng có nghĩa lý gì”. Ông ta định nói gì vậy? Có phải ông ta cho rằng có những sự việc không nghĩa lý gì, ở ngoài hẳn mọi sinh hoạt của thế giới và nếu không xảy ra thì cũng chẳng sao hay không? Nhưng ngay cả khi người ta phá bỏ thuyết tiền định được mọi người công nhận dù chỉ ở một điểm thôi, người ta cũng làm đảo lộn hết quan niệm khoa học về thế giới. Chúng ta sẽ chứng tỏ cho ông ta thấy rằng một quan niệm tôn giáo về thế giới sẽ hợp lý với chính mình hơn khi cho rằng một con chim sẽ không thể rơi từ trên trời xuống mà không có sự can thiệp đặc biệt của ý chí Thượng đế.

Tôi đề rằng người bạn của chúng ta đáng lẽ phải đưa ra hậu quả của lời giải thích thứ nhất của mình sẽ nói lại rằng ông ta có thể dễ dàng tìm thấy câu trả lời. Đó là một sự lệch lạc trong một cơ quan nào đó, sự sai lạc hoạt động của một cơ quan tinh thần, việc tìm ra sự lệch lạc đó không có gì là khó khăn. Một người lúc thường ăn nói thận trọng có thể nhầm lẫn khi: 1) ông ta bị mệt mỏi; 2) bị xúc động quá mức; 3) quá chú trọng đến một việc khác. Những lời xác định này rất dễ được công nhận. Người ta thường nói lỡ lời khi trong người bị mệt, nhức đầu hay sốt nóng lạnh. Những trường hợp quên tên cũng thế. Có những người mỗi khi thấy mình quên như thế là biết ngay mình sắp bị nhức đầu. Cũng như thế, khi bị xúc động người ta thường nhầm điều này với điều nọ, tiếng này với tiếng nọ.

Khi người ta đang trí, nghĩa là lúc người ta tập trung vào những điều khác thì người ta rất dễ quên những điều người ta dự định, hay làm những công việc không có ý. Một trường hợp rất quen thuộc là trường hợp một vị giáo sư quên mang ô và đội mũ của người khác bởi vì trí óc ông ta đang tập trung vào những vấn đề sắp được đem ra trình bày trong cuốn sách của ông ta. Còn những thí dụ về những điều dự định hay những lời hứa bị quên lãng xảy ra khi có những biến cố làm cho người ta phải chú ý đến những sự việc khác thì các bạn có thể tìm thấy ngay nơi mình.

Những điều vừa nói có vẻ như dễ hiểu và không thể bác bỏ được. Có lẽ cũng chẳng hay ho gì, hay ít nhất cũng chẳng hay ho như người ta tưởng. Chúng ta hãy xem xét thực kỹ những lời giải thích trên về những hành vi sai lạc. Những điều kiện mà người ta cho là có tính cách quyết định để cho những sự đó xảy ra không phải đều có tính chất giống nhau. Những sự khó chịu trong việc

tuần hoàn xảy ra là vì sự rối loạn trong một sự hoạt động thường thường, những sự rối loạn trong sinh lý. Những xúc động quá mức, mệt mỏi đáng trí đều là những yếu tố có tính cách khác hẳn, vừa về tâm lý vừa về sinh lý. Những yếu tố này người ta có thể dễ dàng viết thành những lý thuyết. Sự mệt mỏi, đáng trí làm cho người ta hoang mang không còn tập trung tư tưởng được nữa, như thế có nghĩa rằng cơ quan tập trung tư tưởng không còn nhận được một sự chú ý đủ dùng nữa nên bị rối loạn và không còn hoạt động với một mức độ chính xác đủ dùng nữa. Một sự khó chịu, những sự thay đổi trong việc tuần hoàn diễn ra trong cơ quan trung ương về tinh thần cũng có những kết quả tương tự có ảnh hưởng đến một yếu tố quan trọng là sự tập trung tư tưởng. Vậy tất cả những trường hợp này đều thuộc trường hợp theo sau ngay những sự rối loạn trong việc chú ý, dù rằng những sự rối loạn này có thể có những nguyên nhân trong cơ thể hay tinh thần.

Tất cả những điều nói trên cũng không kích thích được sự chú ý của chúng ta về môn phân tâm học và chúng ta vẫn có thể có ý tưởng bỏ rơi môn học này. Tuy nhiên khi xem xét một cách chăm chú hơn những hiện tượng hành vi sai lạc, chúng ta sẽ thấy rằng không phải mọi sự đều phù hợp với cái thuyết nói trên về sự chú ý, hay ít nhất cũng không phải là từ đó mà phát sinh ra. Chúng ta sẽ thấy những hành vi sai lạc này, những sự quên lãng này cũng xảy ra với những người không hề mệt mỏi, đáng trí hay bị xúc động quá mức chút nào, trái lại còn tỏ ra bình thường về mọi phương diện, và chỉ về sau này khi sự việc xảy ra xong rồi chúng ta mới gán cho họ những sự rối loạn nói trên mà chính họ cũng không công nhận. Thực là một sự khẳng định quá giản dị khi cho rằng khi nào người ta chú ý nhiều thì một cơ quan mới hoạt động đầy đủ, còn khi người ta kém chú ý đi thì cơ quan đó hoạt động không điều hoà. Có rất nhiều hành vi mà người ta làm như máy, hay lơ đãng không hề bớt chính xác đi tí nào. Người đi dạo tuy không hề để ý đến con đường mình đi mà vẫn đến nơi đến chốn như thường. Một nhạc sỹ dương cầm dù không để ý đến vẫn đánh được những nốt nhạc chính xác. Người này cũng có khi lầm, nhưng nếu khi cho rằng lỗi chơi đàn như máy là lỗi chơi hay đưa đến nhầm lẫn nhất thì những tay danh cầm chuyên luyện đến nỗi đã trở thành hoàn toàn máy móc lại là người hay lầm lẫn nhất. Trái lại chúng ta thấy rằng có rất nhiều hành vi thành công đặc biệt khi người ta không chú ý đến và chính lúc người ta chú ý đến chúng nhất, nghĩa là lúc sự chú ý được đưa đến tột độ thì lại xảy ra nhiều lầm lẫn nhất.

Chúng ta có thể cho rằng sự nhầm lẫn chính là kết quả của sự náo nức. Nhưng tại sao sự náo nức lại không làm giảm sự chú ý với một hành vi mà người ta chăm chú để ý đến như thế? Khi trong một bài diễn văn hay trong một cuộc nói chuyện thường có người nói lỡ lời, nói những điều không định nói hay nói trái hẳn ý mình thì người đó đã có một nhầm lẫn rất khó cắt nghĩa bằng thuyết tâm sinh lý hay thuyết về sự chú ý.

Chính ngay những hành vi sai lạc cũng kèm theo những hành vi phụ thuộc mà không ai hiểu nổi dù đã cố cắt nghĩa. Ví dụ như chúng ta quên một chữ, chúng ta tỏ vẻ khó chịu, tìm hết cách để nhớ lại và đứng ngồi không yên cho tới khi nhớ lại được mới thôi. Tại sao con người lại bực mình như thế rất ít khi tìm lại được chữ quên, không làm sao nhớ lại một chữ mà anh ta thường cho là ở ngay trên đầu lưỡi mình đến nỗi nếu có người nào khác nói đến chữ đó là anh ta nhớ lại liền. Ngoài ra còn những trường hợp trong đó những hành vi sai lạc chồng chất lên nhau, quấn chặt vào nhau, thay chỗ cho nhau. Lần đầu tiên chúng ta quên một buổi hẹn. Lần sau đó nhất định chúng ta không quên nữa, nhưng không may là chúng ta ghi nhầm giờ hẹn. Trong khi người ta dùng đủ mọi cách để nhớ lại một chữ bị quên thì người ta lại quên luôn một chữ thứ hai trong khi chữ này có thể giúp mình nhớ lại chữ kia; rồi trong khi người ta cố tìm lại chữ thứ hai này thì người ta lại quên một chữ thứ ba và cứ như thế tiếp diễn. Những sự rối loạn này thường xảy ra cho những người thợ sắp chữ có thể coi như những hành vi sai lạc. Một sự nhầm lẫn thuộc loại này cứ xảy đi xảy lại mãi trong một tờ báo của đảng xã hội dân chủ. Trong báo đó, khi tường thuật lại buổi biểu tình, người ta đọc thấy như sau: “Trong số những người tham dự có cả ông Kronprinz (đáng lẽ phải là ông Kronprinz- Đông cung thái tử)”. Hôm sau tờ báo cải chính, xin lỗi độc giả và viết: “Chúng tôi định viết ông Knorprinz (chứ không phải là ông Kronprinz)”. Người ta nói trong những chuyện như thế hình như có ma hay có quỷ trong việc xếp chữ. Dù là ma hay là quỷ thì những chữ này cũng vượt quá giới hạn của một thuyết tâm lý sinh lý của những sự nhầm lẫn trong việc xếp chữ.

Chắc bạn cũng biết là chúng ta có thể dùng cách ám thị để làm cho người ta lỡ lời. Về điều này có câu chuyện như sau: Một diễn viên mới vào nghề một hôm phải đóng một vai trong vở *Pucelle d' Ocléans*, anh ta có phận sự báo cho vua là ông

Connétable đưa trả lại thanh kiếm (shwert). Nhưng trong lúc tập, một người nhắc vở đùa anh ta bằng cách nhắc cho anh ta nói là: Ông Comfortable trả lại con ngựa (pferd). Và anh chàng hay đùa nghịch đó đạt được mục đích: anh diễn viên khốn khổ này của chúng ta quả nhiên nói lỡ lời ngay theo câu nói nhắc sai và rồi cứ nhầm như thế mãi mặc dù đã được cảnh báo bao nhiêu lần, có khi lại càng lầm vì những lời cảnh báo đó.

Tất cả những điểm đặc biệt về những hành vi sai lạc vừa được trình bày không thể cắt nghĩa được bằng thuyết cho rằng sự chú ý đã bị đánh lạc. Điều đó không có nghĩa là thuyết này sai. Nói cho đúng ra thì thuyết này phải được bổ túc. Nhưng ngoài ra nhiều khi có những hành vi sai lạc cần được hiểu theo một phương diện khác.

Ví dụ như những hành vi sai lạc thường được chúng ta chú ý đến nhất: đó là những sự lỡ lời (lapsus). Chúng ta có thể chọn những sự sai lầm về đọc sách hay viết cũng được. Chúng ta cần chú ý những điểm sau đây: là từ trước đến nay chúng ta chỉ tự đặt mỗi một câu hỏi là chúng ta đã lỡ lời trong những điều kiện nào và khi nào. Chúng ta mới chỉ trả lời có một câu hỏi đó. Nhưng chúng ta có thể xét đến hình thức một sự lỡ lời và hậu quả của sự lỡ lời đó. Chắc các bạn đoán ra rằng, một khi chúng ta chưa trả lời được câu hỏi này, một khi chưa cắt nghĩa được hậu quả của sự lỡ lời thì về phương diện tâm lý hiện tượng này vẫn chỉ còn là tai nạn bất thường ngay cả khi người ta đã cắt nghĩa được về phương diện sinh lý. Tất nhiên khi tôi lỡ lời, tôi có thể lỡ lời bằng hàng ngàn cách; tôi có thể thay thế tiếng nói đúng bằng ngàn cách khác hay nói một tiếng đó mà thay đổi đi bằng ngàn cách khác. Và khi tôi hỏi tại sao trong bao nhiêu tiếng có thể lỡ lời được tôi lại chỉ lỡ lời đặc biệt với một tiếng thôi? Trong trường hợp đó thì sự lỡ lời đó có nguyên nhân gì quyết định không hay là chỉ là do sự tình cờ, một vấn đề không sao giải đáp hợp lý được?

Hai tác giả, ông Maringer và ông Mayer (người trên là một triết gia trong khi người dưới là một nhà trị bệnh tinh thần) năm 1985 đã khảo cứu về những sự lỡ lời. Hai ông đã tập trung được nhiều trường hợp trong đó hai ông chỉ đứng về phương diện mô tả thôi. Hai ông không tìm cách cắt nghĩa nhưng trong thực tế đã mở đường cho người sau cắt nghĩa. Những sự lỡ lời được xếp loại như sau:

- a) nói lộn ngược;

- b) nói lẫn lộn chữ nọ với chữ kia (Vorlang)
- c) nói một chữ dài ra mà không có lợi gì cả (Nachklang)
- d) nói lầm chữ nọ với chữ kia (chữ nọ giây ra chữ kia);
- e) thay chữ nọ vào chữ kia.

Tôi kể cho các bạn nghe những thí dụ của mỗi loại. Có lộn ngược khi người ta nói Milô Vệ nữ trong khi phải nói Thần vệ nữ ở Milô. Có chữ nọ đè lên chữ kia khi nói: Es war mir an der Schwest.. auf der Brust so scbwer (Có nghĩa là tôi thấy cái gì cũng đè nặng lên ngực. Chữ Schwer (nặng) đè lên một phần chữ Brust (ngực). Có nói kéo dài vô ích hay nhắc lại vô ích trong câu chúc tụng sau đây: “ Ich fordere sie auf, auf das Wohl unseres Chefs aufzustossen ” (Xin các ngài hãy ợ lên để chúc mừng ông Chủ được thịnh vượng, trong khi đáng nhẽ phải nói uống để chúc cho ông Chủ v.v..). Ba hình thức lỡ lời trên không thường xảy ra. Nhưng trường hợp lỡ lời vì một sự liên tưởng hay một sự rút ngắn lời nói thì thấy dễ hơn. Ví dụ như một ông gặp một bà ngoài phố và nói: “Nếu cô cho phép tôi xin thất lễ với cô”. Sự thực thì ông ta muốn nói “Nếu cô cho phép tôi sẽ đi cùng cô” nhưng ông ta đã lầm chữ begleiten (đi cùng) với beleidigen (thất lễ) nghĩa là đã rút ngắn chữ nọ thành chữ kia. Tôi cần nói là có lẽ anh chàng này không được cô kia hoan nghênh thì phải. Về lối nói thay chữ nọ vào chữ kia thì có thí dụ sau đây: Meringer và Mayer nói: “Tôi cho những thứ thuốc này vào thùng thư (Briefkasten) thay vì trong lò hấp (Brutkasten)”.

Hai nhà khảo cứu trên đã tìm cách cắt nghĩa những thí dụ này, nhưng theo tôi thì những cách đó còn thiếu sót nhiều. Họ cho rằng những thanh âm và những vần trong chữ có những giá trị khác nhau, và khi người ta nghĩ đến một vần hay một thanh âm nào có giá trị cao hơn thì sự suy nghĩ này có ảnh hưởng rối loạn đến những vần hay những thanh âm có giá trị ít hơn. Điều nhận xét này cùng lắm chỉ có giá trị đối với những trường hợp ít xảy ra thuộc loại thứ hai hoặc thứ ba: trong những trường hợp dù cho rằng có những yếu tố này có giá trị hơn yếu tố khác chẳng nữa thì sự quan trọng hơn hay kém của những thanh âm hay vần không đóng vai trò gì cả. Những sự lỡ lời hay xảy ra hơn cả là trường hợp thay chữ này bằng chữ khác hao hao giống và sự giống hao hao này đủ để cắt nghĩa rồi. Ví dụ như một vị giáo sư trong một bài học khai mạc nói: “Tôi không sẵn sàng (geneigt) phán đoán về giá

trị của vị giáo sư dạy trước tôi một cách đúng mức” trong khi muốn nói : “Tôi không dám cho mình một sự hiểu biết đủ để dùng để phán đoán v.v.v.. (geeignet)”. Hay một vị giáo sư khác: “Về bộ phận sinh dục của đàn bà mặc dù những sự cảm dỗ (tentions, versuchungen), xin lỗi những mưu toan (tentatives, versuche)”.

Nhưng sự lỡ lời hay xảy ra nhất, làm cho người ta chú ý đến nhiều nhất là trường hợp nói ra những điều hoàn toàn trái với điều định nói. Tất nhiên trong trường hợp này, những liên quan về thanh âm cũng như những sự giống nhau chỉ đóng một vai trò rất nhỏ; để thay vào những yếu tố này người ta có thể cho rằng giữa những tiếng trái ngược nhau có một sự phù hợp rất gần trong sự liên tưởng về tâm lý. Chúng ta có những ví dụ lấy trong lịch sử loại này. Một ông chủ tịch hạ nghị viện đã khai mạc buổi họp bằng câu sau đây: “Thưa các ngài, tôi thấy có sự hiện diện của... nghị sĩ và tuyên bố bế mạc buổi họp”.

Bất cứ một liên tưởng nào có khả năng xuất hiện một cách bất chợt như thế cũng có thể đưa đến kết quả tương tự. Ví dụ như người ta kể lại rằng trong một bữa tiệc cưới của hai con nhà Helmholtz và Siemens, nhà sinh lý học nổi tiếng đã kết thúc bài diễn từ của ông bằng câu sau đây: “Hoan hô sự kết hợp mới mẻ giữa Siemens và Halske”. Tất nhiên khi nói câu đó ông ta đã nghĩ đến Halske vì sự liên tưởng giữa hai nhà Siemens và Halske rất quen thuộc với người dân thành Berlin.

Vì những lẽ đó ngoài những liên quan về thanh âm và sự giống nhau của các tiếng, chúng ta phải thêm vào sự liên tưởng giữa các tiếng nữa. Nhưng như thế cũng chưa đủ. Có nhiều trường hợp mà muốn cắt nghĩa một sự lỡ lời chúng ta phải để ý đến những lời đã nói hay đã nghĩ đến từ trước. Đó là những trường hợp tác dụng từ xa cũng thuộc loại do Meringer kể lại nhưng có phạm vi rộng lớn hơn. Nhưng đến đây tôi phải thú thực với các bạn là ngay lúc này hơn lúc nào chúng ta càng ngày càng thấy các sự lầm lẫn trong việc nói năng càng khó hiểu.

Nhưng tôi có thể nói là mình không làm khi cho rằng các công trình khảo cứu nói trên đã gây ra một cảm giác mới đáng cho chúng ta chú ý đến. Trước hết chúng ta xét tới những điều kiện phát sinh ra một sự lỡ lời, rồi sau đó xét đến những ảnh hưởng làm cho tiếng nói bị sai lạc đi. Nhưng chúng ta chưa nói đến những hậu quả của những sự lỡ lời. Nếu định xét đến vấn đề đó thì chúng ta phải có đủ can đảm nói rằng: Trong tất cả những sự

lỡ lời đó, sự sai lạc của tiếng nói có một ý nghĩa. Ta hiểu câu có một ý nghĩa như thế nào? Biết đâu hậu quả của một sự lỡ lời lại chẳng có quyền được coi như một hành vi hoàn hảo của tinh thần có mục đích nhất định, như một phát biểu với một nội dung và ý nghĩa đặc biệt. Từ trước tới nay chúng ta nói đến những hành vi sai lạc nhưng có vẻ như những hành vi sai lạc này lại là những hành vi hoàn toàn đúng đắn, chỉ xuất hiện ra với mục đích thay thế cho hành vi người ta muốn làm hay đang chờ đợi.

Ý nghĩa đen của hành vi sai lạc này trong một vài trường hợp có vẻ như không thể nào chối cãi được. Nếu ngay trong những tiếng đầu tiên mà ông chủ tịch đã nói ngay đến hai chữ “bê mạc” trong khi ý ông là muốn nói đến hai chữ “khai mạc” thì chúng ta là người biết rõ những điều kiện phát sinh của sự lỡ lời này, chúng ta có thể gán cho hành vi sai lạc này một ý nghĩa. Ông chủ tịch thực ra không chờ đợi viện dân biểu làm được một việc gì hay ho nên muốn cho nó bê mạc luôn đi. Chúng ta có thể dễ dàng tìm ra ý nghĩa của sự lỡ lời này. Khi một bà, được biết là người có nhiều nghị lực, kể cho chúng ta nghe rằng: “Chồng tôi vừa đi khám bác sĩ để cho bác sĩ chỉ cho phải ăn uống như thế nào thì bác sĩ bảo anh chẳng phải kiêng gì cả, anh cứ việc ăn những gì tôi muốn” thì chúng ta thấy nghe rằng đó là một sự lỡ lời, nhưng cũng thấy ngay rằng bà ta đã nói ra những điều bà ta dự định sẽ làm, nghĩa là bắt ông chồng ăn theo ý kiến của bà ta.

Nếu chúng ta cho rằng những sự lỡ lời có một ý nghĩa không phải là một ngoại lệ và trái lại, lại luôn luôn xảy ra thì ý nghĩa này của chúng ta có thể gặt bỏ mọi thứ khác vào trong hậu trường. Bây giờ chúng ta có thể gặt bỏ tất cả những yếu tố sinh lý, hay vừa tâm lý vừa tâm sinh lý mà chỉ để ý đến những yếu tố tâm lý thôi để tìm hiểu xem những hành vi sai lạc có ý nghĩa gì và nói lên những gì về ý nghĩa của người lỡ lời. Vì thế cho nên chúng ta sẽ xét nhiều trường hợp nữa.

Nhưng trước khi đi vào con đường đó, tôi mời các bạn đi vào một con đường khác hẳn. Có nhiều nhà thi sĩ đã từng sử dụng một sự lỡ lời hay hành vi sai lạc nào khác để diễn tả ý thơ của mình. Sự kiện này tự nó cũng đủ chứng tỏ cho chúng ta biết rằng nhà thi sĩ coi những hành vi sai lạc và đặc biệt sự lỡ lời không phải là không có ý nghĩa vì ông ta đã cố ý làm những hành vi sai lạc đó. Không ai tin rằng nhà thi sĩ làm lẩn trong khi viết rồi cứ để nguyên không sửa chữa sự sai lầm của mình, và sự sai lầm này sẽ trở thành một

sự lờ lờ từ miệng một người nào đó. Bằng sự lờ lờ này nhà thi sĩ muốn diễn tả một ý nghĩa gì có vẻ như ông ta muốn báo cho ta biết về con người đó đáng trí, mệt mỏi hay sắp bị nhức đầu. Nhưng nếu nhà thi sĩ dùng một sự lờ lờ như một tiếng có ý nghĩa thì chúng ta trái lại không nên gán cho sự việc đó một mức quá đáng. Sự thực, một sự lờ lờ có thể không có ý nghĩa gì hết, có thể chỉ là một tai nạn bất thần của tinh thần hay nếu có một ý nghĩa gì thì chỉ trong trường hợp thực đặc biệt thôi. Tuy nhiên, chúng ta không thể cấm nhà thi sĩ gán cho chúng một ý nghĩa để dùng vào tác phẩm của ông ta. Vì thế các bạn sẽ không ngạc nhiên khi thấy tôi nói rằng các bạn muốn tìm hiểu về vấn đề này nên khảo cứu các nhà thi sĩ hơn là các nhà ngôn ngữ học và chữa bệnh thần kinh.

Trong vở Wallenstein (Piccolomini, Hồi thứ nhất) ta thấy có một loại lờ lờ như thế. Trong cảnh trước Piccolomini đã hăng say bênh vực ông quận công bằng cách ca tụng những lợi ích của hoà bình, những lợi ích mà anh ta đã biết trong cuộc du hành cùng cô con gái Wallenstein. Sự bênh vực này làm cho cha anh và sứ giả của nhà vua sững sốt. Cảnh đó tiếp diễn như sau:

Questenberg - Ngụy quá chúng ta hiện đi đến đâu đây? Chúng ta có nên để cho nó đi với ý tưởng điên rồ đó mà không cảnh cáo nó và mở mắt nó ra không?

Octavio (đang suy nghĩ giật mình): Mắt tôi mở to lắm rồi và điều tôi trông thấy không làm tôi vui thích tí nào.

Questenberg - Điều gì vậy bạn?

Octavio - Cuộc du hành đó thực bất lợi quá.

Questenberg - Tại sao? Có gì vậy?

Octavio - Đi cùng tôi đi, tôi phải theo gót nó ngay, phải chính mắt tôi nhìn thấy.. Nào đi đi.

(Anh muốn kéo Questenberg đi cùng)

Questenberg - Bạn làm sao thế? Bạn muốn tôi đi đâu?

Octavio - Đến gặp nàng.

Questenberg - Gặp ai?

Octavio (Sực nhớ lại) - Gặp quận công. Nào ta đi...

Octavio muốn nói đến gặp ông quận công nhưng anh đã lờ lờ và nói gặp nàng, do đó chúng ta hiểu rằng anh chàng này đã hiểu

rõ những ảnh hưởng nào đã làm cho chàng chiến sĩ trẻ tuổi mơ đến những lợi ích của hoà bình.

O. Rank cũng đã tìm ra ở Shakespeare một thí dụ cùng loại. Đó là trong vở “Người lái buôn thành Venidơ” trong cảnh mà anh chàng si tình phải chọn giữa ba hộp đồ. Tôi muốn đọc cho các bạn nghe đoạn anh ta viết về điểm đó.

“Trong vở “Người lái buôn thành Venidơ” của Shakespeare (Hồi III cảnh II) có một sự lỡ lời rất đáng chú ý về phương diện văn chương và kỹ thuật; cũng như thí dụ do Freud kể lại trong Wallenstein, điều đó chứng tỏ rằng các nhà thi sĩ hiểu rõ về những sự lỡ lời và cho rằng khán giả cũng hiểu rõ. Bị cha bắt buộc rút thăm để chọn một người chồng, nàng Portia từ trước tới nay vẫn thoát khỏi tay những anh chàng mà nàng không thích do một sự ngẫu nhiên may mắn. Đến khi thấy anh chàng Bassanio hợp ý mình, nàng chỉ sợ anh chàng rút phải một lá thăm tồi thôi. Nàng muốn nói cho anh nghe là dù có rút phải một lá thăm tồi đi chăng nữa, anh cũng nên tin chắc rằng nàng yêu anh nhưng vì đã trót hứa nên không dám nói ra. Trong khi đang tan nát cả cõi lòng, nàng được nhà thi sĩ làm cho nói những câu sau đây với người yêu:

“Em xin anh! Anh ở lại đi, ở lại một hai ngày đi, trước khi rút thăm, bởi lẽ nếu anh rút không trúng lá thăm cần rút thì em sẽ không được gặp anh nữa. Anh hãy chờ ít lâu đã. Có một điều gì (điều đó không phải là tình yêu đâu) làm cho em thấy rằng em sẽ hối tiếc nếu em mất anh. Em có thể hướng dẫn anh, chỉ cho anh biết chọn như thế nào, nhưng em sẽ lỗi lời thề và em không muốn lỗi lời thề. Anh có thể không lấy được em; anh sẽ làm cho em hối hận vì đã không chịu lỗi lời thề. Chao ôi, những ánh mắt đã làm em nôn nao cả cõi lòng chia em làm hai người: một người thuộc về anh, một thuộc về anh.. ồ không phải thề, em muốn nói thuộc về em. Nhưng nếu người đó thuộc về em thì cũng thuộc về anh luôn, như thế có nghĩa là cả người em thuộc về anh”

“Điều nàng chỉ muốn ám chỉ đến thôi bởi vì đáng lẽ nàng không được nói ra , nghĩa là nàng muốn cho chàng biết là ngay trước khi bốc thăm nàng đã thuộc về anh rồi và nàng yêu anh. Tác giả đã rất sành tâm lý đã làm cho nàng lỡ lời nói cho người yêu biết để cho chàng yên tâm và luôn thể cất cho khán giả một nỗi lo ngại trong việc dự đoán nàng sẽ chọn ai”.

Chúng ta hãy để ý việc nàng Portia đã khéo léo như thế nào để dung hoà hai lời thú nhận của nàng trong sự lỡ lời đó bằng cách xoá bỏ sự mâu thuẫn giữa hai tình trạng, tuy vẫn giữ được lời thề mà vẫn nói lên được những điều mình nghĩ: “Nhưng nếu nó thuộc về em thì nó cũng thuộc về anh, nghĩa là cả người em đều thuộc về anh”.

Chỉ bằng một nhận xét giản dị như thế, một người không hiểu biết gì về y khoa, do một sự ngẫu nhiên may mắn đã tìm được ý nghĩa của một sự lỡ lời, một hành vi sai lạc mà không cất nghĩa gì khác nữa. Chắc các bạn cũng biết nhà trào phúng tài ba Licktenberg (1742-1799) mà mỗi lời nói đều chứa đựng cả một vấn đề (theo lời Goethe). Licktenberg kể lại rằng vì đọc nhiều Homere quá nên bất cứ ở chỗ nào có viết chữ “angenommen” (nghĩa là chấp nhận) ông đều đọc thành Agamemnon. Đó chính là thuyết về sự lỡ lời.

Trong bài học sau chúng ta sẽ xét đến vấn đề chúng ta có thể đồng ý với các nhà thi sĩ về quan niệm của họ về các hành vi sai lạc không?

Lần trước chúng ta đã xét đến hành vi sai lạc không phải về phương diện liên quan giữa chúng với cơ năng ý muốn, mà về phương diện với chính hành vi đó thôi. Có vẻ như hành vi sai lạc trong vài trường hợp có mang vài ý nghĩa đặc biệt. Chúng ta đã tự nhủ là nếu có thể khẳng định được điều đó trên một quy mô rộng lớn hơn thì ý nghĩa của những hành vi này đối với chúng ta sẽ có ý nghĩa hơn là những trường hợp phát sinh ra những hành vi đó.

Một lần nữa chúng ta phải đồng ý với nhau về những điều chúng ta hiểu khi ta nói đến ý nghĩa của một sự hoạt động tinh thần. Đối với chúng ta, “ý nghĩa” đó không có gì khác hơn là diễn tả một ý muốn và địa vị của nó trong đời sống tinh thần. Trong các công trình khảo cứu của chúng ta, chúng ta có thể thay chữ “ý nghĩa” bằng chữ “ý muốn” hay “khuyh hướng”. Nay thì ta tự hỏi không biết cái “ý muốn” đó có phải chỉ là một bề ngoài lừa dối hay một điều quá đáng có tính cách thi văn hay không?

Vậy chúng ta hãy xét những trường hợp lỡ lời và khảo cứu những sự quan sát liên can đến những trường hợp đó. Chúng ta sẽ tìm ra hàng loạt những sự lỡ lời có ý nghĩa. Thoạt tiên là những sự lỡ lời trong đó người ta nói ra những điều trái hẳn với những điều muốn nói. Ông chủ tịch nói trong diễn văn khai mạc: “Tôi tuyên bố

bé mạc buổi họp”. Chẳng còn có gì để người khác hiểu nhầm được. Lời nói đó chứng tỏ rằng ông chủ tịch trong thâm tâm muốn bé mạc buổi họp. Thì chính ông nói ra miệng mà, chúng ta cứ việc tin lời ông nói. Đến đây các bạn đừng làm tôi lúng túng bằng cách cãi lại rằng sự thực không thể nào như thế được bởi vì chúng ta biết rằng ông ta muốn khai mạc chứ không phải là bé mạc, nhất là khi hỏi lại thì chính ông ta muốn khai mạc. Chúng ta đừng quên rằng chúng ta đã quyết định là chỉ khảo cứu hành vi sai lạc với tính chất của nó thôi, còn chuyện nó có liên quan thế nào với ý muốn mà nó đã làm rối loạn hay không thì đó là một chuyện khác sẽ được nói đến sau. Làm khác đi, chúng ta sẽ phạm một lỗi lầm bất hợp lý, làm sai lạc hẳn vấn đề đang khảo cứu.

Trong trường hợp khác trong đó người ta không nói hẳn những điều trái với ý muốn nhưng sự lỡ lời vẫn diễn tả một ý nghĩa trái ngược. Ich bin nicht die Verdienste meines Vorgagers zu wurdigen. Chữ Geneigt không phản nghĩa với chữ geeignet (sẵn sàng và được quyền); nhưng đó là một lời thú nhận trước công chúng trái hẳn với địa vị của diễn giả.

Trong những trường hợp khác sự lỡ lời thêm một ý nghĩa mới vào ý nghĩa định nói. Mệnh đề đó xuất hiện như một sự co rút, rút ngắn hay dung hoà nhiều mệnh đề lại. Đó là trường hợp của con người giàu nghị lực nói trong những dòng trên “chồng tôi có thể ăn uống những món gì tôi muốn”. Có vẻ như bà ta muốn nói: “Chồng tôi muốn ăn gì tùy ý anh muốn. Nhưng anh cần gì phải muốn. Chính tôi muốn thay anh!”. Nhưng sự lỡ lời luôn luôn cho người ta cái cảm tưởng rút ngắn thuộc loại sau đây. Ví dụ: Một giáo sư về cơ thể học sau khi giảng xong một bài về lỗ mũi, hỏi các sinh viên là họ có hiểu không. Sau khi họ trả lời là họ hiểu, giáo sư hỏi tiếp: “Tôi không tin như thế vì số người hiểu được sự cấu tạo của lỗ mũi, trong một thành phố một triệu người có thể đếm trên đầu một ngón tay... chết nổi, trên các đầu ngón tay”. Câu nói rút ngắn này có ý nghĩa : giáo sư muốn nói chỉ có mỗi một người hiểu được sự cấu tạo của lỗ mũi thôi.

Cạnh những trường hợp vừa kể, trong đó ý nghĩa của sự lỡ lời hiện ra rõ ràng, còn có những trường hợp lỡ lời không có ý nghĩa gì cả và do đó trái hẳn với những điều chúng ta chờ đợi. Khi một người nói sai một danh từ riêng hay phát ra những âm thanh chẳng có nghĩa gì hết cả thì tất nhiên tất cả những hành vi sai lạc này chẳng có nghĩa gì hết. Nhưng khi xét kỹ người ta sẽ thấy

những tiếng hay những câu ngay cả khi sự khác biệt giữa những trường hợp còn nghi ngờ với những trường hợp thực rõ ràng không to tát như người ta đã tưởng.

Có người hỏi thăm sức khoẻ của con ngựa của một người, người này trả lời: “Jan das draut.. das dauert..” ông ta muốn nói: “Bệnh nó có thể kéo dài một tháng”. Hỏi ông nói draut nghĩa là gì (mà ông suýt nữa đã dùng thay chữ dauert) ông trả lời là, vì cho rằng việc con ngựa ốm đối với ông là điều rất buồn (traurig) ông đã dùng lầm hai chữ dauert và traurig và ông lỡ nói ra chữ draut.

Một người khác nói về một vài lỗi làm việc làm cho ông phần nộ đã nói: “Dann aber dind Tatsachen zum Vorwchein gekommen” (người ta tìm ra những sự việc..) Nhưng vì trong thâm tâm ông cho các lỗi làm việc như vậy là đồ con heo (cochonneries, Schweinerrein) nên vô tình lẫn hai chữ Vorschein và Schweinerrein. Do đó ông nói lỡ lời ra Vorschein (Meringer và Mayer).

Bạn hẳn còn nhớ trường hợp anh chàng muốn đi cùng với một bà chưa quen biết bằng chữ begleigt- digen. Chúng ta đã phân chữ đó thành hai chữ begleiten (đi cùng) và beleidigen (kính trọng). Chúng ta cho là cách giải thích như thế là đúng lắm rồi nên chúng ta không thấy cần kiểm lại. Các bạn thấy rõ là ngay cả những trường hợp lỡ lời không được rõ ràng lắm cũng có thể cắt nghĩa được bằng sự trùng phùng của những phát biểu của hai ý muốn. Sự khác biệt độc nhất giữa các trường hợp đó là ở chỗ đối với một số trường hợp như trong các sự lỡ lời bằng sự trái ngược thì một ý muốn này được thay hẳn bằng một ý muốn khác, còn trong một số trường hợp nữa thì một ý muốn chỉ thay đổi một ý muốn khác thôi. Do đó, có một số chữ có hai hay nhiều nghĩa.

Chúng ta tưởng như đã vén được bức màn bí mật với một số lượng lớn sự lỡ lời. Và bây giờ vẫn bằng lối lý luận đó chúng ta có thể hiểu được nhiều loại còn bí mật hơn nhiều. Ví dụ như trong trường hợp đọc sai các tên riêng, chúng ta không thể cho rằng nguyên nhân của chúng là sự có mặt của hai tiếng vừa khác nhau lại vừa giống nhau. Nhiều khi sự sai lầm diễn ra không liên can gì đến sự lỡ lời cả. Bằng cách đó người ta tìm cách nói lên một danh từ kêu sai hay gán cho nó một thanh âm làm cho người ta nhớ lại một vật gì rất tầm thường. Đó là một lối chửi rửa rất quen thuộc mà những người lịch sự không dám dùng tuy nhiều khi trong thâm tâm họ cũng muốn dùng lắm. Lối chửi bới này thường làm

cho người ta có vẻ thông minh nhưng là cái thông minh hạ cấp. Vậy chúng ta có thể cho rằng sở dĩ có sự lỡ lời là vì trong thâm tâm người ta muốn chửi bới bằng cách nói sai chữ dùng. Nói rộng thêm ra, chúng ta có thể dùng cách giải thích đó với những trường hợp lỡ lời rất buồn cười hay khó hiểu: “Xin mời các ngài ợ lên để chúc thọ ông chủ của chúng ta” (trong khi muốn nói: uông mừng aufstossen và anstossen). ở đây quang cảnh trang nghiêm bị phá rối bằng một tiếng ợ lên một cảm giác khó chịu. Trong trường hợp này quả có một khuynh hướng xuất hiện trái hẳn với dáng điệu cung kính bề ngoài của diễn giả. Thực ra diễn giả muốn nói: các bạn đừng tin lời tôi, tôi không muốn nói như thế đâu, tôi chỉ muốn nhạo ông chủ thôi vvv.. Đó cũng là trường hợp của sự lỡ lời trong đó những tiếng rất thường biến thành những tiếng thô tục.

Khuynh hướng biến đổi hay đọc sai này thường thấy có ở những người muốn đùa chơi hay muốn tỏ ra mình thông minh. Và mỗi khi gặp trường hợp này thì chúng ta thường phải tìm hiểu xem có phải là người nói câu đó muốn pha trò hay không hay chính đó là một sự lỡ lời thực sự.

Như vậy tức là chúng ta đã giải quyết được một cách tương đối dễ dàng những điều bí mật của những hành vi sai lạc. Đó không phải là một sự bất thường mà là những hành vi tinh thần đúng đắn, có ý nghĩa phát sinh ra do sự trùng hợp hay nói đúng hơn sự phải trái giữa hai ý muốn khác nhau. Nhưng tôi đoán trước rằng nhiều bạn sẽ nghi ngờ và sẽ hỏi nhiều câu mà tôi sẽ phải trả lời trước khi có thể hài lòng về kết quả đầu tiên này. Tôi không hề có ý đưa bạn đến chỗ quyết định hấp tấp. Chúng ta hãy thảo luận từng điểm theo một thứ tự một cách bình tĩnh.

Bạn sẽ hỏi gì tôi? Tôi cho rằng những lời giải thích nói trên có giá trị đối với mọi trường hợp hay chỉ đối với một số trường hợp không thôi? Một quan niệm như thế có đúng với mọi hành vi sai lạc không như: đọc sai, viết sai, quên, lầm, không tìm lại được một vật mà mình đã cất.. Trước tính chất tinh thần của những hành vi sai lạc này thì sự mệt nhọc, sự kích động, sự dăng trí, sự rối loạn trong sự chú ý giữa những vai trò nào? Người ta nhận thấy rằng trong hai khuynh hướng kình địch nhau, có một khuynh hướng là hiển nhiên còn khuynh hướng kia thì không. Làm thế nào cho khuynh hướng này rõ rệt ra và trong trường hợp là được thì làm sao chúng tỏ được khuynh hướng sau này, dù không xác thực là thái độ độc nhất phát sinh ra được? Các bạn còn hỏi gì tôi nữa

không? Nếu không thì chính tôi cũng còn nhiều câu đặt ra nữa. Tôi nhắc lại rằng những hành vi sai lạc tự chúng đối với chúng ta chẳng có lợi lộc gì nhưng chúng ta chỉ muốn dựa vào đó để tìm ra được những kết quả có thể áp dụng vào môn phân tâm học thôi. Vì thế nên tôi đặt câu hỏi như sau: những ý muốn, những khuynh hướng có thể làm rộ những ý muốn và khuynh hướng khác là thế nào và giữa một khuynh hướng bị gây rối và một khuynh hướng gây rối có liên quan gì? Như thế tức là chỉ sau khi giải đáp tất cả những câu hỏi này thì công việc thực sự của chúng ta mới bắt đầu.

Vậy: sự giải thích của chúng ta có giá trị với mọi trường hợp lỡ lời hay không? Tôi tin là có vì mỗi lần xét đến một sự lỡ lời chúng ta lại quay trở lại lối giải thích đó. Nhưng không có gì chứng tỏ rằng không có những sự lỡ lời phát sinh từ những lối khác. Có thể được. Nhưng đứng về phương diện lý thuyết thì dù có những sự đó nữa thì cũng chẳng quan hệ gì mấy, bởi lẽ những điều kết luận của chúng ta trong những dòng trên vẫn còn nguyên giá trị ngay cả khi những sự lỡ lời phù hợp với quan niệm của chúng ta chỉ là số ít, nhưng thực sự không phải như thế. Còn về câu hỏi sau đó là chúng ta có nên đem những kết quả thu lượm được về những sự lỡ lời áp dụng vào những hành vi sai lạc khác không, câu trả lời của tôi là có. Các bạn sẽ thấy tôi làm thế là phải khi chúng ta xét đến những thí dụ về viết sai, tôi đề nghị cùng các bạn hãy tạm gác vấn đề đó lại cho đến khi xét xong vấn đề lỡ lời.

Và bây giờ đến các sự mệt mỏi, kích động, đãng trí, rối loạn trong sự chú ý và tuần hoàn đóng những vai trò gì trong sự hoạt động tinh thần? Vấn đề này cần được xem xét cẩn thận. Chúng ta không hề phủ nhận những điều các môn khác khẳng định; thường thường môn này chỉ đưa thêm vào những điều khẳng định đó những yếu tố mới, và trong nhiều trường hợp những điều đưa thêm vào này lại là những điều cần thiết. Ảnh hưởng của các sự kiện sinh lý do những khó chịu, những sự rối loạn trong bộ máy tuần hoàn, những tình trạng cơ thể suy đồi gây ra đối với sự phát sinh các lỡ lời phải được công nhận hoàn toàn không dè dặt. Những kinh nghiệm bản thân của bạn đủ để bạn công nhận ảnh hưởng đó. Nhưng giải thích như thế là giải thích quá ít. Trước hết, những trạng thái vừa kể không phải là những điều kiện cần thiết cho những hành vi sai lạc. Ngay cả những người khoẻ mạnh bình thường cũng lỡ lời. Những yếu tố cơ thể này chỉ có giá trị khi chúng làm dễ dàng cho sự phát sinh của những sự lỡ lời.

Để chứng minh sự có liên quan đó, có một lần tôi đã dùng một sự so sánh và ngày nay lại phải đem dùng lại vì không còn sự gì tốt hơn. Ví dụ như một hôm đi chơi ban đêm trong một nơi vắng vẻ tôi bị kẻ gian chặn lại trấn lột đồng hồ và túi tiền, tôi đến đồn cảnh sát trình rằng sự vắng vẻ và bóng tối đã trấn lột đồng hồ và tiền bạc của tôi thì chắc chắn ông cảnh sát sẽ trả lời rằng: “Ông không thể cắt nghĩa một cách máy móc như thế được. Nếu ông muốn, tôi sẽ giải thích như sau: vì được bóng tối và sự vắng vẻ che chở, một tên cướp vô danh đã cướp của ông những vật đáng giá. Theo ý tôi điều cần đối với ông là tìm được tên cướp; và chỉ lúc đó chúng ta mới có hy vọng tìm thấy những đồ đã mất”.

Những yếu tố vừa tâm lý vừa sinh lý như sự kích động, sự dăng trí, sự rối loạn trong sự chú ý, tất nhiên không có ích gì trong việc cắt nghĩa những hành vi sai lạc. Đó chỉ là một cách nói, những bình phong không làm cho chúng ta không nhìn được. Người ta có thể tự hỏi: trong một trường hợp đặc biệt nào đó, nguyên nhân của sự kích động, của sự lệch lạc trong sự chú ý là gì? Ngoài ra những ảnh hưởng của thanh âm, giống nhau của lời nói, những sự liên tưởng quen thuộc của tiếng nói cũng có một vài phần quan trọng. Tất cả những yếu tố đó làm dễ dàng cho sự phát sinh của sự lỡ lời bằng cách chỉ đường cho hươu chạy. Nhưng có phải trước mắt tôi có sẵn một con đường là chắc chắn tôi phải theo con đường đó không? Cần phải có một lý do gì, một động lực nào thúc đẩy tôi. Vậy những liên quan về âm thanh, những sự giống nhau về chữ dùng, cũng như những yếu tố về cơ thể chỉ phụ họa vào sự phát minh ra các sự lỡ lời thôi chứ không cắt nghĩa được.

Ngay khi tôi đang nói chuyện với các bạn, trong đa số các trường hợp, bài nói chuyện của tôi không hề bị rối loạn bởi sự kiện là các chữ tôi dùng có thể giống các chữ khác về âm thanh hay liên lạc chặt chẽ với các tiếng phản nghĩa hay gây ra những sự liên tưởng thường dùng. Cần đến người ta có thể nói như Wundt rằng sự lỡ lời xảy ra khi sau một cơn suy đồi cơ thể, khuynh hướng liên tưởng át hẳn các khuynh hướng khác trong việc nói năng. Lời giải thích này sẽ hoàn toàn đúng nếu không có những thí nghiệm trái lại cho rằng nhiều khi trong những sự lỡ lời không hề có bóng dáng của những yếu tố cơ thể hay sự liên tưởng.

Nhưng tôi thấy câu hỏi của bạn về phương sách người ta nhận thấy hai khuynh hướng có liên quan đến nhau. Có lẽ các bạn không ngờ rằng tùy theo câu trả lời như thế nào mà câu hỏi đó sẽ

đưa đến những kết quả vô cùng quan trọng có thể xảy ra được. Về khuynh hướng bị rối loạn thì không còn nghi ngờ gì nữa: người nào có hành vi sai lạc thường cho rằng mình bị rối loạn thực. Những điều nghi ngờ chỉ có thể xảy ra đối với những khuynh hướng gây ra rối loạn mà thôi. Tôi đã trình bày và hẳn các bạn cũng chưa quên: có rất nhiều trường hợp trong đó những khuynh hướng này rất rõ ràng. Sự có mặt của khuynh hướng này tỏ rõ với kết quả của sự lờ lờ. Ông viện trưởng đã nói những điều trái hẳn với những điều mà ông ta muốn nói. Ông muốn khai mạc hội nghị, nhưng điều rõ ràng là nếu có thể bế mạc được thì ông cũng không lấy gì mà khó chịu. Điều này quá rõ ràng đến nỗi không cần lời giải thích nào khác nữa. Nhưng trong trường hợp khuynh hướng gây ra sự rối loạn chỉ làm sai lạc đi một chút khuynh hướng sơ khởi thì chúng ta làm thế nào để cho nó thoát khỏi sự lệch lạc đó được?

Trong một loại thứ nhất chúng ta có thể làm công việc đó một cách dễ dàng y như đối với những khuynh hướng bị rối loạn. Ví dụ như trong trường hợp đã kể với người có con ngựa đau sau khi lờ lờ đã nói lại chữ đáng lẽ được đem dùng. Khi được hỏi tại sao lại dùng chữ draut thì người đó trả lời: người đó định nói câu chuyện đó là câu chuyện buồn (trauring) nhưng ông ta vô tình đã liên tưởng đến những chữ Traurig và draut, do đó lờ lờ nói ra chữ draut. Đó là trường hợp mà khuynh hướng làm rối loạn được chính người lờ lờ nói ra. Trường hợp chữ Voschwein (xem chương 2) cũng thế. Trong trường hợp này chính khuynh hướng gây quan trọng chẳng kém gì khuynh hướng bị rối.

Tôi đem các trường hợp nói trên ra dẫn chứng, tuy rằng không phải do tôi hay các đệ tử của tôi tìm ra, không phải là không có ý. Trong cả hai trường hợp muốn giải thích được dễ dàng phải có sự can thiệp nào đó. Chúng ta đã phải hỏi những đương sự tại sao họ lại lờ lờ như thế và ý kiến của họ về vấn đề này ra sao? Nếu không hỏi có lẽ họ sẽ bỏ qua không để ý gì đến những sự lờ lờ đó. Khi được hỏi họ đã trả lời bằng ý kiến đầu tiên hiện ra trong óc họ. Các bạn thấy chưa: sự can thiệp và kết quả lượm được chính là môn phân tâm học đó, đó chính là môn phân tâm học thu nhỏ.

Có phải là tôi quá đa nghi không khi cho rằng ngay trong lúc môn phân tâm học xuất hiện ra trước mặt các bạn thì sự chống đối của các bạn lại càng trở lên mạnh mẽ hơn. Biết đâu các bạn lại chẳng muốn nói rằng những bằng chứng do các người nói trên đưa ra không có gì chắc chắn. Các bạn nghĩ rằng những người đó có

nhiên sẽ giải thích theo lời mời của nhà phân tâm học và nói lên ý tưởng đầu tiên hiện ra trong óc họ nếu họ cho rằng ý đó cất nghĩa được sự lỗ lờ. Điều đó không chứng tỏ rằng sự lỗ lờ thực sự có ý nghĩa như thế. Có thể có nghĩa như thế nhưng có thể có nghĩa khác. Họ cũng có thể có trong đầu họ những ý khác.

Tôi ngạc nhiên khi thấy các bạn không hề dành cho các sự kiện tinh thần những kính trọng cần thiết. Các bạn có tưởng tượng rằng có một người làm một phân tích hóa học về một chất nào đó ra một số lượng nào nhất định, ví dụ như mấy miligam. Từ một số lượng đó người ta có thể đưa ra một số kết luận. Có nhà hoá học nào lại dám phủ nhận những kết luận đó bằng cách nói rằng biết đâu số lượng đó lại không đúng không? Mọi người đều công nhận rằng số lượng lấy ra chính là số lượng thực mà người ta không hề ngần ngại một giây để dựa vào đó mà đưa ra những kết luận. Vậy mà đứng trước một sự kiện về tinh thần gây nên do một ý tưởng nhất định của một người được hỏi đến, người ta không áp dụng quy luật đó nữa và cho rằng người được hỏi có thể có ý kiến khác. Các bạn có ảo tưởng là mình tự do và không muốn rời bỏ tự do đó. Tôi tiếc là không thể đồng ý với bạn về vấn đề đó.

Cũng có thể là các bạn nhượng bộ về điểm này nhưng lại chống đối điểm khác. Các bạn sẽ nói: “Chúng tôi hiểu rằng kỹ thuật của môn phân tâm học là làm sao tìm được giải đáp cho các vấn đề bằng cách hỏi ngay những người đem ra thí nghiệm. Nhưng ta thử xét lại trường hợp của người diễn giả trong bữa tiệc mời mọi người ợ lên để chúc mừng ông chủ. Ông cho rằng trong trường hợp này khuynh hướng gây rối là một khuynh hướng chữa rửa, phản đối lại khuynh hướng kính trọng. Nhưng đó chỉ là lối giải thích riêng của ông thôi, lối giải thích này dựa trên những dấu hiệu bề ngoài của sự lỗ lờ. Ông hãy hỏi người đã nói ra những lời lỗ lờ đó xem, không đời nào người đó lại thú nhận là có ý muốn chữa bới, trái lại ông ta sẽ từ chối và chối một cách cương quyết. Trước những lý luận chính xác như thế tại sao ông ta lại cứ giữ mãi lối giải thích của mình khi không có gì chứng minh được”.

Lần này thì lý lẽ của bạn có vẻ vững chắc. Tôi hình dung ra con người đó, biết đâu anh chàng chẳng là phụ tá được quý mến của ông chủ, đó là một anh chàng trẻ tuổi có nhiều hứa hẹn về tương lai. Tôi sẽ hỏi anh xem anh có khó chịu khi người ta nói những lời cung kính đối với ông chủ không? Nhưng tất nhiên tôi không được đón tiếp nồng hậu. Anh sẽ tỏ vẻ khó chịu và giận dữ:

“Xin ông đi đi, ông đừng hỏi lời thôi nữa. Tôi bắt đầu bực mình rồi, vì những câu hỏi của ông sẽ làm tiêu tan sự nghiệp của tôi. Tôi đã dùng chữ aufstossen (ợ) thay vì anstossen (uông) là vì trong một câu tôi đã hai lần dùng tiếp đầu ngữ auf rồi. Đó là điều mà Meriger gọi là Nachklang và không cần giải thích gì hơn nữa. Ông đã hiểu chưa? Tôi tưởng như thế là quá đủ rồi”. Trời ơi, sao mà ông này lại nổi giận ghê vậy? Tôi thấy là chả có thể khai thác gì hơn được và anh chàng này có vẻ cũng muốn cho người ta đừng gấn cho sự lỗ lờ của anh một ý nghĩa gì cả. Có lẽ các bạn sẽ nghĩ rằng anh chàng này đã tỏ ra thô lỗ trước một sự tìm hiểu lý thuyết thuần tuý nhưng chắc là anh ta biết mình định nói gì và không muốn nói gì. Đúng vậy hả? Đó là điều còn cần phải xét.

Lần này chắc là bạn cho là tôi đã chịu thua rồi. Tôi như nghe tiếng bạn nói: đó, kỹ thuật của ông như thế đó. Khi một người nói lỗ lờ, nói một vài lời gì hợp ý ông thì lập tức ông tuyên bố rằng sự phán đoán của người đó có tính cách quyết định, bởi vì chính mồm ông nói ra mà. Nhưng nếu lời nói không hợp ý ông thì ông bảo là cách giải thích của người đó không có giá trị gì cả, không đáng tin tý nào.

Sự việc tất nhiên xảy ra theo thứ tự đó. Nhưng tôi trình bày một trường hợp tương tự trong đó sự việc xảy ra cũng kỳ lạ như thế. Khi một người ra trước toà thú thực tội trạng của mình, ông quan toà tin ngay, nhưng khi anh ta chối tội thì ông quan toà không tin. Nếu sự việc không xảy ra như thế thì làm sao xử kiện được, cho nên dù có nhiều sự nhầm lẫn người ta vẫn bị bó buộc phải theo cách đó.

Nhưng bạn có phải là ông quan toà không? Và người nói lỗ lờ có phải là người ra toà không? Sự lỗ lờ có phải là một tội không?

Có lẽ chúng ta không thể không nói tới sự so sánh này được. Nhưng bạn có thấy là ngay khi đi sâu vào những vấn đề có vẻ như không có gì quan trọng của những hành vi sai lạc là lập tức thấy ngay sự khác biệt giữa hai lối lý luận trên không, những khác biệt mà chúng ta chưa khắc phục được. Tôi đề nghị bạn hãy tạm giữ nguyên sự so sánh giữa môn phân tâm học và việc xử án. Bạn phải công nhận với tôi rằng khi chính người làm một hành vi sai lạc mà nói ra thì chúng ta không còn điều gì nghi ngờ về ý nghĩa của sự sai lạc đó nữa. Trái lại tôi công nhận rằng, khi người làm hành vi sai lạc không chịu nói chuyện hay khi người đó không có mặt để

nói chuyện thì chúng ta không thể có bằng chứng trực tiếp về ý nghĩa của hành vi đó được. Chúng ta đành phải làm như trong một cuộc điều tra về vụ án, nghĩa là tìm ra các dấu hiệu làm cho sự quyết định của chúng ta có vẻ sát sự thực tùy theo trường hợp. Vì lý do thực tế, một toà án phải tuyên bố một người bị đưa ra toà là có tội tuy chỉ có những bằng chứng dự đoán mà thôi. Chúng ta không cần phải làm điều đó, nhưng không phải vì thế mà chúng ta không dùng các dấu hiệu. Thực là một điều sai lầm khi cho rằng một khoa học chỉ gồm toàn những luận đề đã được chứng minh và chúng ta sai lầm khi bắt buộc như thế. Đòi hỏi như thế là sự đòi hỏi của những người muốn có uy quyền, muốn thay những giáo điều tôn giáo bằng những giáo điều khác dù là giáo điều khoa học. Giáo điều khoa học chỉ gồm có một số rất ít vấn đề có tính chất giáo điều: phần lớn những sự khẳng định của khoa học đều có tính cách không hoàn toàn xác thực tới một mức nào đó, điểm đặc biệt của khoa học là hoàn toàn có thể tiếp tục công cuộc tìm kiếm được dù nhiều khi thiếu những bằng chứng quyết định.

Nhưng trong trường hợp chúng ta không có được những lời xác nhận của người có hành vi sai lạc thì chúng ta dựa vào đâu mà giải thích và tìm đâu những dấu hiệu này để chứng minh. Những điểm tựa và những dấu hiệu này đến từ nhiều nguồn lắm. Trước hết bằng cách so sánh với những hiện tượng không liên quan gì đến các hành vi sai lạc, ví dụ như việc nói sai một danh từ trong một hành vi sai lạc cũng có tính chất chửi bới như trong việc cố ý nói sai. Sau nữa bằng cách xét tình trạng tinh thần phát sinh ra hành vi sai lạc, hiểu rõ tính nết của người làm hành vi này, khảo sát những cảm tưởng của người đó trước khi hành vi xảy ra và phản ứng của người này sau khi có hành vi sai lạc. Trước hết chúng ta đưa ra những phương thức giải thích hành vi sai lạc bằng cách dựa vào những nguyên tắc có tính chất chung. Điều thu lượm được trong trường hợp này chỉ là điều ước đoán, một dự định thích hợp cần được khẳng định bằng cách xét tình trạng tinh thần. Nhiều khi chúng ta phải chờ đợi những sự diễn biến tiếp theo của hành vi sai lạc mới có thể khẳng định được.

Không phải là tôi có thể dễ dàng cung hiến các bạn những bằng chứng về những điều nói trên nếu tôi cứ trì trệ mãi trong phạm vi những sự lỡ lời, dù rằng ngay trong phạm vi này cũng có nhiều thí dụ rất tốt. Anh chàng trai trẻ đề nghị với một bà để “begleitdigen” (liên hợp giữa hai chữ begleiten (đi cùng) và

belidigen (thất lễ) bà ta, quả là một anh chàng nhút nhát). Người đàn bà muốn chồng ăn uống những thứ mình muốn chính là một người đầy nghị lực biết nắm quyền cai quản trong nhà. Còn trường hợp này nữa: một hội viên trẻ tuổi của hội Concordia đọc một bài diễn văn giọng rất mạnh mẽ, trong đó anh ta gọi ban giám đốc là ban “cho vay” (Vorschuss) trong khi đáng lẽ phải gọi là “ban chỉ huy” (Vorstand) hay uỷ ban (ausschuss). Anh chàng đã vô tình liên kết giữa hai chữ Vor-stand và Aus-schuss. Người ta có thể ước đoán rằng sự phản đối của anh ta là do một khuynh hướng gây rối có dính dáng tới một chuyện vay mượn. Sau này chúng tôi biết rằng anh ta cần tiền ghê lắm và đã nạp đơn xin vay tiền. Chúng ta có thể thấy nguyên nhân của khuynh hướng gây rối là ở chỗ: mày cần phải thận trọng trong việc phản đối vì mày đang nói chuyện với những người có thể quyết định cho mày vay tiền hay không?

Tôi sẽ hiến cho bạn nhiều thí dụ về những dấu hiệu bằng chứng này khi nói đến những hành vi sai lạc khác.

Khi một người quên một người nào đó và mặc dù đã cố gắng hết sức cũng không nhớ lại được cái tên rất quen, ta có quyền dự đoán rằng người đó có điều gì khó chịu với người có tên đó cho nên không nghĩ đến anh ta. Bây giờ chúng ta hãy suy nghĩ về những điều dưới đây về một trạng thái tinh thần trong một hành vi sai lạc.

Ông Y yêu một bà nhưng không được yêu lại. Bà này lấy ông X. Dù ông Y rất quen ông X từ lâu và đã giao dịch buôn bán với ông này nhiều lần, vậy mà không bao giờ ông Y nhớ được tên ông X, lúc nào cần viết thư cho ông này, ông Y vẫn phải hỏi các người quen rồi mới nhớ ra.

Rõ ràng là ông Y không muốn biết gì về người đã thắng ông trên phương diện ái tình. Đúng như Heine đã viết trong câu thơ: “Ta hãy xoá hẳn đi trong trí nhớ của chúng ta”.

Hay trong trường hợp này nữa: một bà nói chuyện với một bà bác sỹ về một người bạn gái mà hai người quen nhưng bao giờ cũng chỉ gọi bạn bằng tên thời con gái, còn tên chồng bạn thì bà quên mất từ lâu. Hỏi bà thì bà trả lời rằng bà ta rất khó chịu về chuyện lấy chồng của bạn và không chịu được ông chồng của bạn.

Chúng ta còn nhiều điều muốn nói nữa về sự quên tên. Điều quan trọng đối với chúng ta ở đây là trạng thái tinh thần trong lúc người ta quên.

Thường thường người ta hay quên những điều dự định vì có một lần sóng gì trái lại làm cho những điều dự định không thực hiện được. Đó không những là ý kiến của các nhà phân tâm học mà là của cả mọi người trong đời sống thường ngày kể cả những người không công nhận môn phân tâm học.

Người giám hộ xin lỗi người con đỡ đầu của mình vì quên không thoả mãn lời yêu cầu, không phải vì thế mà được người này tha thứ ngay vì hẳn nghĩ: ông ta nói không thực đâu, ông chỉ không muốn giữ lời hứa với mình thôi. Vì thế cho nên trong đời sống thường ngày người ta không được phép quên, và về điểm này giữa quan niệm của mọi người và quan niệm của các nhà phân tâm học không còn khác nhau nữa. Bạn cứ tưởng tượng xem một bà chủ nhà nói với người khách mình mời đến ăn cơm như sau: “Thế nào, tôi mời anh hôm nay sao? Tôi quên mất là đã mời anh đến xơi cơm hôm nay”. Liệu có được không? Một thí dụ nữa: một anh chàng đang yêu mà quên không đến chỗ hẹn với người yêu: anh ta sẽ không nhận rằng mình đã quên mà sẽ bịa đặt ra hàng bao nhiêu lý do chứng tỏ rằng anh ta không đến được và anh ta cũng không có cách nào khác báo cho người yêu biết. Trong đời sống nhà binh người ta không có quyền quên và dù có quên thực cũng vẫn bị phạt như thường: đó là điều ai cũng biết, và cho là làm thế là phải vì ai cũng nhận là trong đời sống nhà binh, một vài hành vi sai lạc có ý nghĩa và trong đa số trường hợp chúng ta biết rõ ý nghĩa đó là thế nào. Vậy tại sao người ta lại không đem áp dụng lối lý luận đó cho mọi hành vi sai lạc khác để công nhận các hành vi đó không còn dè dặt gì nữa. Tất nhiên về vấn đề này thì người ta vẫn trả lời được.

Nếu ý nghĩa của sự quên các điều dự định không còn gì đáng gì đáng nghi ngờ đối với những người ngoài phố nữa thì các bạn sẽ càng ngạc nhiên hơn khi thấy các nhà thơ nhà văn thường dùng những hành vi sai lạc đó trong thơ văn của mình. Trong các bạn nếu đã có người nào xem trình diễn vở kịch César và Cléopâtre của B.Shaw chắc hẳn còn nhớ cái cảnh cuối cùng trong đó César trước khi ra đi bị ray rút về một điều gì mà ông ta không nhớ ra được. Sau đó chúng ta thấy dự định của ông ta là từ biệt Cléopâtre. Bằng xảo thuật nhỏ bé đó kịch sĩ muốn gán cho César một tấm lòng cao thượng mà ông không có và không hề muốn có. Bạn hẳn biết rõ là theo các tài liệu lịch sử thì César đã cho đưa Cléopâtre

về La Mã và nàng ở đó với con trai César cho tới khi César bị ám sát, rồi sau đó mới trốn khỏi thành phố.

Những trường hợp quên các điều dự định rõ ràng đến nỗi chúng ta không thể dùng vào mục đích của chúng ta được, nghĩa là không thể tìm ra trong trạng thái tinh thần những dấu hiệu gì có dính dáng đến ý nghĩa của hành vi sai lạc. Vì thế nên chúng ta sẽ đi tìm một hành vi không rõ ràng một tí nào, không thể hiểu lầm được: đó là sự mất đồ vật, không thể nào tìm lại được những đồ vật đã được sắp xếp có thứ tự. Điều mà bạn sẽ không thể nào cho là có thực là ý muốn của chúng ta lại có thể đóng một vai trò gì trong công việc đánh mất một đồ vật làm cho chúng ta bực mình hết sức. Nhưng có rất nhiều điều được nhận thấy thuộc loại sau đây: một anh chàng trẻ tuổi đánh mất một cái bút chì mà anh ta rất thích, ngay chiều hôm trước anh ta nhận được bức thư của người anh rể trong đó có viết: “Tôi không có thì giờ và cũng chẳng muốn khuyến khích sự nhẹ dạ và sự lười biếng của cậu”. Thế mà cái bút chì bị mất lại chính là cái bút chì do ông anh rể biếu. Nếu không biết rõ trường hợp này tất nhiên chúng ta không thể cho rằng ý muốn vứt bỏ một đồ vật nào đó lại có thể đóng vai trò gì trong việc đánh mất đồ đó. Sự đánh mất loại này xảy ra luôn. Chúng ta đánh mất đồ đạc khi chúng ta có bất hoà với người đã cho chúng ta đồ vật đó, và khi chúng ta không muốn nghĩ đến chúng nữa. Tất nhiên khi chúng ta không thích thì chúng ta có thể có ý muốn vứt bỏ, bẻ gãy đồ vật đó đi. Ví dụ như một cậu học sinh đánh mất đồ đạc của mình, hay tìm cách huỷ bỏ chúng trước ngày sinh nhật của mình, hành động này có phải là ngẫu nhiên không?

Những người thấy bực mình hết sức khi đánh mất không tìm lại được một món đồ do chính tay mình đã cất không bao giờ chịu công nhận là trong công việc mất mát đó có ý muốn của anh ta tham dự vào. Vậy mà những trường hợp mất đồ trong một lúc hay mãi mãi không phải là hiếm. Tôi thuật lại với các bạn một câu chuyện sau đây được coi là trường hợp tốt đẹp nhất từ trước tới nay.

Một hôm, có một anh chàng còn trẻ kể cho tôi nghe rằng cách đây vài năm vợ chồng anh ta hiểu lầm nhau tai hại: “Tôi thấy vợ tôi lạnh lùng quá, chúng tôi sống bên nhau mà chẳng có gì nồng nàn, những điều đó không ngăn cản tôi công nhận rằng nàng có nhiều đức tính. Một hôm nàng đi chơi về đưa cho tôi một cuốn sách nàng mua cho tôi vì tưởng tôi rất thích. Tôi cảm ơn nàng và bảo là

tôi sẽ đọc cuốn sách đó nhưng rồi để đâu quên mất. Tôi đã cố tìm trong nhiều tháng nhưng không tìm ra được. Sáu tháng sau, mẹ tôi mà tôi rất quý mến đã bị ốm, nàng rời nhà đi chăm sóc mẹ chồng. Bệnh của mẹ tôi khá nặng và đó là dịp để nàng chứng tỏ rằng nàng có nhiều đức tính đáng quý. Một hôm tôi trở về nhà lòng rộn ràng vì biết ơn về những điều mà nàng làm cho mẹ tôi. Tôi lơ đãng mở một cái ngăn kéo, chẳng có mục đích gì nhất định và điều đầu tiên trông thấy trong ngăn kéo là một cuốn sách đã bị mất từ lâu”.

Khi không còn lý do gì nữa thì đồ vật đó sẽ không còn là một thứ không tìm thấy nữa.

Tôi có thể kể mãi không hết những trường hợp như thế này nhưng tôi không làm. Trong cuốn Tâm lý đời sống thường ngày của tôi, các bạn sẽ tìm thấy rất nhiều trường hợp để khảo sát hành vi sai lạc. Kết luận chung cho tất cả các trường hợp đó là như sau: Những hành vi sai lạc bao giờ cũng có một ý nghĩa gì, và chỉ cho chúng ta biết cách dựa vào ý nghĩa đó để tìm hiểu xem các hành vi đó đã xảy ra trong trường hợp nào? Hôm nay tôi sẽ nói ngắn hơn vì chúng ta chỉ có ý muốn tìm thấy trong việc khảo sát này những yếu tố để sửa soạn đưa các bạn vào con đường của phân tâm học. Vì thế nên tôi chỉ nói cho các bạn nghe về hai loại quan sát thôi: những quan sát về hành vi sai lạc chồng chất lên nhau và kết hợp vào nhau, và sự xác nhận các điều giải thích của chúng ta bằng các biến cố xảy ra sau đó.

Những hành vi sai lạc chồng chất và kết quả thực là những trường hợp dồi dào nhất trong loại này. Nếu chỉ cần chứng tỏ rằng những hành vi sai lạc có ý nghĩa thôi thì có thể từ lúc đầu chúng ta chỉ cần nói đến chúng ta là đủ rồi bởi vì ý nghĩa đó quá rõ ràng ngay cả đối với những bộ óc ương ngạnh nhất, ưa phê phán nhất, việc có nhiều hành vi sai lạc liên tiếp xảy ra chứng tỏ đó không phải là những sự ngẫu nhiên mà chính là có ý muốn hẳn hoi. Sau cùng sự thay thế một hành vi sai lạc này bằng một hành vi sai lạc khác chứng tỏ rằng điều quan trọng và cần thiết trong các hành vi này không phải là hình thức cũng như những phương cách đem dùng mà chính là ở trong ý muốn của những hành vi này muốn thoả mãn, và ý muốn này có thể được thực hiện bằng những phương cách khác nhau.

Tôi thuật lại cho các bạn nghe trường hợp quên liên tiếp: E. Jones kể lại rằng một hôm, vì lý do gì ông không biết, đã để lại

trên bàn trong một vài ngày một bức thư viết xong. Rồi một hôm ông gửi bức thư đó đi nhưng bị gửi trả lại vì quên không viết địa chỉ trên phong bì. Viết xong địa chỉ, ông lại gửi đi nhưng lần này quên không dán tem. Mãi lúc đó ông mới chịu thú nhận với mình là ông không hề muốn gửi bức thư đó đi.

Trong một trường hợp khác chúng ta có sự liên kết giữa việc cầm nhầm một đồ vật rồi không sao tìm ra được nữa. Có một bà đi du lịch cùng ông em chồng sang La Mã, ông này là một nhà danh họa. Ông này được các người Đức ở La Mã mời ăn uống tiệc tùng luôn và được biếu một cái huy chương cổ bằng vàng. Bà bực mình khi thấy em chồng không biết rõ giá trị của món đồ biếu đó. Lúc người em gái đến thay mình ở La Mã, bà ta về nhà và lúc mở rương ra thấy cái huy chương nằm trong đó mà chẳng hiểu tại sao. Bà báo ngay cho ông em và nói rằng ngay ngày hôm sau sẽ gửi trả lại cái huy chương đó. Nhưng hôm sau cái huy chương được cất kỹ đến nỗi không sao tìm được và do đó không thể gửi đi được. Đúng lúc đó bà ta mới hiểu tại sao bà ta lại đăng trí như thế: thì ra bà ta muốn giữ cái huy chương đó làm của riêng.

Trong những dòng trên, tôi đã kể cho bạn nghe trường hợp trong đó có sự kết hợp giữa một sự lầm lẫn và một sự quên: đó là một trường hợp của một người đã trót lỡ hẹn một lần, nhất định không lỡ hẹn lần thứ hai nữa, nhưng trong lần thứ hai này lại đến sai giờ. Một người bạn tôi vừa khảo cứu khoa học vừa viết văn kể cho tôi nghe về một trường hợp tương tự của chính bản thân ông. Ông kể: “ Cách đây vài năm tôi nhận gia nhập hội văn chương vì tin rằng hội có thể giúp tôi trong việc trình diễn một vở kịch của tôi. Thứ sáu nào tôi cũng tham dự vào các cuộc hội họp của uỷ ban mà chẳng lấy gì làm thích lắm. Cách đây vài tháng tôi được người ta cho biết là một vở kịch của tôi sẽ được đem diễn và ngay sau đó tôi quên phát không dự các phiên họp nữa. Nhưng khi đọc các bài của anh viết về vấn đề đó tôi thấy xấu hổ tự trách rằng mình đã không thèm đi dự các phiên họp khi không cần đến họ nữa, và tự nhủ là thế nào cũng phải quay trở lại cuộc họp như trước. Tôi suy nghĩ mãi về vấn đề cho đến khi đến trước phòng họp và ngạc nhiên thấy phòng họp đóng cửa chẳng có ma nào cả. Thì ra phiên họp đã khai diễn từ hôm qua là thứ sáu ngày họp thường lệ. Tôi đã làm ngày họp và đến vào hôm thứ bảy”.

Nếu có thêm nhiều quan sát nữa, có lẽ cũng hay nhưng thôi. Tôi muốn trình bày thêm cùng các bạn một loại trường hợp khác

trong đó muốn xem mình giải thích có đúng không, chúng ta phải chờ đến biến cố sau đó xác nhận.

Khỏi phải nói là điều kiện cần thiết của những trường hợp này là chúng ta không hề biết đến tình trạng tinh thần trong lúc này hay tình trạng đó ở ngoài tầm khảo sát của chúng ta. Sự giải thích của chúng ta vì thế chỉ có giá trị một sự dự đoán mà chúng ta không cho là quan trọng. Nhưng sau đó có một sự việc xảy ra chứng tỏ rằng cách giải thích đầu tiên của chúng ta là đúng. Một hôm, trong một cuộc đi thăm một cặp vợ chồng, tôi được người vợ vừa cười vừa kể cho nghe rằng ngay sau hôm đi trăng mật về, nàng dẫn người em gái đi mua sắm, người em gái này chưa có chồng. Trong khi đó chồng nàng đi việc riêng. Hai chị em đang đi đột nhiên trông thấy một người đàn ông đi bên kia đường, nàng bảo em gái: “Kìa ông X..”.. Nàng không hề thấy rằng người đàn ông đó chẳng phải ai khác hơn là chồng nàng vừa mới cưới chừng vài tuần. Câu chuyện đó gây cho tôi một cảm giác khó chịu, nhưng tôi không muốn tin vào điều mà mình nghĩ về vấn đề. Chỉ vài năm sau tôi mới nhớ lại câu chuyện vì tin rằng cuộc hôn nhân giữa hai người đã đưa đến kết quả tai hại.

A.Maeder kể chuyện một bà trước hôm cưới quên không đi thử áo cưới và mãi đến tối mới nhớ lại. Ông ta cho rằng việc này và sự ly dị của hai người sau đó có liên quan đến nhau. Tôi biết có một bà tuy đã có chồng nhưng vẫn ký những tài liệu về quản trị tài sản bằng tên thời con gái, rồi sau đó ly dị với chồng. Tôi biết một bà đã đánh mất nhẫn cưới trong thời kỳ trăng mật, những biến cố sau đó chứng tỏ là sự việc đó có một ý nghĩa đặc biệt không sao lầm được. Lại còn trường hợp một hoá học gia danh tiếng người Đức quên cả giờ cử hành hôn lễ của mình và đáng lẽ phải ra nhà thờ thì lại đi thẳng vào phòng thí nghiệm. Sau đó ông ta đổi ý và chết già trong cảnh độc thân.

Chắc các bạn cũng muốn rằng, trong tất cả các trường hợp đó những hành vi sai lạc thay thế cho linh tính người xưa. Mà đúng thế, nhiều khi những linh tính đó chỉ là những hành vi sai lạc, ví dụ như khi người ta vấp ngã. Nhiều trường hợp khác có tính chất khách quan chứ không chủ quan. Nhưng bạn không thể tưởng tượng được rằng thực rất khó phân biệt xem một biến cố thuộc vào loại nào. Nhiều khi hành vi sai lạc lại đeo cái mặt nạ của một biến cố có tính cách tiêu diệt.

Những người nào trong các bạn có ít nhiều kinh nghiệm đủ dùng có lẽ cũng tự nhủ là mình sẽ tránh cho mình được nhiều điều thất vọng và ngạc nhiên đau đớn, và nếu có can đảm nhìn vào sự thực giải thích những hành vi sai lạc trong sự giao thiệp giữa loài người như là những linh tính báo trước, dùng những linh tính này để tìm hiểu những ý muốn còn nằm trong vòng bí mật. Nhiều khi người ta không dám làm điều đó. Người ta sợ rằng mình quay trở lại tin dự đoán, vượt qua mặt khoa học. Không phải là linh tính nào cũng thành sự thực và khi các bạn hiểu rõ những thuyết của chúng ta hơn, bạn sẽ thấy là không cần gì các linh tính đó phải thực hiện hết.

Những hành vi sai lạc là những hành vi có ý nghĩa: đó là kết quả của những sự phân tích của những dòng trên và là điều chúng ta dùng làm căn bản cho những cuộc khảo sát sắp tới. Chúng ta cần xác nhận lại một lần nữa: chúng ta không hề khẳng định là một việc luôn luôn xảy ra. Chúng ta chỉ cần cho rằng phần nhiều những hành vi này có ý nghĩa là đủ rồi. Và lại ngay về phương diện này cũng có nhiều sự khác biệt khi chúng ta đi từ hành vi này qua hành vi khác. Những sự lỡ lời, viết sai v.v..v đều có một văn bản thuần túy sinh lý. Điều này không được chắc chắn trong các hình thức khác nhau của sự quên lãng (quên tên, quên dự định, không tìm được những đồ vật mà mình đã cất..) trong khi sự đánh mất đồ đạc thì có lẽ không có một ý muốn nào dính dáng vào đó. Chúng ta cần thêm rằng những sự nhầm lẫn trong đời sống thường ngày cũng chỉ dính dáng vào môn phân tâm học về một vài khía cạnh nào đó thôi. Lúc này cũng nên nhớ luôn luôn đến những sự giới

Ý kiến của tôi cũng giúp cho ta giải thích những trường hợp trong loại thứ ba. Điểm khác biệt duy nhất trong ba loại này là mức độ dồn ép của khuynh hướng thôi. Trong loại thứ nhất đương sự biết rõ mình có khuynh hướng đó trước khi nó xuất hiện vì thế nên khuynh hướng đó bị dồn ép nhất định cứ xuất hiện. Trong loại thứ hai sự dồn ép nặng hơn và đương sự không hề biết mình có khuynh hướng đó trước khi nó xuất hiện. Điều ngạc nhiên là dù bị dồn ép như thế, khuynh hướng cũng cứ xuất hiện không sao ngăn được. Tình trạng này giúp cho chúng ta rất nhiều để cắt nghĩa các trường hợp trong loại thứ ba. Tôi còn nói rằng người ta có thể tìm thấy trong hành vi sai lạc sự phát hiện của một khuynh hướng bị dồn ép từ lâu lắm, đến nỗi đương sự không hề hay biết gì và phủ

nhận sự có mặt của nó. Nhưng dù có muốn tách riêng loại thứ ba này ra chẳng nữa thì các bạn cũng không thể chấp nhận kết luận phát hiện ra sau khi xét các trường hợp khác, rằng sự dồn ép một ý muốn nói một điều gì chính là điều kiện cần thiết cho sự phát sinh của một sự lỡ lời.

Đến bây giờ chúng ta có thể nói rằng đã đạt được những tiến bộ mới trong việc tìm hiểu các hành vi sai lạc. Không những chúng ta biết rằng những hành vi đó là hành vi tinh thần, có kèm theo một ý muốn, rằng đó là kết quả của sự liên kết giữa hai ý muốn, chúng ta còn biết rằng một trong hai ý muốn đó trước khi nói đã bị dồn ép đến nỗi phải phát hiện do sự rối loạn của ý muốn kia. Chính ý muốn này cũng bị rối loạn trước khi trở thành kẻ gây rối. Tất nhiên là ngay với những kết quả như thế chúng ta cũng chưa thể cắt nghĩa được một cách hoàn hảo những hiện tượng gọi là những hành vi sai lạc. Chúng ta đột nhiên thấy nhiều vấn đề khác hiện ra và có cảm tưởng rằng càng đi sâu vào vấn đề bao nhiêu thì chúng ta càng thấy xuất hiện nhiều vấn đề mới bấy nhiêu. Chúng ta có thể tự hỏi, tại sao sự việc lại không đơn giản hơn nhỉ? Khi một người quyết định dồn ép một khuynh hướng trong khi đáng lẽ phải để cho nó phát hiện tự do thì chúng ta đứng trước hai trường hợp: một là khuynh hướng chịu dồn ép và không có gì xảy ra cả; hai là khuynh hướng không chịu dồn ép và phải xuất hiện một cách hoàn toàn và thành thực. Nhưng hành vi sai lạc ở giữa hai tình trạng do: khuynh hướng bị dồn ép nửa chừng và ý muốn bị dồn ép, nếu không bị tiêu diệt thì cũng bị dồn ép đủ để cho không thể phát hiện ra nguyên hình mà phải thay đổi ít nhiều, trừ một vài trường hợp lẻ tẻ. Chúng ta có thể cho rằng những sự kiện liên hợp hay nửa nọ nửa kia đó cũng phải theo một số điều kiện nào đặc biệt, nhưng chúng ta không hề biết tính chất của những điều kiện đó như thế nào. Tôi không tin rằng dù có đi sâu đến đâu chẳng nữa, chúng ta có thể tìm ra được những điều kiện chưa biết đó. Muốn đến được những mục tiêu đó, chúng ta còn phải thám hiểm những khu vực tăm tối khác của đời sống tinh thần ; chỉ khi nào chúng ta tìm ra trong đó những hiện tượng tương tự như của chúng ta mới có can đảm đưa ra những giả thuyết để cắt nghĩa những hành vi sai lạc một cách trọn vẹn hơn. Nhưng còn điều này nữa: dù chúng ta làm việc với những dấu hiệu nhỏ nhoi, chúng ta cũng có thể gặp điều nguy hiểm. Có một căn bệnh tinh thần gọi là *Paranoia combinatoire*, trong đó những dấu hiệu nhỏ nhoi chỉ được dùng một cách có giới hạn thôi và tôi không cho rằng mọi kết luận

thoát ra từ đó đều đúng. Để tránh những sự nguy hiểm đó, chúng ta chỉ có việc mở thực rộng phạm vi quan sát của chúng ta, xét đi xét lại nhiều lần những cảm giác như nhau bất kể là khu vực đời sống tinh thần nào chúng ta khảo sát.

Vì thế đến đây chúng ta không phân tích những hành vi sai lạc nữa. Tôi chỉ biết khuyên các bạn điều này: các bạn hãy nhớ mãi đến đường lối chúng ta đã theo để khảo sát các hiện tượng đó như một cái mẫu. Theo đường lối đó các bạn ngay từ bây giờ đã biết rõ tâm lý của chúng ta muốn gì. Không những chúng ta muốn mô tả và phân loại những hiện tượng đó, chúng ta còn muốn quan niệm chúng như những dấu hiệu của sự hoạt động của những động lực trong tâm hồn, sự phát hiện của những khuynh hướng có mục đích nhất định, hoạt động hoặc cùng chiều với nhau hoặc trái hướng. Chúng ta tìm cách tự tạo ra một quan niệm linh hoạt về những hiện tượng tinh thần. Theo quan niệm này thì những hiện tượng tri thức phải nhường chỗ cho các khuynh hướng và chỉ các khuynh hướng này mới được công nhận mà thôi.

Chúng ta sẽ không đi xa hơn đối với những hành vi sai lạc; nhưng chúng ta có thể đi vào một vài con đường rẽ trong phạm vi này để tìm thấy những điều quen thuộc và những điều mới. Muốn thế, chúng ta vẫn giữ phạm sự chia thành ba loại: a) sự lỡ lời với các tiểu mục như viết sai, đọc sai, nghe nhầm. b) sự quên lãng đối với những tiểu mục đối với những vật bị quên (tên người, chữ ngoại quốc, những dự định, những cảm giác) c) sự lầm lẫn, mất mát, không tìm lại được một đồ vật đã cất. Những sự sai lầm đối với chúng ta chỉ có tác dụng khi gắn liền vào với sự quên lãng, hiểu lầm v.v.v..

Chúng ta đã nói nhiều đến sự lỡ lời. Tuy vậy còn phải nói thêm ít điều nữa. Có nhiều hiện tượng nhỏ về tình cảm không phải là không đáng được chú ý gắn liền vào sự lỡ lời. Không phải là ai cũng sẵn lòng nhận rằng mình đã lỡ lời; nhiều khi mình lỡ lời thì không biết nhưng lại nghe rõ sự lỡ lời của người khác. Trong một mức độ nào đó sự lỡ lời hay bị lây, người ta không thể nghe nói luôn đến sự lỡ lời mà chính mình lại không lỡ lời. Nhưng sự lỡ lời vô nghĩa lý nhất không cho ta hay biết gì, đặc biệt về đời sống tinh thần, tuy nhiên cũng có những lý do dễ hiểu. Khi nào chúng ta bị rối loạn trong lúc đang nói lên một chữ nào đó, đọc lên một nguyên âm dài, chúng ta không quên kéo dài cái nguyên âm ngắn sau đó ra, thành ra lại bị thêm một sự lỡ lời nữa để sửa chữa sự lỡ lời

trước. Sự việc cũng xảy ra như thế khi chúng ta nói lên một nguyên âm kép: chúng ta sẽ tìm cách sửa lại bằng cách đọc lên một nguyên âm kép khác sau đó để nhớ lại nguyên âm trước. Người ta có thể cho rằng đương sự muốn chúng tỏ là mình biết rõ tiếng mẹ đẻ của mình và muốn đọc cho thực đúng. Sự lệch lạc thứ hai có mục đích gợi sự chú ý của người nghe, tỏ rằng chính mình cũng biết mình lỡ lời. Nhưng sự lỡ lời hay xảy ra nhất, vô nghĩa lý nhất thường thường là những lời rút ngắn hay nói trước những điều định nói xuất hiện trong những phần không có gì đặc biệt trong diễn từ. Trong một câu hơi dài, người ta lỡ lời bằng cách đọc lên một vần đáng lẽ chưa đọc đến theo thứ tự những điều muốn nói. Điều đó cho người ta cái cảm tưởng rằng đương sự muốn nói cho thực mau câu định nói và chứng minh rằng đương sự không thích những lời nói đó chút nào. Như thế chúng ta đã tới trường hợp giới hạn, trong đó sự khác biệt giữa quan niệm phân tâm học và quan niệm sinh lý học của sự lỡ lời bị xoá bỏ. Trong những trường hợp đó chúng ta chủ trương cho rằng có một khuynh hướng gây rối loạn cho một khuynh hướng cần được diễn tả trong khi nói; nhưng khuynh hướng đó chỉ cho chúng ta biết là nó có mặt thôi chứ không cho ta biết mục đích của nó là gì. Sự rối loạn do nó gây ra theo một vài ảnh hưởng của thanh âm và một vài sự liên tưởng, có thể được quan niệm như mục đích làm lệch sự chú ý ra khỏi những điều muốn nói. Nhưng sự rối loạn sự chú ý cũng như sự liên tưởng không đủ để cho ta biết đặc tính của sự lỡ lời. Cả hai đều diễn tả sự có mặt của một ý muốn gây rối, chúng ta chỉ biết kết quả của chúng nhưng không thể dựa vào những kết quả này để biết rõ tính chất của chúng như chúng ta có thể làm trong những trường hợp rõ ràng hơn.

Những sự viết sai giống những sự lỡ lời đến nỗi chúng ta vẫn chẳng có điều gì mới mẻ để nói cả. Dù sao cũng nên cố gắng thu lượm một chút trong phạm vi này. Những lỗi lầm, những sự rút ngắn, sự viết trước, những chữ cố định viết xuất hiện khi chưa đến lượt xuất hiện, nhất là những chữ chỉ được xuất hiện sau cùng thôi chúng tỏ rằng người viết không muốn viết và muốn xong càng sớm chừng nào càng hay; những kết quả rõ rệt hơn của sự viết làm làm lộ rõ tính chất và ý muốn của khuynh hướng gây rối. Thường thường người ta biết rằng mỗi khi tìm thấy một sự viết sai trong một bức thư, người ta biết ngay rằng người viết không ở trong một trạng thái tinh thần bình thường; nhưng không phải bao giờ cũng hiểu được là sự gì đã xảy ra cho người viết. Đương sự ít khi nhận

thấy những điều viết sai cũng như sự lỗ lòi của mình. Tôi muốn nói đến một sự quan sát rất thú vị sau đây: có nhiều người thường đọc lại thư sau khi viết xong rồi mới gửi đi; có nhiều người khác không có thói quen đó nhưng mỗi khi đọc lại đều có cơ hội sửa chữa những điều sai lầm. Làm sao cắt nghĩa được sự kiện đó? Người ta có thể cho rằng những người này biết rằng họ viết sai? Chúng ta có thể chấp nhận điều đó không?

Có một vấn đề thú vị gắn liền vào với sự viết sai. Chắc các bạn còn nhớ tên sát nhân H. giả làm nhà vi trùng học, đã kiếm được trong các học viện khoa học những vi trùng rất nguy hiểm để sát hại những người thân cận. Một hôm anh chàng gửi cho một học viên một bức thư trong đó có ý phàn nàn là những vi trùng được cấy không có hiệu quả gì đối với những con chuột nhắt và chuột bạch. Đáng lẽ phải viết thư như thế thì anh chàng lại viết : “ trong các cuộc thí nghiệm của tôi đối với loài người ”. Sự nhầm lẫn này tuy có được các bác sĩ trong học viện để ý đến nhưng họ chẳng làm gì cả. Các bạn có thấy rằng nếu các bác sĩ cho rằng sự viết nhầm này là lời thú tội mà yêu cầu mở một cuộc điều tra thì tên sát nhân có lẽ sẽ không thể làm hại thêm ai được nữa không? Các bạn có thấy rằng sự không biết gì đến những hành vi sai lạc trong trường hợp này đã đưa đến sự tai hại nào chưa? Về phần tôi, chắc chắn tôi sẽ nghi ngờ. Tuy nhiên dùng sự viết sai đó làm bằng chứng sẽ gặp nhiều trở ngại lắm. Sự việc không đơn giản như mình tưởng. Sự viết sai tự nó là một dấu hiệu không thể chối cãi được nhưng không phải vì thế mà có thể mở ngay một cuộc điều tra được. Tất nhiên sự viết sai chứng tỏ rằng đương sự có ý định dùng những vi trùng đó cho đồng loại nhưng không biết chắc đó là một dự mưu giết người hay chỉ là một ý nghĩ ngông cuồng mà thôi. Đương sự có thể chối phăng hết. Sau này khi chúng ta xét đến sự khác biệt giữa sự hiện thực trong cuộc sống tinh thần và sự hiện thực vật chất, các bạn sẽ hiểu rõ vấn đề hơn. Điều này không ngăn cấm chúng ta thấy rằng đó là trường hợp mà một hành vi sai lạc về sau đã có một tầm quan trọng lúc đầu không ai ngờ.

Trong những sự đọc sai chúng ta đứng trước một tình trạng tinh thần khác hẳn sự lỗ lòi và sự viết sai. Một trong các khuynh hướng trên được thay bằng một sự kích động này không dai dẳng. Điều chúng ta phải đọc không phát sinh ra đời sống tinh thần của chúng ta như điều chúng ta cần viết. Vì thế cho nên phần lớn những trường hợp đọc sai chỉ là những trường hợp trong đó có sự

thay thế hoàn toàn. Tiếng cần đọc được thay thế bằng một tiếng khác, giữa hai tiếng đó không có sự khác biệt gì về nội dung cả, sự thay thế xảy ra vì có sự giống nhau giữa hai chữ. Thí dụ của Lichtenberg : Agamemnon thay vì *angenommen*, là một thí dụ điển hình.

Nếu người ta muốn tìm ra khuynh hướng gây rối, nguyên nhân của sự lầm lẫn thì người ta phải gạt ra một bên nguyên bản đọc sai và bắt đầu phân tích và tự đặt hai câu hỏi: ý tưởng nào đã hiện lên trong trí óc trước nhất và sự lầm lẫn nhất, và sự lầm lẫn đã xảy ra trong tình trạng nào? Một khi chỉ cần biết tình trạng này là đủ cắt nghĩa được sự lầm lẫn. Ví dụ: có người đi dạo trong một thành phố ngoại quốc và đọc trên tầng lầu của một ngôi nhà một tấm biển đề: “Closethaus” (câu tiêu). Anh ta ngạc nhiên tự hỏi không hiểu tại sao tấm biển đó lại để cao như thế nhưng rồi lại đọc mới biết mình đọc lầm: chính là “Corsethaus” (nhà bán Corse). Sở dĩ anh ta đọc lầm như thế vì đúng lúc anh ta đang muốn đi tiêu. Trong những trường hợp khác sự lầm lẫn, bởi vì không liên can đến nội dung của bản văn, cần phải được phân tích kỹ lưỡng về phương diện phân tâm. Sự phân tích này chỉ có thể thành công khi người ta quen với lối phân tích trong phân tâm học và tin cậy vào môn này. Nhưng thường thì việc cắt nghĩa một sự đọc sai không có gì là khó khăn. Như trong trường hợp Lichtenberg đã nói trên (*Agamemnon* thay vì *angenommen*) tiếng thay thế chứng tỏ một cách dễ dàng chiều hướng tư tưởng nguồn gốc của sự rối loạn. Trong chiến tranh vì đọc nhiều tên thành phố, tên các vị chỉ huy quân sự, những danh từ quân sự, thành ra mỗi khi gặp những tiếng tương tự người ta hay đọc nhầm. Điều làm chúng ta bận tâm thường xuất hiện để thay thế những điều làm chúng ta không biết và không để ý đến. Những tiếng vang của các ý kiến của chúng ta gây rối cho những cảm tưởng mới đối với chúng ta.

Những trường hợp đọc sai cho ta thấy nhiều khi chính văn bản đã mở đường cho khuynh hướng gây rối ra mặt để đổi bản văn này thành một bản văn khác, có ý nghĩa trái hẳn. Người ta đứng trước một văn bản mà người ta không thích, và khi phân tích ra người ta thấy ngay rằng chính sự không thích này đã làm cho người ta đọc nhầm.

Trong những trường hợp đọc sai xảy ra luôn luôn nói trong phần trên, hai yếu tố mà chúng ta đã gán cho một tính chất quan trọng trong những hành vi sai lạc lại chỉ giữ một vai trò thứ yếu:

chúng tôi muốn nói đến sự mâu thuẫn giữa hai khuynh hướng và sự dồn ép của một trong hai khuynh hướng đó, chính sự dồn ép này phản ứng vì những hậu quả của hành vi sai lạc. Không phải là những sự đọc sai phản trái với những yếu tố này nhưng sự đâm chần lên nhau của những dòng tư tưởng trong sự đọc sai mạnh hơn sự dồn ép trong trường hợp những hành vi sai lạc. Chỉ trong những hình thức khác nhau của hành vi sai lạc về sự quên lãng, hai yếu tố này mới nổi bật lên.

Sự quên lãng các dự định là một hiện tượng rất dễ giải thích, ngay chính những người ngoài phổ cũng công nhận như vậy. Khuynh hướng gây rối không gì khác hơn là một ý muốn trái ngược, một sự không muốn làm mà chúng ta chỉ còn tự hỏi tại sao mà nó lại không diễn tả một cách khác và không giấu giếm. Nhưng sự có mặt của sự không muốn đó không ai chôi cãi được. Một vài lúc người ta cũng tìm ra được những lý do bắt buộc người ta phải giấu giếm cái ý muốn này bao giờ cũng đạt được mục đích trong hành vi sai lạc, và nếu sự giấu giếm đó không có thì mục đích đó thế nào cũng đạt được. Trong khoảng thời gian giữa lúc điều dự tính ra mặt và lúc thi hành nếu có một sự thay đổi nào quan trọng, tình trạng tinh thần xuất hiện, sự thay đổi không thể đi đôi với sự thi hành điều dự định thì sự quên lãng dự định đó không còn là một hành vi sai lạc nữa. Sự quên lãng này không có nghĩa gì nữa bởi vì sự thi hành những điều dự định trong tình trạng tinh thần mới trở nên vô ích. Sự quên lãng một điều dự định chỉ có thể được coi như một hành vi sai lạc khi chúng ta không tin vào sự thay đổi trong tình trạng tinh thần.

Những trường hợp quên các điều dự định thường thường đồng đều và rõ ràng đến nỗi chúng chẳng còn gì đáng khảo cứu nữa. Nhưng trong hai điểm sự khảo sát hành vi sai lạc này có thể cho ta biết một vài điều mới mẻ. Chúng ta đã nói rằng sự quên lãng, tức là sự không thi hành một điều dự định, chứng tỏ có một ý kiến không muốn thi hành dự định đó. Điều này đúng rồi nhưng công cuộc khảo cứu cho biết là sự không muốn này có thể trực tiếp hay gián tiếp. Muốn hiểu gián tiếp nghĩa là gì, chúng ta chỉ cần nêu một hay hai ví dụ. Khi một người giám hộ quên không giới thiệu con đỡ đầu của mình cho một người nào đó thì một sự lãng quên này chứng tỏ người giám hộ không để ý đến người con đỡ đầu một cách quá đáng nên không tha thiết giới thiệu. Ít nhất đó cũng là ý kiến của người con đỡ đầu về hành vi quên lãng của người

giám hộ. Nhưng tình trạng có thể rắc rối hơn. Sự ngần ngại không muốn giới thiệu có thể có một nguyên cơ khác và về một phương diện khác. Có thể là cô con gái không hề liên quan gì đến sự quên lãng đó cả và chính người thứ ba kia mới là nguyên nhân quyết định. Các bạn thấy là về phương diện thực tế, sự giải thích khó khăn như thế nào chưa? Dù ý kiến của cô con gái có đúng chẳng nữa thì cô ta vẫn có thể tỏ ra không tin cậy và không công bằng với người giám hộ. Hay trong trường hợp người có hẹn nhưng quên không đến hẹn thì lý do của sự quên lãng đó chỉ có thể cắt nghĩa ở chỗ người có hẹn không thấy khoái người kia mấy. Nhưng ngay trong trường hợp này người ta cũng có thể không phải là người mình muốn gặp mà cũng có thể là nơi định gặp nhau, nơi mà người ta không muốn đến vì ở đó có những kỷ niệm không tốt đẹp. Một thí dụ khác: một người quên không gửi một lá thư đi có thể vì không thích nội dung bức thư; nhưng cũng có thể nội dung bức thư không liên can gì đến sự quên lãng, và nguyên nhân là nội dung một bức thư khác viết từ lâu nhưng được nội dung bức thư này gợi nhớ lại làm cho khuynh hướng gây rối xuất hiện: người ta có thể cho rằng sự không muốn gửi bức thư từ bức thư trước trong đó nó không có lý do gì cả. Các bạn thấy chưa? Chúng ta cần phải làm việc hết sức cẩn thận, dè dặt ngay cả trong những trường hợp có thể cắt nghĩa được dễ dàng: điều gì đó có giá trị như nhau trong phương diện tâm lý có thể có nhiều cách giải thích về phương diện thực tế.

Những hiện tượng mà tôi vừa trình bày có thể có vẻ kỳ lạ trước mắt các bạn. Các bạn có thể tự hỏi không biết sự không muốn gián tiếp đó tính cách bệnh hoạn không. Nhưng tôi dám quả quyết rằng tình trạng của đương sự hết sức bình thường. Tuy nhiên, các bạn cần hiểu rằng tôi không hề công nhận tính chất không xác thực mà ta chỉ ra của các cách giải thích nói trên. Chúng ta có thể giải thích sự quên lãng điều dự định bằng nhiều cách khác nhau khi chúng ta chưa phân tích trường hợp đó cho rõ ràng và khi các sự giải thích đó chỉ dựa trên các căn bản có tính chất chung thôi. Mỗi khi phân tích người làm đối tượng quên lãng, chúng ta có được những bằng cứ đủ dùng đó là một sự không muốn có tính cách trực tiếp và nguồn gốc của nó ở đâu.

Một điểm khác như sau: sau khi nhận thấy rằng sự quên lãng những dự định, trong phần lớn trường hợp đều là do một ý muốn trái ngược, chúng ta có thể mở rộng cách kết luận này cho

những trường hợp khác, trong đó người được phân tích không những không chịu xác nhận là có ý muốn trái ngược mà còn chối phắt đi nữa. Các bạn hãy nhớ đến những trường hợp quên lãng không trả lại những cuốn sách mình mượn, hay quên không trả nợ, hay quên thanh toán hoá đơn.. Chúng ta phải có can đảm vạch ra cho những người này biết rằng chính họ đã không muốn trả những cuốn sách hay những món nợ đó hay thanh toán những hoá đơn đó mặc dù họ khẳng khẳng một mực chối cãi và chúng ta không còn tìm ra được lý lẽ gì khác để cắt nghĩa thái độ của họ. Chúng ta sẽ bảo họ là quả họ có ý thực nhưng không biết đó thôi, còn về phần chúng ta thì ngay một việc họ quên không làm những việc nói trên là đủ cho ta biết họ quả có ý định không muốn trả nên họ không nhớ đến việc đem trả. Các bạn thấy ngay rằng lại một lần nữa chúng ta rơi vào tình trạng đã gặp một lần rồi. Bằng cách gán cho những lời giải thích của chúng ta một tính chất hết sức rộng rãi hợp lý về nhiều mặt trong khi khảo sát các hành vi sai lạc, chúng ta bị bắt buộc phải công nhận rằng trong mỗi người chúng ta có những khuynh hướng hoạt động mà chúng ta không hề hay biết. Nhưng khi đưa ra ý kiến đó, chúng ta đã làm trái lại hẳn với những điều thường được công nhận trong đời sống và trong tâm lý học.

Chúng ta cũng còn có thể giải thích sự quên lãng các tên riêng, các danh từ, tiếng ngoại quốc bằng cách nói rằng trong những trường hợp đó có khuynh hướng trái ngược gắn liền một cách trực tiếp hay gián tiếp vào danh từ này hay vào tiếng nói trên. Nhưng trong giai đoạn này, tính chất gián tiếp thường xảy ra luôn luôn và chỉ có thể tìm ra được sau một cuộc phân tích tỉ mỉ. Ví dụ trong thời chiến tranh, thời làm cho chúng ta phải xa những người chúng ta yêu quý, đã xảy ra biết bao nhiêu sự liên tưởng làm yếu đi rất nhiều trí nhớ của chúng ta về phương diện các danh từ riêng. Chính tôi cũng không viết lại được cho đúng tên một thành phố tâm thường Bisens: sau khi phân tích tôi thấy rằng không phải vì tôi có điều gì bực mình với thành phố đó, nhưng chính vì tên thành phố này giống tên Bisenzi của một toà lâu đài ở Octavio trong đó tôi đã qua nhiều ngày thực tế không dễ chịu. Đến đây, lần đầu tiên chúng ta đứng trước một nguyên tắc dùng khuynh hướng để cắt nghĩa những sự quên lãng các danh từ sau này sẽ có một tầm quan trọng hàng đầu trong việc tìm các triệu chứng của bệnh thần kinh: đó là việc trí nhớ từ chối không chịu gợi lại kỷ niệm liên quan đến những cảm giác đau buồn, làm cho

người ta nhớ lại cảm giác đó. Cái khuynh hướng tránh sự khó chịu do các kỷ niệm hay những hành vi tinh thần khác gây nên, thái độ trốn tránh những điều bực mình chính là những lý do rất kiên hiệu để giải thích không những sự quên lãng các danh từ mà còn của nhiều hành vi sai lạc khác như những sự nhầm lẫn, những sự lười biếng...

Nhưng có vẻ như những yếu tố sinh lý tâm lý đặc biệt thường làm cho người ta dễ quên các danh từ hơn: cho nên chúng ta có thể quan sát thấy sự lãng quên này ngay cả trong những trường hợp không có liên quan gì đến cảm giác khó chịu. Nhiều khi có những người luôn luôn quên những danh từ không phải vì danh từ đó làm cho người ta khó chịu hay gợi lại những kỷ niệm không đẹp, mà chính vì những tên đó có liên can gì đến một vài sự liên tưởng của anh ta. Người ta có thể cho rằng những danh từ đó gắn liền vào với một loạt các sự liên tưởng và nhất định không chịu liên can gì đến các liên tưởng khác có thể xảy ra tùy theo trường hợp. Các bạn hãy nhớ lại một vài xảo thuật trong việc giúp trí nhớ. Các bạn sẽ không khỏi ngạc nhiên nhận thấy rằng có nhiều danh từ bị quên chỉ bởi vì người ta đã cố ý dùng một vài sự liên tưởng với mục đích làm cho những tên đó khỏi bị quên. Chúng ta có nhiều thí dụ điển hình trong đó những tên riêng của nhiều người có giá trị rất khác nhau đối với từng người. Ví dụ như tên Théodore. Đối với nhiều người trong các bạn, tên đó chẳng có ý nghĩa gì cả: đối với người khác đó có thể là tên cha, tên bạn hay chính tên mình. Bạn sẽ thấy rằng những người đó không liên can gì đến Théodore cả thì ít khi quên tên những người lạ mang tên đó, trong khi những người có dính dáng đến Théodore bao giờ cũng có khuynh hướng không muốn cho người khác mang tên Théodore, có vẻ như tên đó chỉ được ban cho bà con họ hàng mình mà thôi. Vì bây giờ bạn chỉ cần thêm vào tác dụng của sự liên tưởng, tác dụng của những cảm giác khó chịu và tác dụng của một sự hoạt động gián tiếp là lập tức bạn có được một ý niệm rõ ràng về những sự phức tạp trong việc tìm hiểu sự quên lãng những danh từ.

Tác dụng của khuynh hướng muốn đẩy đi xa những kỷ niệm tất cả những cảm giác khó chịu còn mạnh hơn nữa trong sự quên lãng này chỉ có thể được coi như một hành vi sai lạc khi nào nó làm cho chúng ta ngạc nhiên vì không có gì bào chữa được, ví dụ như khi người ta quên những cảm giác mới mẻ quá hay quan trọng quá, hay khi cảm giác đó nếu bị quên sẽ gây nên một lỗ thủng

trong toàn thể kỷ niệm. Tại làm sao và như thế nào chúng ta có thể quên được những biến cố, ví dụ như trong thời thơ ấu của chúng ta đã để lại trong lòng chúng ta những ấn tượng sâu xa nhất? Đó là một vấn đề thuộc một phạm vi khác hẳn mà chúng ta có thể giải thích bằng cách cho rằng người ta muốn quên đi những cảm giác không đẹp đẽ, nhưng thực ra lời giải thích này không cất nghĩa được toàn thể vấn đề. Không còn ai nghi ngờ rằng những kỷ niệm khó chữa thường dễ bị quên hơn. Nhiều nhà tâm lý học đã nhận thấy đặc điểm đặc biệt này nơi nhà bác học Darwin. Ông này nhận thấy rằng mỗi khi có điều gì trái với thuyết của ông ta thì không sao ông ta nhớ nổi và muốn cho khỏi quên ông ta phải ghi thực rõ ràng trên giấy trắng những điều đó để dùng trong việc nghiên cứu.

Những người lần đầu tiên nghe nói rằng những kỷ niệm không đẹp đẽ thường bị quên dễ dàng hơn thường cãi lại rằng theo kinh nghiệm riêng của họ thì chính kỷ niệm không đẹp mới khó quên, những kỷ niệm này luôn luôn tro lại, làm người ta đau khổ ngấm ngấm mặc dù người ta dùng hết cách để quên, ví dụ như những kỷ niệm về sự khiêu khích nhục nhã chẳng hạn. Đúng như thế thực, nhưng những lời cãi lại đó không đứng vững. Chúng ta không nên quên rằng đời sống tinh thần là một bãi chiến trường, trong đó những khuynh hướng trái ngược đấu tranh với nhau, hay nói một cách trừu tượng hơn đời sống tinh thần gồm có những sự mâu thuẫn và những cặp tương phản nhau. Khi chúng minh được rằng có một khuynh hướng nhất định nào đó rồi, chúng ta không thể chứng minh luôn rằng không có một khuynh hướng nào phản trái với khuynh hướng trên. Có chỗ cho cả hai khuynh hướng đó. Vấn đề là tìm hiểu xem giữa những sự phản trái nhau đó có những liên quan gì, và những tác dụng của chúng ta ra sao.

Sự đánh mất và không tìm lại được những đồ vật đã cất đối với chúng ta có một tầm quan trọng đặc biệt, vì hành vi sai lạc này có thể được giải thích bằng nhiều cách khác nhau và chịu ảnh hưởng của nhiều khuynh hướng khác nhau. Tính cách chung của mọi trường hợp là ý muốn bị mất; điều khác nhau là lý do và mục đích của sự bị mất mát đó. Chúng ta đánh mất một vật là vì nó cũ rồi, vì chúng ta muốn thay nó bằng một vật khác, vì ta không thích nữa, thay vì ta đã có nó trong những trường hợp mà bây giờ ta không muốn nghĩ đến nữa. Việc để cho vật đó bị bỏ rơi, bị gãy cũng có những nguyên nhân như thế. Kinh nghiệm đã cho thấy

những đứa con hoang bao giờ cũng yếu ớt hơn những đứa con chính thức. Như thế không phải vì lẽ gì khác hơn là những đứa con hoang không được chăm sóc cẩn thận như những đứa con chính thức. Đối với đồ vật cũng thế, chẳng khác gì đối với những đứa con.

Nhưng có nhiều khi mình đánh mất những vật không hề mất đi một chút giá trị nào chỉ vì muốn hi sinh một vật gì đó cho số mệnh và muốn tránh khỏi mất một vật khác có thể xảy đến. Sự phân tích cho thấy rằng thái độ hi sinh một vật gì cho số mệnh là một thái độ quen thuộc đối với chúng ta và vì lý do đó nhiều khi những sự mất mát của chúng ta chỉ là một sự cố ý hi sinh. Sự mất mát có thể biểu lộ một sự thách thức hay một sự trừng phạt. Nói tóm lại những lý do dùng để cắt nghĩa cái khuynh hướng muốn từ bỏ một thứ đồ vật gì, nhiều vô kể.

Cũng giống như mọi sự lầm lẫn khác, sự ngộ nhận cũng thường được dùng để thực hiện điều ham muốn đáng lẽ ra mình không được quyền có. Ý muốn lúc đó được che giấu dưới mặt nạ của một sự ngẫu nhiên sung sướng. Một người bạn tôi lên tàu đi thăm một người mà anh ta không thích lắm, ra đến ga đã lên làm một chuyến tàu khác rồi lại quay trở về nhà. Có khi trong một cuộc du lịch mình muốn dừng lại ở một bãi tắm không thích ứng với một cuộc du lịch. Tự nhiên mình lỡ một chuyến tàu thành ra được dừng lại ở nơi mình muốn. Một người bệnh của tôi bị cấm không được gọi dây nói cho người yêu, mỗi khi dùng dây nói gọi tôi, thường gọi lầm số mà số đó bao giờ cũng là số của người yêu ông ta. Và đây là một sự ngộ nhận rất thú vị, quan trọng đặc biệt trong đời sống thực tế do một ông kỹ sư kể lại. Sự kiện này quan trọng vì nó giúp cho ta biết được người ta đã làm như thế nào để gây thiệt hại cho một đồ vật.

Ít lâu nay tôi và một vài người bạn trong một trường Cao đẳng, nghiên cứu một công việc rất phức tạp về sự co giãn. Chúng tôi làm việc này không có thù lao gì cả, nhưng chúng tôi bắt đầu thấy rằng việc đó chiếm quá nhiều thời gian. Một hôm đi cùng anh F.. đến phòng thí nghiệm, anh này phàn nàn rằng anh bực mình vì hôm nay mất nhiều thời giờ ở đây quá trong khi ở nhà còn bao nhiêu công việc phải làm. Tôi tán thành anh và nói đùa: “Mong rằng lần này cũng như tuần trước, máy sẽ bị hư và chúng ta có thể ngưng việc và ra về sớm”.

Khi phân công công việc anh F.. có phân sự coi sóc cái sú-páp sức ép, nghĩa là mở dần dần cái sú-páp ra cho nước chảy từ từ vào trong máy. Người điều khiển cuộc thí nghiệm đứng gần cái máy đó và mỗi khi thấy sức ép đủ dùng rồi phải kêu to cho mọi người ngừng tay. Nghe tiếng hô thôi anh F.. nắm lấy cái sú-páp và lấy hết sức quay về phía trái.. (trong khi phải quay về phía phải như thường lệ cũng như đối với mọi cái sú-páp). Kết quả là vì sức ép mạnh quá nên đứt một cái dây cáp: điều đó chẳng quan hệ gì nhưng máy hư và chúng tôi phải bỏ dở công việc về nhà. Điều này lạ là khi tôi hỏi anh F.. về vụ đó thì anh ta tỏ vẻ không nhớ gì hết trong khi tôi nhớ rõ mồn một.

Những trường hợp như thế đủ làm cho các bạn nghi ngờ khi người làm của các bạn coi những đồ vật trong nhà như kẻ thù và hành hạ chúng thì bạn đừng cho rằng đó là ngẫu nhiên. Nhưng các bạn cũng có thể tự hỏi là khi mình tự làm cho mình đau khô hay làm cho lòng ngay thẳng của mình bị nghi ngờ thì đó có phải là một sự ngẫu nhiên không? Đó là tất cả những vấn đề bạn phải phân tích để tìm ra giải pháp.

Tôi chưa thể đã nói được hết các điều có thể nói được về hành vi sai lạc. Còn nhiều điểm phải xem xét và thảo luận. Nhưng tôi sẽ hài lòng lắm nếu những điều đã trình bày làm lung lay được những ý kiến cũ của các bạn về vấn đề của chúng ta và các bạn sẵn lòng tiếp những ý kiến mới. Ngoài ra tôi không muốn đi xa hơn nữa. Những nguyên tắc của chúng ta không phải chỉ được chứng minh bằng những hành vi sai lạc, không có gì bắt buộc chúng ta giới hạn các cuộc khảo sát của chúng ta vào những vật liệu do những hành vi đó cung hiến. Đối với chúng ta, giá trị to lớn của những hành vi sai lạc là ở chỗ chúng xảy ra luôn luôn, bất cứ người nào cũng có thể quan sát thấy được và sự phát sinh của chúng không phụ thuộc vào tình trạng bệnh hoạn của một người.

Trước khi kết thúc tôi muốn nhắc lại một trong các câu hỏi của các bạn mà tôi chưa trả lời: nếu quả thực theo những ví dụ nói trên loài người hiểu rõ những hành vi sai lạc và hoạt động như họ hiểu ý nghĩa của các hành vi đó thì tại sao cho rằng những hành vi đó chỉ có tính chất bất thường, không có ý nghĩa gì cả, không có gì quan trọng và nhất định không chịu chấp nhận sự giải thích của môn phân tâm học.

Các bạn có lý: đó quả là một điều hết sức ngạc nhiên cần giải thích. Nhưng đáng nhẽ hẳn cho các bạn những lời giải thích sẵn

sàng, tôi muốn giảng giải liên tục cách nào cho các bạn có thể tự tìm thấy câu trả lời không cần đến sự trợ lực của tôi.

PHẦN THỨ HAI

GIẤC MƠ

5. NHỮNG KHÓ KHĂN ĐẦU TIÊN

Một hôm loài người tìm ra rằng những triệu chứng bệnh hoạn của những người thần kinh không vững, chắc chắn có một ý nghĩa. Đó là điểm khởi đầu của phương pháp trị bệnh bằng phân tâm học. Trong lúc chữa chạy người ta thấy rằng các người bệnh thường coi những giấc mơ như những dấu hiệu chứng bệnh hoạn. Vì thế người ta đồn rằng những giấc mơ đó cũng có một ý nghĩa gì.

Đáng lẽ phải theo thứ tự lịch sử trong công việc khảo sát, chúng ta lại bắt đầu bằng cách đi từ dưới lên trên, từ sau ra trước. Để chuẩn bị cho việc khảo sát các bệnh thần kinh chúng ta tìm hiểu ý nghĩa của những giấc mơ. Sở dĩ chúng ta có thể đảo lộn trật tự trước sau như thế là vì giấc mơ không những giúp nhiều trong công việc chuẩn bị khảo sát về bệnh thần kinh mà giấc mơ còn là một triệu chứng của bệnh thần kinh này. Đó là một triệu chứng rất tốt vì chúng ta có thể quan sát thấy gần như ở khắp mọi người kể cả những người sức khoẻ bình thường. Khảo sát những người khoẻ mạnh bình thường mà nằm mơ, chúng ta cũng thu lượm được những kết quả như khi khảo sát người mắc bệnh thần kinh.

Chính vì thế nên giấc mơ trở thành đối tượng khảo sát của môn phân tâm học. Giấc mơ là một hiện tượng tâm thường, một hiện tượng không được coi là quan trọng, bề ngoài có vẻ chẳng có giá trị thực tế gì, cũng như những người khoẻ mạnh bình thường, vì thế nên giấc mơ không hiến cho chúng ta những điều kiện khảo sát có giá trị. Những hành vi sai lạc không được khoa học để ý đến và mọi người chỉ hơi để ý đến thôi; nhưng dù sao khảo sát các hành vi sai lạc này chả có gì đáng xấu hổ, người ta có thể tự nhủ là những hành vi sai lạc cũng có thể hiến cho chúng ta những dữ kiện để khảo sát những công trình quan trọng hơn. Nhưng khảo sát các giấc mơ thường được coi như làm một công việc chẳng có ích lợi gì trong thực tế đã vô ích mà còn bị coi như một trò giải trí

đáng xấu hổ nữa, một công việc phản khoa học chứng tỏ người muốn khảo sát là một người muốn làm một chuyện thân bí. Làm sao một bác sĩ lại có thể khảo sát về giấc mơ được trong khi môn bệnh lý thần kinh học và môn thần kinh học hiến cho chúng ta những hiện tượng đúng đắn hơn nhiều: những cái nhọt bọc trong cơ năng thần kinh hệ, những sự xuất huyết, những chứng viêm mạn v v...không được! Giấc mơ là một thứ vô nghĩa không đáng cho chúng ta khảo cứu.

Ngoài ra giấc mơ còn là một thứ gì phản trái hẳn với những đòi hỏi của khoa học, mà nhà khảo cứu không thể có một yếu tố gì chắc chắn. Ví dụ như một ý tưởng cố chấp cũng có những giới hạn rõ ràng. Một người bệnh tuyên bố rành rọt: “Tao là Hoàng đế nước Trung Hoa đây”. Chứ còn giấc mơ! Nhiều khi người ta không kể cho ta nghe giấc mơ nữa. Khi một người kể cho ta nghe giấc mơ của họ, có gì chứng tỏ rằng những điều anh ta kể là đúng, rằng trong khi kể anh ta lại không tìm cách phóng đại ra, có gì chứng tỏ anh ta lại không thêm thắt một vài điều tưởng tượng bởi vì anh ta không nhớ rõ. Đó là chưa nói đến chuyện nhiều khi người ta không nhớ lại cả giấc mơ nữa, chỉ nhớ được một vài mảnh vụn chả có nghĩa lý gì. Vậy mà, người ta tạo lập cả một khoa học tâm lý và một phương pháp trị bệnh trên những nền móng mỏng manh như thế?

Chúng ta bao giờ cũng nên ghi nhớ những lý luận hơi quá đáng. Quả là những điều đưa ra để bài bác giấc mơ có đi hơi quá xa.. Người ta bảo rằng những giấc mơ có một ý nghĩa chả có gì. Thì chúng ta chẳng có cơ hội để trả lời bài bác tương tự như thế rồi sau khi khảo cứu các hành vi sai lạc sao? Lúc đó chúng ta đã tự nhủ là những việc quan trọng nhiều khi cũng được phát hiện bằng những dấu hiệu rất tầm thường. Còn việc giấc mơ có tính cách mơ hồ thì đó cũng chỉ là một đặc tính như những đặc tính khác; chúng ta làm sao có thể bắt buộc sự việc phải có những đặc tính mà chúng ta muốn. Và lại cũng có những giấc mơ rõ ràng và có giới hạn nhất định. Ngoài ra chính những nhà thần kinh học cũng khảo sát những hiện tượng cũng có tính chất mơ hồ như thí dụ những trường hợp có những ý tưởng cố chấp mà nhiều vị bác sĩ thần kinh học nổi tiếng thường khảo cứu. Tôi nhớ đến một trường hợp đã gặp trong thời kỳ chữa bệnh. Người bệnh bắt đầu kể chuyện cho tôi nghe: “ Tôi có cảm tưởng muốn làm hại một sinh vật nào đó.. Hại một đứa trẻ con! Không phải, hình như là hại một con chó thì phải.

Tôi có cảm tưởng là vừa vớt một con chó xuống sông hay làm gì cho nó bị đau đớn lắm”. Để sửa chữa tính cách mơ hồ của những giấc mơ, chúng ta phải nói ngay là chúng ta chỉ coi là những giấc mơ những điều mà người nằm mơ kể lại cho chúng ta nghe thôi chứ không để ý đến việc người đó có thể nhớ không kỹ hay sửa đổi những điều anh ta nhớ lại. Sau cùng người ta không có quyền cho rằng giấc mơ là một hiện tượng không quan trọng. Ai cũng đều biết có những trường hợp trong đó căn bệnh bắt đầu bằng một giấc mơ và người bệnh cứ giữ mãi một ý tưởng bắt nguồn trong giấc mơ. Người ta kể rằng có nhiều nhân vật lịch sử đã tìm thấy trong giấc mơ động lực thúc đẩy mình làm nên những chuyện to tát. Vì thế chúng ta có thể tự hỏi xem sự coi khinh các giấc mơ trong giới khoa học bắt nguồn từ đâu?

Tôi cho rằng nó bắt nguồn ở chỗ ngày xưa người ta lại gán cho những giấc mơ một tầm quan trọng quá đáng. Ai cũng biết là chúng ta không thể dễ dàng quay trở lại quá khứ nhưng chúng ta có thể không ngần ngại gì mà không cho rằng tổ tiên của chúng ta cách đây hai ngàn năm hay hơn nữa cũng nằm mơ như chúng ta vậy. Theo chỗ chúng ta biết thì tất cả những dân tộc cổ xưa đều gán cho các giấc mơ giá trị rất cao và coi những giấc mơ như một thứ gì có thể dùng được việc, ví dụ như dùng để đoán trước tương lai hay coi đó là một điềm báo trước một sự gì. Đối với người Hi Lạp ngày xưa cũng như đối với một số người dân tộc Phương Đông, đi đánh trận mà không đem theo những người chuyên môn giải các giấc mơ là việc không thể có được, cũng như ngày nay chúng ta đi đánh trận mà không có máy bay trinh sát. Khi Đại đế Alexandre đi chinh phục mọi nơi, bao giờ ngài cũng đem theo những nhà chuyên môn giải các giấc mơ nổi tiếng nhất. Trong cuộc tấn công thành Tyr, trước sức chống giữ mãnh liệt của thành này, nhà vua định không bao vây nữa, nhưng đột nhiên nằm mơ thấy một con quỷ nhảy nhót điên cuồng. Người thầy bói đoán rằng đó là một điềm chiến thắng. Vua liền ra lệnh tiếp tục tấn công và hạ được thành. Dân tộc Etrusques và La Mã tuy có dùng những phương pháp khác nhau để dự đoán tương lai nhưng cũng dùng những giấc mơ trong suốt thời gian La Hy. Về vấn đề này chúng ta chỉ còn giữ lại được một cuốn Artémidore ở Ephesé từ thời Hoàng đế Adrien.

Tại sao nghệ thuật đoán mộng lại suy sụp và những giấc mơ không còn được tin cậy nữa? Tôi chịu không thể nói cho các bạn

nghe được. Người ta có thể cho rằng học vấn chính là nguyên nhân của sự suy sụp và coi khinh nó vì Thời trung cổ hãy còn giữ lại được những điều khó hiểu gấp bội sự đoán mộng. Nhưng sự thực là giấc mơ dần dần trở thành một thứ mê tín dị đoan chỉ còn được những kẻ vô học để ý đến mà thôi. Mãi tận ngày nay người ta vẫn hay còn tin tưởng vào giấc mơ để mua vé số. Trái lại khoa học ngày nay lại càng để ý đến những giấc mơ, nhưng với ý định áp dụng vào đó những lý thuyết về tâm lý học. Các thầy thuốc coi giấc mơ không phải là một hoạt động tinh thần nhưng là một sự phát biểu của các sự kích thích về cơ thể có dính dáng đến tinh thần. Năm 1987, Binz tuyên bố rằng “giấc mơ là một sự hoạt động của thể xác, chẳng có ích lợi gì nhiều khi còn có tính cách bệnh hoạn nữa. Đối với linh hồn bao quát và sự bất tử, giấc mơ ở vào địa vị của một mảnh đất cát đầy cỏ dại, dưới một cái vực nào đó với bầu không khí trong xanh trên nền trời cao vút”. Maury coi giấc mơ như những sự nhảy nhót điên cuồng của vũ điệu Saint Guy, trái với những hành động có trật tự của những con người bình thường. Ngày xưa người ta còn so sánh những giấc mơ với những thanh âm do một người thông thạo về âm nhạc phát ra trên phím đàn.

Giải thích tức là tìm những ý nghĩa chưa rõ rệt: nhưng người ta không thể nói đến chuyện giải thích các giấc mơ khi người ta khinh chúng như thế. Các bạn hãy đọc trong tác phẩm của Wundt, Jodt và các triết gia khác: tất cả đều chỉ liệt kê những điểm khác nhau giữa giấc mơ và tình trạng thức, hay chú ý đến những sự phân hoá của các liên tưởng, sự biến mất của trí óc phê bình, của mọi trí thức và những dấu hiệu tỏ ra rằng giấc mơ không có giá trị gì hết. Khoa học chỉ đóng góp vào việc tìm hiểu giấc mơ bằng mỗi một điểm, đó là việc xét ảnh hưởng của những sự kích động về cơ thể trong khi ngủ đối với nội dung giấc mơ. Một tác giả người Na uy đã để lại cho chúng ta hai cuốn sách về những thí nghiệm về giấc mơ liên quan đến các kết quả của sự chuyển động chân tay thôi. Người ta cho rằng những công trình khảo cứu đó là những công trình có giá trị về giấc ngủ. Nhưng khoa học sẽ nói thế nào nếu biết rằng chúng ta đang tìm hiểu ý nghĩa của những giấc mơ? ý kiến của khoa học ra sao thì mình đã biết rồi, nhưng tôi không hề thấy nản lòng trước ý kiến đó. Một khi các hành vi sai lạc cũng có một ý nghĩa thì chẳng có gì ngăn cản các giấc mơ cũng có một ý nghĩa và trong nhiều giấc mơ chúng ta đã thấy là quả thực là chúng có một ý nghĩa mà khoa học không tìm ra được. Vì vậy chúng ta hãy công nhận làm của riêng của chúng ta và cái quan

niệm của người xưa về các giấc mơ, và chúng ta hãy đi lại con đường của họ về cách đoán mộng.

Trước hết, chúng ta phải tìm hướng đi cho công việc của chúng ta và duyệt lại phạm vi của giấc mơ. Vậy giấc mơ là gì? Thực khó trả lời câu hỏi đó bằng một định nghĩa. Vì thế nên chúng ta sẽ không cố gắng đưa ra một định nghĩa trong khi không ai là người không biết đến giấc mơ cả. Nhưng chúng ta phải đưa ra ánh sáng những đặc tính của giấc mơ. Nhưng tìm đâu ra bây giờ? Trong phạm vi các giấc mơ có biết bao nhiêu thứ. Những đặc tính cần thiết chúng ta nêu ra sẽ là những đặc tính chung cho mọi giấc mơ.

Đặc tính chung thứ nhất là chúng ta chỉ nằm mơ khi chúng ta ngủ thôi. Dĩ nhiên những giấc mơ chỉ là một sự hoạt động của tinh thần trong khi ngủ, và nếu đời sống tinh thần này có một vài điểm gì giống như đời sống trong trạng thái thức tỉnh thì trái lại cũng có những điểm khác với đời sống này. Đó là định nghĩa của Aristote. Giữa giấc ngủ và giấc mơ có thể có những liên quan chặt chẽ. Nhiều khi chúng ta bị giấc mơ đánh thức dậy, nhiều khi đang mơ chúng ta đột nhiên tỉnh dậy, hay bị đánh thức dậy một cách đột ngột. Như vậy tức là giấc mơ là một tình trạng trung gian giữa giấc ngủ và tình trạng thức tỉnh. Như thế tức là chúng ta lại quay về với giấc ngủ. Vậy giấc ngủ là gì?

Giấc ngủ là một vấn đề của sinh lý hay của đời sống, đến nay người ta hãy còn bàn cãi chưa dứt khoát. Chúng ta phải tìm những đặc tính của giấc ngủ về phương diện sinh lý.. Giấc ngủ là một trạng thái mà trong đó người ta ngủ không muốn biết gì về đời sống bên ngoài nữa, quyền lợi của người ngủ thoát hẳn ra thế giới bên ngoài, muốn thoát khỏi sự kích động của thế giới bên ngoài vào. Tôi đi ngủ khi mệt mỏi vì đời sống bên ngoài và vì sự kích động đó. Khi đi ngủ tôi bảo đời sống bên ngoài biết nên để cho tôi yên vì tôi muốn ngủ. Đứa bé con, trái lại lại nói: “tôi chưa muốn đi ngủ, tôi không mệt, tôi muốn thức nữa”. Vậy khuynh hướng đời sống của giấc ngủ là sự không thèm để ý đến đời sống bên ngoài nữa. Đối với thế giới mà chúng ta bị bắt buộc phải bước vào mà không hề muốn, chúng ta ở vào một trạng thái làm cho chúng ta không thể nào chịu đựng được một cuộc sống liên tục mãi mãi không ngừng. Vì thế cho nên thỉnh thoảng ta lại phải ru mình vào trạng thái của chúng ta trước khi ra đời trong lúc còn đang nằm trong dạ con. Ít nhất trong tình trạng đó chúng ta cũng tự tạo cho

ta những điều kiện của đời sống: nào nhiệt độ, nào bóng tối, nào sự vắng mặt của mọi sự kích động. Nhiều người trong chúng ta nằm ngủ co quắp như khi đang còn nằm trong bụng mẹ. Người ta có thể cho rằng khi đã trưởng thành chúng ta chỉ sống hai phần ba đời người trong trạng thái trưởng thành thôi còn phần ba kia chúng ta sống như chưa ra đời. Trong những điều kiện đó, mỗi buổi sáng khi tỉnh dậy chúng ta có cảm tưởng như vừa mới sinh ra đời vậy. Chúng ta chẳng vẫn thường nói về trạng thái của chúng ta khi tỉnh dậy rằng chúng ta như một đứa trẻ sơ sinh sao? Nói như thế thực ra chúng ta có một ý niệm rất sai về đứa bé sơ sinh. Sự thực là ta phải chờ đợi rằng đứa bé lúc mới ra đời chẳng có gì là dễ chịu cả. Nói về sự sinh ra đời chúng ta chẳng thường nói là ra ngoài ánh sáng đó sao?

Nếu giấc ngủ như chúng ta vừa nói thì giấc mơ không thể là một thành phần trong giấc ngủ mà lại còn là một cái gì rất khó chịu. Chúng ta thường cho rằng những giấc ngủ không mơ là những giấc ngủ tốt đẹp nhất, đó mới chính là một giấc ngủ độc nhất thực sự; không có một hoạt động tinh thần nào được có trong giấc ngủ. Nếu có một hoạt động tinh thần nào thì tức là chúng ta không thành công trong công việc quay lại trạng thái của bào thai, chưa rũ bỏ lại được những cái gì còn sót lại trong đời sống bên ngoài. Giấc mơ không gì khác hơn là những cái gì còn sót lại đó, và có vẻ như những giấc mơ không có ý nghĩa gì cả. Những hành vi sai lạc, những hoạt động của tình trạng tỉnh có tính chất khác hẳn. Nhưng khi tôi ngủ sau khi đã thành công trong việc chấm dứt mọi hoạt động tinh thần ngoài một dư âm còn sót lại, thì những dư âm này cần gì phải có ý nghĩa. Dù rằng có ý nghĩa thì tôi cũng chẳng thể dùng được vào việc gì cả, vì đời sống tinh thần của tôi đã ngừng lại khi tôi ngủ. Giấc mơ có thể chỉ là những phản ứng xuất hiện dưới hình thức những sự co quắp, những hiện tượng tinh thần do sự kích động cơ thể gây nên. Những giấc mơ có thể là những cái gì còn sót lại của đời sống tinh thần lúc đang thức, những cái còn sót lại có thể làm cho giấc ngủ không yên; và như thế chúng ta chỉ còn có việc bỏ rơi vấn đề coi như không thuộc môn phân tâm học.

Dù cho rằng những giấc mơ chẳng có ích lợi gì cả, đó vẫn là những sự gì có thực mà chúng ta cần cố gắng cắt nghĩa sự có thực này. Tại sao đời sống tinh thần lại không ngủ nhỉ? Chắc chắn là có

một vài sự gì chống lại giấc ngủ đó. Có lẽ có những sự kích động làm cho đời sống tinh thần phản ứng lại.

Vậy giấc mơ chính là sự phản ứng của linh hồn chống lại những sự kích động phát sinh ra trong giấc ngủ. Đến đây chúng ta đã nhìn thấy một con đường bỏ ngỏ trong việc tìm kiếm giấc mơ. Chúng ta có thể tìm xem có những kích động nào đã làm cho giấc ngủ không yên và người ngủ phản ứng lại. Như thế chúng ta sẽ đưa ra được đặc tính chung thứ nhất cho các giấc mơ.

Ngoài ra còn đặc tính chung nào nữa không? Tất nhiên là có nhưng khó nắm được và mô tả được. Sự hoạt động tâm lý trong lúc ngủ khác hẳn trong khi thức. Trong lúc ngủ, người ta chứng kiến những biến cố mà người ta tin tưởng trong khi thực tế đó có thể chỉ là những sự kích động cơ thể làm cho giấc ngủ không yên. Người ta nhìn thấy các hình ảnh nhiều khi có kèm theo những tình cảm, ý kiến và cảm giác do các giác quan khác hơn là thị giác cung cấp, nhưng dù sao thì những hình ảnh bao giờ cũng trội hơn. Cho nên khi chúng ta kể lại một giấc mơ, điều khó cho chúng ta là làm sao diễn tả những hình ảnh đó thành lời nói. Có nhiều khi một người nằm mơ bảo là: tôi có thể vẽ lại cho ông xem giấc mơ của tôi chứ tôi không thể kể lại được. Đó không phải là một hoạt động tinh thần sút kém như trong trường hợp những người kém tinh thần bên cạnh những người có tài: hình như có một sự khác biệt về phẩm nhưng không ai biết khác biệt ra sao. G.Th.Fisher cho rằng sâu khấu của giấc mơ khác hẳn sâu khấu của tình trạng thức tỉnh. Đó là một điều chúng ta không hiểu, không biết nghĩ ra sao nhưng cũng biết diễn tả được cảm giác lạ lùng khi ta nằm mơ rồi thức dậy. Sự so sánh những hoạt động trong giấc mơ với những thanh âm phát ra từ các phím đàn do tay của một người không hiểu biết về âm nhạc đối với chúng ta chẳng có ích lợi gì hết, vì dù không thạo về âm nhạc đi chăng nữa thì trường hợp khi đặt tay lên phím đàn người ta cũng làm phát ra những thanh âm, và những thanh âm này không cần du dương cho lắm. Đó là đặc tính chung thứ hai của các giấc mơ, dù chưa được hiểu rõ.

Còn có những đặc tính chung nào khác nữa không? Tôi không tìm ra nữa, tôi chỉ thấy những sự khác biệt về mọi điểm: về điểm thời gian nằm mơ cũng như về tính cách rõ ràng hay không, về vai trò của các sự xúc động, về sự kéo dài ra.. Theo tôi thì sự việc xảy ra chẳng khác gì người ta phải chống lại một sự kích động dù là bị bó buộc, dù chỉ có tính chất chốc lát, giành giật. Có những

giấc mơ rất ngắn, có khi chỉ có một hình ảnh, một tiếng nói; có những giấc mơ rất dài, rất dôi dào, kéo dài như một cuốn tiểu thuyết. Có những giấc mơ rất rõ ràng chẳng khác gì đời thực, rõ đến nỗi nhiều khi người ta tự hỏi không biết mình mê hay tỉnh; có những giấc mơ rất yếu, mơ hồ, mờ mịt, có khi lại rõ ràng lại vừa mờ mịt, có những giấc mơ có nhiều ý nghĩa, vui vẻ, đẹp đẽ; có những giấc mơ trái lại loạn xạ, ngớ ngẩn, khó hiểu, ly kỳ. Có khi chúng ta thờ ơ với giấc mơ nhưng có khi chúng ta thấy cảm động, đau đớn, có khi phát khóc, xúc động, ngạc nhiên, thích thú... Nhiều giấc mơ bị quên ngay sau khi thức dậy và nếu có còn được nhớ lại thì cũng mờ dần đi; trái lại có những giấc mơ mà người ta nhớ mãi, nhất là những giấc mơ trẻ con, đến nỗi ba mươi năm sau mà còn rõ ràng như vừa mới xảy ra ngày hôm qua. Có những giấc mơ chỉ xảy ra có một lần; có những giấc mơ xảy đi xảy lại cho một người nhiều lần, hoặc y nguyên như lần trước, hoặc có thay đổi chút ít. Nói tóm lại, sự hoạt động của tinh thần này thực ra có rất nhiều hình thức, có khả năng diễn lại những gì đã xảy ra ban ngày nhưng không bao giờ giống nhau cả.

Chúng ta có thể cắt nghĩa những hình thức khác nhau này của những giấc mơ bằng cách cho rằng chúng tương ứng với những trạng thái trung gian giữa giấc ngủ và tình trạng thức tỉnh, hoặc với những giai đoạn khác nhau của giấc ngủ không hoàn toàn. Nhưng nêu thực như thế thì mỗi khi giấc mơ càng ngày càng có giá trị hơn, rõ ràng hơn, có nội dung dôi dào hơn, chúng ta phải cho rằng đó không phải là một tình trạng nửa thức nửa ngủ mà là một giấc mơ thực sự, bởi vì trong những giấc mơ loại này, đời sống tinh thần càng ngày càng gần với đời sống tinh thần lúc thức hơn. Điều cần là những giấc mơ đó phải thực rõ chứ không thể có lúc rõ lúc mờ hay có lúc hợp lý rồi có lúc lại ngớ ngẩn vô nghĩa. Nếu chúng ta chấp nhận điều giải thích nói trên tức là chúng ta đã gán cho đời sống tinh thần khả năng thay đổi tính chất say sưa của giấc ngủ theo một tốc độ và một cách rõ ràng không có trong thực tế. Vì vậy chúng ta có thể nói rằng cách giải thích đó không đứng vững được. Thường thường sự việc không đơn giản như thế.

Bây giờ cho tới khi có quyết định mới, chúng ta sẽ không tìm hiểu ý nghĩa của những giấc mơ nữa, nhưng sẽ tìm cách hiểu rõ những giấc mơ bằng cách dựa vào những đặc tính của nó. Nói về liên quan giữa giấc mơ và giấc ngủ, chúng ta đã nói rằng giấc mơ là một phản ứng đối với một sự kích động trong giấc ngủ, làm cho

giấc ngủ không yên. Đó chính là điểm độc nhất mà môn Tâm lý học thực nghiệm có thể giúp đỡ chúng ta bằng cách hiến cho chúng ta bằng chứng rằng những sự kích động xảy ra trong giấc ngủ cũng xuất hiện trong giấc mơ. Chúng ta có nhiều công trình khảo sát về vấn đề này kể cả công trình Maury Vold đã nói trong những dòng trên, và mỗi người chúng ta có thể xác nhận điều đó dựa vào những kinh nghiệm cá nhân. Tôi đơn cử những thí nghiệm chọn trong những thí nghiệm cũ nhất. Chính Maury đã thí nghiệm ngay trên bản thân mình. Trong lúc ông ta ngủ có người cho ông ta ngủi nước Cologne: ông ta mơ thấy mình ở Cario kinh đô xứ Ai cập, trong tiệm Jean Maria Farina, rồi từ đó phát sinh ra bao nhiêu chuyện ly kỳ. Người ta bám nhẹ vào gáy ông: ông luôn mơ thấy một miếng thuốc dán và đến ông thấy thuốc sẵn sóc ông trong lúc ông còn nhỏ. Người ta nhỏ lên trán ông một giọt nước: ông mơ thấy mình ở bên Ý mồ hôi ra như tắm và uống rượu vang Orvieto.

Điều đáng chú ý trong những giấc mơ do những sự kích thích gây ra sẽ xuất hiện rõ ràng hơn trong một loại giấc mơ khác. Đó là ba giấc mơ gây ra do một tiếng động của một chiếc đồng hồ báo thức (thí nghiệm của Hildebrant).

“Một buổi sáng mùa xuân, tôi đi dạo qua một cánh đồng đến một làng bên cạnh, thấy dân làng kéo nhau đi nhà thờ, quần áo đẹp, tay cầm cuốn kinh. Hôm đó là chủ nhật và có dự thánh lễ bắt đầu rồi, tôi quyết định vào xem lễ nhưng vì trời nóng quá nên tôi ngồi nghỉ trong nghĩa địa chung quanh nhà thờ. Vừa chăm chú đọc những dòng chữ trên mộ tôi vừa nghe tiếng người kéo chuông nhỏ sắp gióng lên để báo hiệu là buổi cầu kinh sắp bắt đầu. Lúc đầu chuông còn đứng im, nhưng sau đó những tiếng chuông lanh lảnh làm tôi tỉnh giấc. Thì ra chính chiếc đồng hồ báo thức đã vừa kêu lên”.

“Một chuyện nữa: Hôm đó là một ngày mùa đông trong sáng. Tuyết rơi đầy đường, tôi định đi xe trượt tuyết nhưng phải chờ xe. Trước khi lên xe, tôi phải sửa soạn lại áo ấm, đem lò sưởi theo. Rồi tôi ngồi vào xe, lại phải chờ nữa cho đến khi ngựa bắt đầu đi. Ngựa bắt đầu đi, tiếng nhạc vang lên nghe rất khó chịu làm tôi tỉnh giấc. Thì ra lần này cũng vẫn là cái đồng hồ báo thức lanh lảnh”.

“Thí dụ ba: tôi nhìn cô người làm mang một chồng đĩa từ bếp theo hành lang vào phòng ăn. Chồng đĩa quá cao, tôi chỉ sợ không giữ thăng bằng thì vỡ hết. Tôi bảo chị ta nên cẩn thận. Lần nào chị

cũng trả lời là chị quen rồi. Nhưng tôi vẫn nhìn chị ta bằng con mắt e ngại. Quả nhiên chị vấp ngã, đĩa rơi xuống đất kêu nghe kinh khủng. Nhưng tôi có cảm tưởng như đó không phải là tiếng đĩa vỡ, nhưng là một tiếng gì kéo dài mãi như tiếng chuông. Lúc tỉnh dậy, tôi mới thấy đó là tiếng chuông đồng hồ báo thức”.

Những giấc mơ này thực đẹp, đầy ý nghĩa, có mạch lạc hẳn hoi. Vì thế nên chúng ta chả có gì trách chúng được. Chúng có đặc điểm chung là bao giờ cũng kết thúc bằng một tiếng chuông đồng hồ báo thức. Thế là chúng ta thấy rõ một giấc mơ đã phát sinh ra như thế nào. Nhưng chúng ta còn biết một vài điểm khác nữa. Người nằm mơ không nhận ra tiếng chuông đồng hồ báo thức (không có trong giấc mơ) nhưng mỗi lần hề nghe tiếng chuông là ông ta thay tiếng chuông bằng một thứ tiếng khác và giải thích theo một lối khác. Tại sao? Không trả lời được. Người ta có thể cho rằng đó là một cái gì hết sức võ đoán. Nhưng tìm hiểu một giấc mơ tức là tìm hiểu xem tại sao người nằm mơ lại chọn tiếng động này chứ không chọn tiếng khác để giải thích sự kích động làm cho bừng tỉnh dậy. Người ta có thể hỏi Maury rằng nếu trong giấc mơ người ta thấy rõ ràng sự kích động là sự nào thì người ta không thể hiểu tại sao sự kích động này lại xuất hiện dưới một hình thức không liên can gì đến tính chất sự kích động cả? Và lại trong những giấc mơ của Maury người ta thấy nhiều biến cố kỳ lạ gắn liền vào sự kích động như trong trường hợp người nước Cologne, những biến cố này không thể cắt nghĩa được.

Các bạn cần để ý rằng chính trong các giấc mơ có sự bừng tỉnh dậy di theo mà chúng ta có thể nhìn thấy ảnh hưởng của những kích động làm tan giấc mơ. Trong nhiều trường hợp khác sự việc khó khăn hơn nhiều. Không phải lúc nào nằm mơ người ta cũng tỉnh dậy ngay, và khi sáng dậy nhớ lại giấc mơ làm sao người ta biết được sự kích động nào đã gây ra giấc mơ? Có một lần nhờ một trường hợp đặc biệt tôi tìm ra được một sự kích động âm vang thuộc loại này. Một buổi sáng tại Tyrol tôi tỉnh dậy sau khi nằm mơ rằng Đức giáo hoàng vừa từ trần. Tôi đang tìm hiểu ý nghĩa của giấc mơ đó thì bà vợ tôi đột nhiên hỏi: “Sáng nay anh có nghe tiếng chuông ở khắp các nhà thờ không?” “Không, tôi không nghe thấy gì hết, tôi ngủ rất say”. Nhưng sự kích động làm cho mình nằm mơ có tần số nào mà sau đó người nằm mơ tỉnh dậy không hề hay biết gì về sự kích động đó? Tần số này có thể rất cao mà cũng có thể không cao. Khi không có cách nào để biết được có kích động

hay không thì không làm sao biết được tần số đó. Và lại chúng ta chẳng cần thảo luận về giá trị của các sự kích động bên ngoài, bởi vì những sự kích động này chỉ có thể cắt nghĩa được một phần nào trong giấc mơ thôi chứ không cắt nghĩa toàn thể giấc mơ.

Nhưng không thể vì thế mà chúng ta có quyền bỏ rơi thuyết này, một thuyết có phát triển sâu rộng. Vấn đề tự hỏi xem nguyên nhân nào làm cho giấc ngủ không yên và làm cho người ta nằm mơ không phải là vấn đề quan trọng. Nếu nguyên nhân không phải là một sự kích động từ bên ngoài thì có lẽ là một sự kích động từ bên trong do giác quan gây nên. Quan niệm này được người dân thành phố tin tưởng rất nhiều. Chúng ta chẳng thường nghe nói rằng những giấc mơ thường do bao tử gây nên hay sao? Nhưng khổ nỗi là trong trường hợp này nữa có thể rằng có một sự kích động nội tâm xảy ra trong ban đêm nhưng sáng ra không còn để lại dấu vết gì nữa và do đó không chứng minh được. Tuy vậy chúng ta không muốn tỏ vẻ lơ là với những thí nghiệm cho rằng những giấc mơ thường gắn liền với những sự kích động bên ngoài. Không ai phủ nhận rằng trạng thái của các cơ quan nội tâm có ảnh hưởng đến các giấc mơ. Người ta không thể bỏ qua sự liên quan giữa một vài giấc mơ với việc nước tiểu chất đầy trong bàng quang hay sự kích động các cơ quan sinh dục của phụ nữ. Từ những trường hợp rõ ràng này người ta qua những trường hợp khác chứng tỏ rằng những sự kích động bất nguồn từ các cơ quan nội thể quả có ảnh hưởng tới các giấc mơ và những sự xảy ra trong giấc mơ chính là sự phác họa, sự thành hình, sự giải thích những sự kích động đó.

Scherner đã khảo cứu nhiều về các giấc mơ, đặc biệt nhấn mạnh đến sự liên quan giữa những sự kích động nội thể này và những giấc mơ. Ông đã cho chúng ta nhiều thí dụ rất hay để chứng minh ý kiến của mình. Ví dụ như khi ông ta nằm mơ thấy hai hàng em bé xinh trai tóc nâu, đứng trước mặt nhau trong thái độ đấu tranh, nhảy xổ vào đánh nhau, ông nghĩ rằng đó là hai hàm răng. Sự giải thích này được xác nhận sau đó vì khi tỉnh dậy ông đã phải đi nhổ một cái răng dài hơn những cái khác. Khi người ta nằm mơ thấy một hành lang dài, ngoằn ngoèo chật hẹp thì người ta nghĩ ngay đến một sự kích động trong ruột. Cách cắt nghĩa này không phải là không có lý. Chúng ta có thể chấp nhận ý kiến của Scherner cho rằng giấc mơ thường hình dung cơ quan gây ra sự kích động bằng những đồ vật giống cơ quan đó.

Vì thế chúng ta không công nhận rằng những sự kích động nội thể có thể ảnh hưởng tới các giấc mơ y như những sự kích động từ bên ngoài vào. Khó một điều, sự giải thích đó cũng bị lý lẽ như đối với những sự kích động bên ngoài bài bác. Trong rất nhiều trường hợp sự giải thích bằng sự kích động bên trong không chứng minh được và không chắc chắn. Chỉ có một vài giấc mơ làm cho người ta nghi rằng có một sự kích động bên trong cũng như bên ngoài chỉ cắt nghĩa được một phần nào giấc mơ chứ không cắt nghĩa được toàn thể.

Tuy nhiên chúng ta cần để ý đến một điểm đặc biệt của những giấc mơ do sự kích động bên trong gây nên. Giấc mơ không gọi lại sự kích động nguyên vẹn mà thay đổi đi, bằng một sự ám chỉ xếp loại dưới một hình thức nào đó, thay thế bằng một sự kích động khác. Chúng ta phải để ý đến những sự biến dạng đó trong những giấc mơ tiếp diễn, bởi vì làm như thế chúng ta có nhiều hy vọng hiểu được tính chất thực sự của các giấc mơ. Khi chúng ta làm một hành động nào đó trong một trường hợp nào đó, đâu có phải khi trường hợp đó không có nữa thì hành động của chúng ta bị triệt tiêu luôn. Vở Macbeth chẳng hạn được viết trong trường hợp đăng quang của một ông vua đầu tiên quy tụ trên đầu mình ba vương miện của ba nước. Nhưng có phải trường hợp triệt tiêu hết nội dung của vở kịch đầu, có phải trường hợp đó đủ cắt nghĩa được giá trị cao cả của những bí ẩn của vở kịch không? Có thể là sự kích động bên trong và bên ngoài tác dụng đến người nằm ngủ chỉ dùng để mở đầu cho giấc mơ thôi chứ không hề cho chúng ta biết gì về tính chất thực sự của nó.

Tính chất chung kia của các giấc mơ, tính chất đặc biệt tinh thần của chúng rất khó hiểu và không đưa ra một chỗ dựa nào cho một cuộc khảo sát sau đó. Thường thường những biến cố trong giấc mơ hiện ra dưới hình thức thị giác. Những sự kích động có thể giải thích được sự kiện này không? Có đúng là chúng ta đã bị kích động trong mơ hay không? Nhưng tại sao giấc mơ lại xuất hiện dưới hình thức thị giác trong khi những sự kích động vào mắt lại rất ít khi gây nên giấc mơ? Hay là chúng ta nằm mơ thấy nói chuyện hay nghe diễn văn làm sao chứng minh được rằng trong khi ta ngủ những tiếng nói chuyện hay tiếng động đã đập vào tai ta? Tôi cương quyết gạt bỏ giả thuyết này.

Nếu đặc tính chung cho mọi giấc mơ không giúp gì cho chúng ta trong việc cắt nghĩa các giấc mơ thì biết đâu chúng ta lại chẳng

may mắn hơn khi xét đến các sự khác biệt giữa các giấc mơ. Thường thường các giấc mơ lộn xộn, khó hiểu, không có ý nghĩa gì; nhưng cũng có những giấc mơ đầy đủ ý nghĩa, rõ ràng. Chúng ta thử xem xét những giấc mơ này có cắt nghĩa được giấc mơ kia không? Tôi kể cho các bạn nghe một giấc mơ hợp lý do một thanh niên kể lại cho tôi nghe: “Trong lúc đi dạo phố tôi gặp ông X và đi với ông một quãng đường, rồi sau đó tôi vào một tiệm để ăn cơm thấy có hai người đàn bà và một người đàn ông đến ngồi ngay vào bàn tôi. Tôi bực mình không thèm nhìn họ nhưng rồi sau cũng nhìn và thấy họ là những người rất lịch sự”. Sau đó người kể chuyện nói rằng chiều hôm đó anh ta quả có đi phố thực và có gặp ông X. thực. Nhưng phần kia giấc mơ không do những điều nhớ lại trực tiếp nhưng gắn liền với một biến cố xảy ra trước đó ít ngày. Và đây là một giấc mơ cùng loại của một bà. Chồng bà ta hỏi: “Mình có cần phải căng lại dây cho cái đàn dương cầm không?” Bà ta trả lời: “Vô ích, vì còn phải thay cả da bọc nữa”. “Giấc mơ này gợi lại một câu chuyện của hai vợ chồng buổi chiều hôm đó. Hai giấc mơ ngăn ngủi cho ta biết những gì? Chúng ta có thể tìm thấy trong giấc mơ những giai đoạn gắn liền vào các biến cố đó. Nếu đó là kết quả của tất cả các giấc mơ thì đó là điều đáng kể lắm rồi. Nhưng sự thực không phải như thế vì điều chúng ta vừa nói chỉ áp dụng cho rất ít giấc mơ. Trong đa số trường hợp chúng ta không thấy có ý nghĩa gì liên quan đến biến cố xảy ra trong khi thức và không hiểu những yếu tố nào gây nên những giấc mơ khó hiểu và vô nghĩa đó. Chúng ta chỉ thấy rằng chúng ta lại đứng trước một vấn đề mới. Không những chúng ta cần biết giấc mơ có những ý nghĩa gì, chúng ta còn cần biết là trong những trường hợp nào những giấc mơ rõ ràng đầy ý nghĩa, tại sao và vì mục đích nào mà chúng ta lại thấy trong giấc mơ những biến cố vừa xảy ra trong ngày”.

Chắc các bạn cũng như tôi thấy chán nản trong công việc khảo cứu như thế. Dù chúng ta có để hết tâm trí vào một vấn đề cũng chẳng có ích gì một khi chúng ta chưa biết hướng công cuộc khảo cứu của chúng ta về phía nào. Tâm lý học thực nghiệm chỉ hiển cho chúng ta một số rất ít những dữ kiện về vai trò của các sự kích động bên ngoài dù những dữ kiện đó rất quý báu đối với chúng ta. Triết học chẳng có thể cung cấp cho cái gì khác hơn là thái độ khinh thường vì công việc của chúng ta bị coi chẳng có lợi ích gì cho tri thức hết. Sau hết chúng ta không muốn vay mượn gì các khoa học thần bí. Lịch sử và sự không ngoan của các dân tộc

dạy chúng ta rằng những giấc mơ có ý nghĩa, có tính chất quan trọng, báo trước được tương lai nhưng đó là điều rất khó chấp nhận vì không chứng minh được. Chính vì thế mà những cố gắng đầu tiên của chúng ta đã không đưa lại kết quả gì, như nước chảy qua cầu.

Nhưng trong khi không chờ đợi, chúng ta lại được giúp đỡ từ một hướng khác đến, một hướng chưa bao giờ ngờ tới. Tiếng nói, một thứ tiếng không bao giờ có tính cách ngẫu nhiên cả, như sự kết tinh của tất cả những điều hiểu biết của loài người, tiếng nói mà người ta phải dùng một cách rất thận trọng biết có “những giấc mơ trong khi thức”: đó là kết quả của trí tưởng tượng, những hiện tượng rất phổ thông, có thể xảy ra đối với những người đau ốm mà bất cứ ai cũng khảo sát được bằng chính bản thân mình. Đặc biệt ở đây là tuy được gọi là “những giấc mơ trong khi thức”, những giấc mơ đặc biệt này lại không có tính chất nào chung cho những giấc mơ thực sự cả. Đúng như tên gọi, chúng không có liên quan gì đến giấc ngủ. Những giấc mơ trong khi thức này không có một chút gì liên quan đến tính chất chung thứ hai trong các giấc mơ thực sự vì không hề có những biến cố, không hề có những ảo tưởng mà chỉ có những hình dung thôi: người ta biết rằng mình tưởng tượng, người ta không hề trông thấy mà chỉ suy nghĩ thôi. Những giấc mơ này thường xảy ra ở tuổi dậy thì, trong thời niên thiếu, biến mất khi đứng tuổi, rồi lại xảy ra lúc tuổi già. Nội dung của những giấc mơ, kết quả của sự tưởng tượng này thường có những lý do rất rõ ràng. Đó là những khung cảnh về uy quyền, những ham muốn về tình ái của người mơ mộng được thoả mãn. Đối với những người trẻ tuổi thì đó là những giấc mơ về tham vọng; đối với những đàn bà thích có những thành công về tình ái thì đó là những giấc mơ về tình ái. Nhưng luôn luôn người ta gặp những nhu cầu về tình ái đằng sau những giấc mơ của đàn ông: những sự thành công và những hành vi anh hùng của những người mơ mộng đều tập trung vào những sự thành công về tình ái, có mục đích nhằm đạt được sự thán phục và lòng yêu của người đàn bà. Ngoài những tính chất đó ra những giấc mơ trong khi hình ảnh có nhiều hình thức khác nhau và chịu nhiều hậu quả khác nhau. Có những cơn mộng bị bỏ rơi và bị thay thế bằng những giấc mơ khác; có những cơn mơ được giữ lại, phát triển mạnh mẽ và trở thành những câu chuyện dài dằng dặc và biến đổi theo những biến cố của cuộc đời. Người ta có thể cho rằng chúng ta đi theo cùng với thời gian và in dấu vết của thời gian như là bằng chứng của những

tình trạng mới. Chúng là đề tài cho các tác phẩm thi văn thường thay đổi, biến hoá các giấc mơ trong khi thức này thành những trạng thái rồi đặt vào trong các tiểu thuyết, truyện ngắn, hay kịch bản. Bao giờ người mơ mộng cũng là nhân vật chính trong tác phẩm đó dù xuất hiện dưới hình thức của chính mình hay dưới hình thức của một nhân vật tạo nên.

Những giấc mơ trong khi thức này sẽ dĩ được gọi như thế là vì những sự liên quan với đời thực chúng không có thực hơn gì những giấc mơ chính thức. Có thể rằng cả hai loại đều được gọi là những giấc mơ vì cả hai đều có căn bản trên một tính chất tinh thần nào đó mà chúng ta chưa biết và đang tìm kiếm. Cũng có thể là cái danh từ chung người ta dùng để gọi chúng chẳng có gì quan trọng đáng chú ý. Đó là tất cả những vấn đề chỉ được giải đáp trong những phần sau thôi.

6. NHỮNG ĐIỀU KIỆN VÀ KỸ THUẬT CỦA SỰ GIẢI THÍCH

Như vậy, muốn cho công cuộc khảo sát về giấc mơ tiến triển, chúng ta phải có một con đường mới, một phương pháp mới. Tôi muốn đề nghị với các bạn một điều thực giản dị: chúng ta hãy coi những giấc mơ như những hiện tượng không có tính chất cơ thể mà chỉ có tính chất tinh thần. Bạn biết điều đó có nghĩa gì, nhưng cái gì đã cho phép chúng ta làm điều đó? Không có gì hết nhưng cũng chẳng có gì cấm chúng ta. Sự việc như thế này: nếu giấc mơ là hiện tượng cơ thể thì chúng ta chẳng cần để ý đến nữa, chúng ta chỉ để ý đến những giấc mơ vì đó là những hiện tượng tinh thần. Vì vậy chúng ta phải gán cho nó những tính chất tinh thần để xem công việc khảo cứu của chúng ta sẽ đi đến đâu trong điều kiện đó. Theo kết quả thu lượm chúng ta sẽ biết là có nên giữ giả thuyết của chúng ta không? Bởi vì chúng ta định đi tới đâu, mục đích của chúng ta là gì? Mục đích đó là mục đích của mọi khoa học nói chung: chúng ta muốn tìm hiểu các hiện tượng, ràng buộc chúng vào với nhau để rồi mở rộng phạm vi quyền hạn của chúng ta đối với chúng.

Vậy chúng ta tiếp tục công trình khảo cứu bằng cách coi giấc mơ như một hiện tượng tinh thần. Nhưng trong giả thuyết các giấc mơ đó như là một cách phát biểu của người nằm mơ, một cách phát biểu không cho chúng ta biết gì hết, mà chúng ta không hiểu. Ở trường hợp các bạn thì có thể làm việc gì khi bạn không hiểu gì

về tôi cả. Bạn sẽ hỏi tôi phải vậy không? Vậy tại sao chúng ta không hỏi luôn người nằm mơ? Tại sao chúng ta không hỏi ngay chính người đó xem giấc mơ của anh ta có nghĩa gì?

Các bạn hãy nhớ rằng, có một lần chúng ta đã ở trong tình trạng tương tự. Đó là trường hợp một hành vi sai lạc, một trường hợp lỡ lời. Có một người nói: “ Có những việc đã xảy ra (Vorschwein gekommen)”. Chúng ta hỏi anh ta xem anh ta định nói gì trong câu nói vô nghĩa đó. Anh ta trả lời là ý anh ta muốn nói: “Đó là những trò con heo (Das waren Schweinrein)” nhưng ý kiến này bị một ý kiến ôn hòa hơn chèn ép: “ Có những sự việc xảy ra (Vorschein)”. Nhưng ý tưởng thứ nhất bị dồn ép làm cho anh ta thay chữ Vorschein bằng chữ Vorschwein, một chữ không có nghĩa gì nhưng diễn tả được ý chê bai của anh ta. Lúc đó tôi đã giảng cho các bạn nghe rằng, sự phân tích này là điển hình cho công cuộc khảo cứu về phân tâm học. Và bây giờ thì bạn hiểu tại sao môn phân tâm học lại áp dụng kỹ thuật giải quyết các điều bí ẩn bằng cách hỏi ngay đương sự. Vì thế, cho nên đến lượt người nằm mơ phải nói cho chúng ta biết giấc mơ của anh ta có nghĩa gì.

Tuy nhiên trong giấc mơ không phải là mọi sự đều giản đơn như thế. Trong các hành vi sai lạc chúng ta đứng trước những trường hợp đơn giản; rồi sau đó chúng ta phải gặp những trường hợp bớt đơn giản, khi mà đương sự không muốn nói cho chúng ta nghe gì cả, trái lại còn giận dữ trước những lời đề nghị của chúng ta. Về các giấc mơ bao giờ anh ta cũng trả lời không biết gì hết. Anh ta cũng không có ý kiến gì về cách giải thích của chúng ta vì thực sự chúng ta chẳng có gì đề nghị với anh ta hết. Có phải vì thế mà chúng ta đành phải bỏ rơi lối giải thích của chúng ta không? Người nằm mơ không biết gì hết, chẳng có người thứ ba nào cho chúng ta biết thêm được điều gì, chính chúng ta cũng không có một nguồn tin tức nào để biết thêm, chúng ta chẳng còn hy vọng được biết điều gì cả. Đúng vậy, các bạn cứ việc đầu hàng đi theo tôi. Tôi cho rằng có thể người nằm mơ biết giấc mơ của anh ta có nghĩa gì nhưng vì không biết rằng mình biết nên cho rằng mình không biết.

Các bạn sẽ cho rằng đây là lần thứ hai tôi lại dùng lại sự giả dụ và làm như thế tôi giảm giá trị của phương pháp đi nhiều. Điều giả dụ thứ hai: Trong con người có những hoạt động tinh thần mà anh ta biết là có nhưng không biết đó là gì... Các bạn sẽ cho rằng

những giả dụ này không thể nào thành sự thực được nên những kết luận của tôi sẽ không có giá trị gì.

Đúng thế, nhưng tôi không mời các bạn đến đây để giấu giếm hay phơi bày cái gì hết. Tôi đã báo thức trước rằng đây chỉ là bài học nhập môn, điều đó không có nghĩa rằng tôi phải hiến cho các bạn các bài học tường trình thực đẹp che giấu những cái khó khăn, lấp các hố thiếu sót để làm cho các bạn có cảm tưởng rằng đã học được một chút gì rồi. Không, chính vì các bạn là những người mới bắt đầu nên tôi phải trình bày khoa học của chúng ta với nguyên hình của nó, với những cái gì không điều hòa, cao vọng của nó cũng như những khó khăn. Tôi biết khoa học nào cũng thế nhất là những khoa học mới bắt đầu. Tôi cũng biết là giáo dục thường có thói quen che giấu không cho sinh viên biết những khó khăn và những điều thiếu sót của môn học. Vì vậy, tôi đã đưa ra hai điều giả dụ có liên quan chặt chẽ đến nhau, nếu các bạn thấy sự việc đó khó nhọc quá, không vững chắc và nếu các bạn quen với những sự xác thực cao hơn, những sự diễn dịch đẹp đẽ thì các bạn chẳng nên đi xa hơn nữa. Tôi còn cho rằng các bạn nên gạt ra một bên những vấn đề tâm lý thì hơn. Bởi vì các bạn sẽ không thấy con đường chúng ta đang theo đuổi là con đường chắc chắn đáng theo. Và lại một khoa học có thể cho nhân loại điều gì đó mà không cần tìm những kẻ ủng hộ mình. Chính những kết quả sẽ nói nhiều về giá trị của nó, nó có thể chờ cho những kết quả đó làm cho mọi người chú ý.

Nhưng tôi cần báo trước cho những người muốn theo con đường tôi đi là hai điều giả dụ của tôi không có giá trị bằng nhau. Đối với điều thứ nhất, chúng ta sẽ dùng công cuộc khảo cứu để chúng ta chứng minh rằng giấc mơ là một hiện tượng tinh thần. Còn về điều thứ hai, chúng ta đã dùng nó trong một công việc khác rồi, chúng ta chỉ còn dùng nó để giải những bài toán trong vấn đề này.

Ở đâu và trong phạm vi nào người ta chứng minh rằng có một tri thức mà chúng ta không biết gì hết, đúng như trường hợp của anh chàng nằm mơ của chúng ta. Đó là một điều rất đáng chú ý, đáng ngạc nhiên, có thể thay đổi hẳn quan niệm của chúng ta về đời sống tinh thần, không cần phải lánh mặt làm gì. Đó là một sự kiện diễn tả một cái gì có thực. Vậy mà sự kiện này không hề lánh mặt. Nếu người ta không biết đến nó đâu có phải lỗi tại nó; chúng

ta cũng không có lỗi gì nếu tất cả những người xa lạ đối với những sự quan sát và thí nghiệm về vấn đề này đưa ra.

Việc chứng minh sự có mặt của sự kiện này đã được thực hiện trong phạm vi thôi miên. Tôi được chứng kiến thí nghiệm sau đây của Liebault và Bernheim năm 1889 ở Nancy: Người ta ru ngủ một người trong một giấc ngủ mộng du, trong đó người bị ru ngủ được gây cho có một thứ ảo giác: lúc tỉnh dậy anh chàng có vẻ như không hay biết những sự việc xảy ra trong giấc ngủ. Khi Bernheim hỏi anh về những sự việc xảy ra, anh trả lời là anh không nhớ gì hết. Nhưng Bernheim hỏi đi hỏi lại và quả quyết là anh ta phải biết và chắc chắn có biết: thế là anh chàng ngập ngừng, bắt đầu tập trung ý tưởng rồi lại nhớ lại như trong giấc mơ một điều, rồi hai điều rồi càng ngày càng nhiều hơn, càng rõ hơn lên cho tới khi nhớ lại được hết từ đầu đến cuối không còn sót một điều nào. Vì đương sự không hề được ai cho biết những điều đó, chúng ta phải kết luận rằng ngay trước khi bị thúc đẩy, bắt phải nhớ lại, anh ta đã biết có những sự việc xảy ra trong lúc ngủ. Chỉ có điều là những biến cố đó như không biết rằng mình biết, tưởng rằng mình không biết. Trường hợp đó hoàn toàn giống như trường hợp người nằm mơ của chúng ta.

Chắc hẳn các bạn ngạc nhiên khi nghe kể lại sự kiện đó và bạn sẽ hỏi: tại sao ông lại không áp dụng phương pháp đó cho những hành vi sai lạc trong khi chúng ta gán cho người nói lời những ý muốn mà anh ta cho là không có và nhất định phủ nhận. Ngay khi một người cho rằng mình không hay biết gì về những biến cố, thực ra có trong trí nhớ của mình thì việc anh ta không biết gì về những biến cố khác trong sự hoạt động về tinh thần chả làm ai ngạc nhiên cả. Lý luận đó sẽ làm cho chúng ta hiểu các hành vi sai lạc. Đáng lẽ trong lúc đó tôi phải dùng cách đó thực nếu tôi không muốn để dành dùng trong một trường hợp khác mà tôi cho là cần dùng hơn. Một phần trong các hành vi sai lạc đã khiến cho các bạn có những giải thích, còn phần kia đã đưa các bạn đến chỗ chấp nhận sự có mặt của các sự hoạt động tinh thần chưa được biết đến. Đối với những giấc mơ chúng ta buộc phải tìm cách giải thích nơi khác và tôi nghĩ rằng chúng ta có thể coi đó như một trường hợp thôi miên. Tình trạng một người khi làm hành vi sai lạc là một tình trạng thôi miên. Trái lại giữa tình trạng thôi miên và tình trạng ngủ có sự giống nhau rất rõ ràng. Thực tế người ta thường nói rằng thôi miên tức là giấc ngủ nhân tạo.

Chúng ta bảo người đang bị thôi miên: ngủ đi. Và những lời chúng ta gọi cho người đó giống như một giấc mơ trong giấc ngủ bình thường. Trạng thái tinh thần trong cả hai trường hợp giống nhau hoàn toàn. Trong giấc ngủ tự nhiên chúng ta gạt bỏ hết những dây liên lạc với đời sống bên ngoài; trong giấc ngủ thôi miên cũng thế chỉ khác một điều là chúng ta vẫn tiếp tục để ý đến người đang thôi miên ta - và chỉ người đó thôi - và đang liên lạc với ta. Và lại cái mà người ta gọi là giấc ngủ của người vú trong đó người vú tuy ngủ nhưng vẫn liên lạc với đứa trẻ chẳng khác gì giấc ngủ thôi miên. Vì vậy sẽ chẳng có điều gì quá táo bạo nếu chúng ta gán cho giấc ngủ tự nhiên một điểm đặc biệt của giấc ngủ thôi miên. Do đó, khi chúng ta cho rằng người nằm ngủ biết rõ giấc mơ của mình nhưng không biết rằng mình không biết không phải là không có căn bản. Đến đây chúng ta thấy mở ra một con đường thứ ba trong việc khảo sát các giấc mơ: sau những giấc mơ đó, những kích thích bên ngoài gây nên sau những giấc mơ trong khi thức, chúng ta có những giấc mơ do sự thôi miên gây nên.

Và bây giờ chúng ta lại có thể tiếp tục công việc khảo sát với một lòng tin tưởng to lớn. Vậy tức là người nằm mơ biết rõ về giấc mơ của mình, chúng ta chỉ còn làm sao cho họ biết và nói cho ta nghe. Chúng ta sẽ không yêu cầu người đó nói ngay cho ta biết giấc mơ đó có ý nghĩa gì, chúng ta chỉ muốn làm sao cho anh ta nhớ lại nguyên nhân giấc mơ, gọi lại những ý kiến và lợi ích của giấc mơ đó. Trong trường hợp hành vi sai lạc (chắc chắn các bạn còn nhớ) đặc biệt là trong câu chuyện lỡ lời về chữ Vorchwein, chúng ta đã hỏi đương sự tại sao y lại lỡ lời như thế, thì ý tưởng đầu tiên đến trong đầu anh ta đủ cho chúng ta biết rõ sự việc rồi. Chúng ta sẽ đưa vào thí dụ này, áp dụng một kỹ thuật đơn giản. Chúng ta sẽ hỏi người nằm mơ là tại sao ông ta lại nằm mơ như thế và coi câu trả lời đầu tiên là một lời giải thích. Chúng ta sẽ không để ý đến những sự khác biệt trong trường hợp người nằm mơ tưởng rằng mình biết với trường hợp cho rằng mình không biết, và chúng ta sẽ giải quyết vấn đề bằng cách coi những tài liệu đó như thuộc cùng một loại.

Kỹ thuật này quả thực rất giản dị nhưng tôi sợ các bạn lại phản đối. Và các bạn sẽ bảo: “Đó là một điều giả dụ mới”. Điều giả dụ thứ ba và điều này còn không đáng tin hơn hai điều kia nữa. Thế nào? Ông bảo người nằm mơ nói cho ông những điều anh ta nhớ lại về giấc mơ rồi ông ta coi luôn câu trả lời đầu tiên của anh

ta như là một lời giải thích sao? Nhưng thực sự thì có thể là anh ta không nhớ lại hết và chỉ có trời mới biết anh ta nhớ lại điều gì. Chúng tôi không hiểu ông định chờ gì ở chúng tôi. Đáng lẽ phải vận dụng trí óc phê bình thì ở đây ông lại đòi hỏi chúng tôi tin tưởng ông quá đáng. Và lại một giấc mơ không thể so sánh với sự lỡ lời vì trong giấc mơ có nhiều thứ lắm, mình phải chú ý đến những điều nào trong những điều người ta nhớ lại.

Các bạn nói đúng. Một giấc mơ khác một sự lỡ lời ở chỗ có nhiều yếu tố và chúng ta phải coi sự khác biệt này là quan trọng khi khảo sát. Vì thế tôi đề nghị chia giấc mơ ra thành nhiều yếu tố và xét từng yếu tố riêng biệt một, như thế chúng ta sẽ có một sự giống nhau với sự lỡ lời. Bạn cũng có lý khi cho rằng khi hỏi về từng yếu tố một trong giấc mơ cũng có thể là người nằm mơ sẽ trả lời anh ta không nhớ gì hết. Sau này bạn sẽ thấy là có những trường hợp một câu trả lời như thế chúng ta cũng dùng được, và điều kỳ lạ là đó lại chính là những trường hợp giúp cho chúng ta có được những ý tưởng vững chắc. Nhưng thường thường khi người ta nằm mơ trả lời là không nhớ gì cả, chúng ta sẽ vắn vẹo anh ta, hỏi đi hỏi lại, bảo cho anh ta biết là anh ta phải có một ý gì và sau cùng chúng ta sẽ thành công. Anh ta sẽ cho chúng ta một ý kiến bất cứ ý kiến nào cũng được, không quan hệ gì, anh ta sẽ cho chúng ta rất dễ dàng những ý kiến mà anh ta gọi là ý kiến lịch sử. Anh ta sẽ nói: “Sự việc xảy ra chiều hôm qua” hay “Điều này làm tôi nhớ lại việc mới xảy ra gần đây”. Làm như thế dần dần chúng ta sẽ thấy là những giấc mơ thường gắn liền với những cảm tưởng nhận được trong ngày gần đó và sự việc này xảy ra luôn luôn hơn là chúng ta tưởng lúc đầu. Sau cùng, đi từ giấc mơ anh chàng đó sẽ bắt đầu nhớ lại những điều rất xa xôi, nhiều khi xa xôi lắm.

Tuy nhiên nếu về những ý kiến phụ bạn có lý thì về điểm cần thiết bạn lại không có lý. Bạn tưởng rằng tôi đã hành động vô đoán khi coi câu trả lời đầu tiên của người nằm mơ là một lời giải thích, một điều đem lại cho tôi điều tôi muốn tìm hay chỉ vẽ cho tôi con đường phải theo; bạn không có lý khi cho rằng câu trả lời của người nằm mơ sẽ không liên quan gì đến những điều tôi đang tìm và nếu tôi đang chờ đợi có một điểm gì tức là tôi đang tin tưởng quá đáng. Có lần tôi đã trách các bạn về điểm quá tin tưởng vào sự tự do và tính cách tự nhiên về phương diện tâm lý, tôi đã có dịp nói rằng một sự tin tưởng như thế là phản khoa học, không thể đứng vững được trước sự đòi hỏi của thuyết định mệnh tinh thần.

Khi người ta được hỏi đưa ra một ý kiến, chúng ta đứng trước một sự kiện mà chúng ta phải chấp nhận. Nói như thế chúng tôi không muốn đưa ra một ý kiến này để phản đối một ý khác. Người ta có thể chứng tỏ được rằng ý kiến đó người được hỏi đưa ra không phải là không liên quan gì đến điều chúng ta tìm. Tôi vừa được tin là môn tâm lý học thực nghiệm cũng vừa cho chúng ta những bằng chứng như thế tuy tôi cũng không tin tưởng quá đáng vào sự việc đó.

Vì là vấn đề quan trọng, tôi yêu cầu các bạn chú ý đặc biệt. Khi đòi hỏi một người nào đó cho tôi biết ý nghĩ gì đã đến trong đầu óc anh ta về một điểm nhất định nào đó trong giấc mơ tôi yêu cầu, người đó cứ để cho ý kiến tự nhiên liên tưởng với nhau khi đi từ một ý kiến nguyên thủy. Điều này cần một sự chú ý đặc biệt, một chiều hướng khác hẳn chiều hướng của sự suy nghĩ. Có nhiều người tìm thấy chiều hướng đó dễ dàng, nhiều người khác lại gặp phải khó khăn trong vấn đề này. Vậy mà sự tự do liên tưởng có một giá trị rất cao: ví dụ khi tôi bỏ rơi sự hình dung nguyên thủy mà chỉ để ý đến tính chất của ý kiến đó thôi, ví dụ như yêu cầu đương sự tự do nghĩ đến một tên riêng hay một con số nào đó. Một ý tưởng như thế còn vô đoán không lường được hơn là ý kiến dùng trong kỹ thuật của chúng ta. Nhưng chúng ta có thể chứng tỏ được rằng, trong trường hợp nào ý kiến này cũng được quy định bằng những sự việc nội thể. Những sự việc nội thể này khi có tác dụng, chúng ta không biết gì hơn là những khuynh hướng gây rối trong những hành vi sai lạc hay những khuynh hướng gây ra những hành vi bất chợt.

Tôi đã làm nhiều cuộc thí nghiệm như thế về những tên riêng và những con số đến tự nhiên trong óc. Nhiều người khác cũng làm như tôi, và nhiều công trình khảo cứu đã được in lên thành sách. Người ta dựa vào tên riêng vừa nghĩ đến để đề nghị những liên tưởng có tính cách liên tục, không phải là hoàn toàn tự do nhưng gắn liền ý nọ vào ý kia như những ý tưởng được gợi ra cho từng yếu tố một trong giấc mơ. Người ta cứ thế tiếp tục cho tới khi không còn gợi được thêm một ý nào nữa. Khi thí nghiệm chấm dứt người ta đứng trước một sự giải thích cho biết những lý do tại sao ý đó lại được hiện ra trong óc người được hỏi tên riêng đó gây nên, và cho chúng ta hiểu rõ tầm quan trọng của cái tên đó đối với người được hỏi. Những thí nghiệm bao giờ cũng đưa đến những kết quả như nhau, được làm với nhiều trường hợp khác nhau và cần

phát triển thêm nhiều trường hợp khác nữa. Những sự liên tưởng do những con số gây nên còn có giá trị hơn nữa: những liên tưởng này tuôn ra nhanh và hướng về một mục đích còn được che giấu dưới một sự chắc chắn khó hiểu đến nỗi chúng ta đâm ra hoang mang khi nhìn chúng điếu qua. Tôi kể cho các bạn nghe một thí dụ thôi, một thí dụ đặc biệt có lợi vì có thể được trình bày mà không cần dài dòng lắm.

Một hôm, nói chuyện với một thân chủ, tôi cho người này biết rằng, mặc dầu với tính cách vô đoán bè ngoài của nó, mỗi khi người ta tự do nghĩ đến một cái tên riêng nào đó, tên đó thế nào cũng chịu ảnh hưởng của những chi tiết rất gần người đang nghĩ đến nó, của những điểm đặc biệt cùng tình trạng hiện thời của những người chịu thí nghiệm. Người đó có vẻ không tin tôi, đề nghị thử ngay. Biết anh chàng rất thích chạy quanh đàn bà, tôi nghĩ rằng khi bảo anh chọn tên một người đàn bà thế nào anh cũng tỏ vẻ lúng túng không biết chọn tên nào. Anh cũng công nhận điều đó. Nhưng tôi cũng như anh đều ngạc nhiên xiết bao khi thấy anh ngồi im một lúc, rồi nói ra mọi tên hiện ra trong đầu anh: Albine. Tôi bảo: “lạ nhỉ. Trong đầu anh có gì dính dáng đến cái tên đó? Có bao nhiêu người đàn bà có tên đó trong số những người anh quen biết?” Không, anh không biết người đàn bà nào có cái tên như thế cả và trong óc anh không có gì dính dáng đến cái tên đó. Thế là hỏng chứ gì? Sự thực thì như thế là xong rồi, không cần phải có một ý nào mới có thể cắt nghĩa sự việc đó. Anh chàng trẻ tuổi này tóc rất vàng và trong khi thí nghiệm tôi luôn luôn gọi đùa anh là albinos (bạch tạng). Và lại trong lúc đang thí nghiệm, tôi và anh ta đang xét về việc anh ta trông có vẻ con gái quá. Do đó, ta thấy Albine không ai khác hơn là anh ta, một người con gái mà anh ta để ý đến nhiều nhất.

Cũng như thế khi phân tích những bản đàn hiện ra trong đầu chúng ta, chúng ta thấy là sự xuất hiện của những bản đàn đó tùy thuộc vào một số ý kiến trong đầu chúng ta mà chúng ta có quyền để ý đến tuy không biết chúng hoạt động ra sao. Chúng ta có thể dễ dàng chứng tỏ rằng sở dĩ bản đàn đó có vẻ vô tình hiện ra những thực ra chính bởi vì bản văn của bản đàn đó hay nguồn gốc của nó. Tôi không nói đến những nhạc sĩ chính công vì trong trường hợp những người này, sự xuất hiện của một bản đàn tự nó đã cắt nghĩa nhiều rồi. Nhưng có một anh chàng trong một thời gian rất lâu luôn luôn bị ám ảnh bởi bản đàn của Paris trong vở

“Người đẹp Hèlène”. Sau khi phân tích người ta nhận ra rằng trong đầu anh ta luôn luôn có sự giằng co giữa hai người đẹp Ida và Hèlène.

Nếu những ý tưởng tự do xuất hiện, không bị ép buộc hay bị cố gắng nào chèn ép cũng được giải thích là có liên quan đến những trường hợp sẵn có trong chúng ta thì chúng ta có thể kết luận bằng những ý tưởng chỉ gắn liền vào một hình dung lúc đầu thôi cũng có thể quy định được. Phân tích cho thấy rằng, ngoài những liên quan gắn liền với hình dung nguyên thủy, những ý đó còn phụ thuộc vào những ý tưởng tình cảm, những mặc cảm, nghĩa là vô thức, trong lúc phát sinh.

Những ý tưởng phụ thuộc đó cũng đã được đem ra thí nghiệm rất hiệu quả và đã giữ trong môn phân tâm học một vai trò quan trọng. Trường phái Wundt đề nghị thí nghiệm gọi là thí nghiệm về liên tưởng trong đó người chịu trách nhiệm sẽ trả lời rất nhanh bằng một phản ứng rất nhiều câu hỏi được coi như những sự kích động. Người ta cũng có thể khảo sát khoảng thời gian giữa sự kích động và phản ứng, tính chất của câu trả lời được coi như phản ứng, những sự lầm lẫn được coi như xảy ra nếu những thí nghiệm đó được làm đi làm lại nhiều lần v v... Dưới quyền điều khiển của Bleuler và Jung, trường phái Zurich đã cất nghĩa được những phản ứng trong thí nghiệm nói rõ về những phản ứng của họ trong trường hợp những phản ứng này không rõ rệt bằng cách đặt các câu hỏi phụ. Lúc ấy người ta thấy rằng những phản ứng ít bộc lộ kỳ khôi đó có thể được quy định rất rõ ràng bằng những mặc cảm của người chịu thí nghiệm. Bằng nhận xét đó Bleuler và Jung đã bắc được một cây cầu giữa môn Tâm lý học thực nghiệm và môn phân tâm học.

Sau những điều trình bày này các bạn có thể bảo tôi là: “Chúng tôi công nhận rằng những ý tưởng được tự do suy nghĩ quả là có chịu ảnh hưởng nào đó chứ không phải chỉ là võ đoán như trước kia chúng tôi từng tưởng. Chúng tôi cũng công nhận rằng những ý đó có ảnh hưởng đến các giấc mơ. Nhưng đó không phải là điều chúng tôi chú ý đến. Ông nói rằng một ý tưởng phát sinh ra từ một yếu tố của một giấc mơ được quy định bằng đời sống tinh thần tiềm tàng đằng sau yếu tố đó và đời sống tinh thần đó chưa được tìm hiểu. Vậy mà điều đó chúng tôi thấy là chưa hề được chứng minh. Chúng tôi thấy trước rằng một ý tưởng phát sinh ra so với một yếu tố của một giấc mơ thế nào cũng phụ thuộc vào

những phức thể của người nằm mơ. Những nhận xét này có lợi ích gì? Đáng lẽ phải giúp cho chúng ta hiểu rõ giấc mơ nó chỉ cho chúng ta biết là có những phức thể đó thôi. Mà mặc cảm này thì có liên lạc gì với những giấc mơ?”

Các bạn nói đúng, nhưng không trông thấy một điều và điều đó chính là lý do tại sao không lấy thí nghiệm về sự liên tưởng làm điểm khởi đầu trong cuộc khảo sát này. Trong cuộc thí nghiệm này chúng ta võ đoán một trong các yếu tố quan trọng của phản ứng: đó là tiếng được dùng làm vật kích động. Lúc đó tiếng này trở thành một cái móc trung gian giữa tiếng kích động và mặc cảm do tiếng này gợi ra cho người chịu thí nghiệm. Trong giấc mơ tiếng kích động được thay thế bằng một điều gì trong đời sống tinh thần của người nằm mơ. Điều này bắt nguồn ở đâu không ai biết và cũng có thể kết quả của một phức thể. Vì thế cho nên quả thực không phải là một sự quá đáng khi công nhận rằng, những ý tưởng về sau này gắn liền vào những yếu tố của một giấc mơ cũng phụ thuộc vào phức thể của yếu tố này và tất nhiên có thể giúp cho chúng ta tìm ra phức thể đó.

Các bạn hãy cho phép tôi trình bày một thí dụ khác để chứng tỏ rằng sự việc xảy ra đúng như chúng ta mong đợi. Sự quên lãng các tên riêng cũng gồm có nhiều diễn biến giống như những diễn biến trong giấc mơ, chỉ có khác một điều là trong quên lãng mọi sự diễn biến đều tiến hành trong một người thôi, trong khi với sự giải thích giấc mơ chúng ta phải chia đôi cho hai người. Mỗi khi tôi quên hẳn một tên riêng, tôi dù sao cũng biết chắc rằng mình biết tên đó. Muốn cho người nằm mơ cũng có sự chắc chắn này chúng tôi phải dùng thí nghiệm của Bernheim. Chỉ có điều là tôi không làm sao biết được cái tên quên đó là gì. Tôi cứ việc cố gắng để gợi lại trong óc người nằm mơ: chẳng mấy lúc mà tôi sẽ thấy những cố gắng này không đi đến đâu cả. Tuy nhiên tôi có thể gợi ra thực nhiều tên để thay thế vào những cái tên bị quên lãng. Mỗi khi một cái tên bị thay thế đó hiện ra trong óc tôi thì tôi với người nằm mơ ở vào tình trạng hoàn toàn giống nhau. Yếu tố của giấc mơ không phải là một cái gì có thực: nó chỉ có nhiệm vụ thay thế một cái gì mà tôi không biết và phân tích sẽ làm cho biết. Sự khác biệt duy nhất giữa hai tình trạng đó là ở chỗ trong việc quên tôi nhận ra ngay là một tên nào đó gợi lên chỉ là một cái tên dùng để thay thế trong khi trường hợp yếu tố của một giấc mơ thì chúng ta chỉ có thể đạt được đến chỗ đó sau bao nhiêu công trình khảo cứu lâu dài

và khó nhọc. Nhưng ngay trong trường hợp quên tên chúng ta có cách để tìm lại tên thực khi tên này bị chìm trong vô thức. Khi tập trung tất cả tư tưởng vào việc tìm các tên thay thế, mỗi khi bất thần đưa ra một cái tên thay thế chúng ta cũng có thể sau bao nhiêu lần dò hỏi, ngoằn nghèo tiến tới cái tên bị quên và nhận thấy rằng những cái tên thay thế đột nhiên hiện ra cũng như các tên do chúng ta gọi lên đều có liên lạc chặt chẽ với cái tên bị quên và phụ thuộc vào nó.

Vả lại đây là một sự phân tích thuộc loại đó: một hôm tôi thấy rằng mình quên tên xứ Riviera trong đó tên Monte- Carlo là một thành phố được biết đến nhiều nhất. Bực quá, nhưng sự thực là như thế. Tôi duyệt lại tất cả những điều mình biết về xứ đó, nghĩ đến ông hoàng Albert, đến tòa Matignon-Grimaldi, đến đám cưới của ông hoàng, đến sự ham mê thám hiểm dưới biển của ông ta, đến nhiều liên can đến xứ đó lắm nhưng không ăn thua gì. Tôi thôi không tìm nữa và cho những tên thay thế hiện ra cạnh cái tên bị quên: nào Monte- Carlo, nào Pirémant, nào Albanie, Montevideo, Colico. Trong những tên đó tên Albanie được tôi chú ý đến nhưng được thay bằng Montenegro vì sự phản trí giữa đen và trắng. Tôi nhận thấy rằng trong những tên đó có bốn tên có chữ Mon, thế là tôi nhớ ra và kêu lên: Monaco. Vậy là những tiếng thay thế thực sự đều xuất phát từ tên bị quên, bốn tên thứ nhất có vần đầu Mon, tên cuối cùng có những vần sau và nhất là vần cuối. Tôi cũng tìm ra luôn lý do làm cho tôi quên tên Monaco: chính chữ Munchen tên Đức của Monaco đã là cho tôi quên hẳn chữ đó.

Thí dụ vừa kể chắc chắn tốt đẹp nhưng quá đơn giản. Trong trường hợp khác chúng ta phải tập trung nhiều tên hơn nữa mới có thể làm cho giống những sự xảy ra trong giấc mơ. Tôi đã làm các cuộc thí nghiệm như thế. Một hôm có một người lạ mặt mời tôi uống rượu vang Ý. Nhưng khi vào đến tiệm rượu anh ta không làm sao nhớ lại được cái tên thứ rượu mà anh ta rất thích nên mới mời tôi uống. Sau khi đưa ra rất nhiều tên để thay thế vào cái tên bị quên, tôi đi đến kết luận rằng sự quên lãng này là hậu quả của một sự cảm đoán nào đó có dính dáng đến cái tên Hedwige. Tôi nói cho anh bạn mới nghe, không những anh nhận rằng quả có một lần anh uống thứ rượu này với một người đàn bà tên là Hedwige mà anh ta còn nhớ được cái tên đã bị quên nữa. Dạo đó anh ta có vợ và đang sống yên ấm trong gia đình nên không muốn nhớ lại cái tên Hedwige của một thời xa xưa.

Tất cả những gì giúp cho chúng ta tìm lại được một cái tên bị quên lãng chắc cũng sẽ giúp được chúng ta trong việc giải thích một giấc mơ: chắc chắn chúng ta tìm hiểu được những yếu tố còn ẩn náu, chưa được biết đến bằng cách đưa ra nhiều sự liên tưởng ước đoán để thay thế những yếu tố nào đó mà chúng ta dùng làm khởi điểm. Theo như thí dụ trong việc quên tên chúng ta phải cho rằng những liên tưởng có dính dáng đến một yếu tố đó trong giấc mơ cũng có thể tìm ra được nhờ chính yếu tố đó và bức bình phong vô thức đằng sau. Nếu những điều giả dụ của tôi đúng thì kỹ thuật của chúng ta sẽ được chứng minh luôn.

Đến đây tôi phải đưa ra một ít danh từ nữa mà đáng lẽ mình phải dùng đến từ lâu rồi. Chúng ta sẽ gọi là nội dung rõ ràng của giấc mơ những điều người ta kể cho ta nghe về giấc mơ, và gọi lại những ý tưởng tiềm tàng trong giấc mơ những điều người ta giấu không nói đến hay ẩn náu trong giấc mơ, những ý tưởng mà người ta muốn tìm hiểu khi phân tích những ý tưởng gặp trong đó. Chúng ta hãy xét đến những liên quan giữa nội dung và ý tưởng tiềm tàng của giấc mơ. Những liên quan đó có thể có nhiều loại. Trong các thí dụ a và b nói trên nội dung cũng nằm trong thành phần của những ý tưởng tiềm tàng nhưng chỉ ít thôi. Một phần lớn tinh thần do các ý tưởng vô thức trong giấc mơ hợp thành đã in sâu vào trong nội dung giấc mơ với tính cách hoặc là những phần nhỏ, hoặc bằng cách ám chỉ, hoặc là những biểu ngữ có tính cách tượng trưng, những chữ vắn tắt dùng trong điện tín. Công việc giải thích là bổ túc những mảnh nhỏ, những ám chỉ đó như chúng ta đã thành công trong thí dụ b. Vậy sự thay thế bằng một mảnh nhỏ hay một ẩn ngữ trong giấc mơ chính là một trong các hình thức thay đổi của giấc mơ. Ngoài ra trong thí dụ chúng ta thấy xuất hiện một trường hợp tìm lại được hết sức rõ ràng trong những thí dụ sau đây.

d. Người nằm mơ kéo ra sau giường một bà mà anh quen biết. Ý tưởng đầu tiên đến trong đầu làm cho anh ta hiểu hết ý nghĩa của giấc mơ: anh thích người đó hơn các người khác (trong tiếng Đức chữ kéo theo sau hervorziehen với chữ thích hơn Vorzug cùng một gốc zug và ziehen).

e. Một người khác nằm mơ thấy em bị nhốt trong cái rương. Ý tưởng đầu tiên thay cái rương bằng một cái tủ và ý sau cho biết ý nghĩa của giấc mơ: em anh ta muốn giảm bớt chi tiêu (Schranksich ein: nghĩa từng chữ là tự nhốt vào trong tủ).

f. Người nằm mơ thấy mình trèo lên một ngọn núi và tìm ra một phong cảnh rộng mênh mông. Chẳng còn gì tự nhiên hơn, có vẻ như không cần giải thích nữa, chỉ cần tìm xem một kỷ niệm nào liên quan đến giấc mơ và lý do nào đã làm cho kỷ niệm đó sống lại. Sai rồi. Giấc mơ này cũng cần được giải thích như bất cứ giấc mơ nào khác vì thực ra nó cũng rắc rối lắm. Người nằm mơ không hề nhớ đến một cuộc trèo núi, anh chỉ nghĩ đến người bạn cho anh xuất bản tờ tạp chí (Revue tiếng Đức là Rundschau: nhìn quanh) nói về những sự liên lạc của chúng ta với những miền xa xôi khác trên trái đất. Vậy trong trường hợp này ý tưởng tiềm tàng trong giấc mơ chính là sự đồng hoá người nằm mơ với người đã nhìn chung quanh mình và duyệt lại không gian đó (Rundschuer).

Ở đây chúng ta tìm ra một liên quan mới giữa nội dung rõ ràng của giấc mơ và những ý tưởng tiềm tàng trong đó. Nội dung không phải là một hình thức bị biến dạng của ý thức tiềm tàng nhưng là một hình dung của nó, hình dung nổi bật lên, cụ thể bắt nguồn từ thế giới của từ ngữ. Thực ra cũng là một sự biến dạng vì khi chúng ta nói lên một tiếng nào đó, chúng ta quên hẳn hình dung cụ thể phát sinh ra tiếng đó, thành ra khi nó được thay thế bằng một hình ảnh mới thì chúng ta không nhận ra nữa. Vì các giấc mơ thường gồm những hình ảnh thị giác là những ý tưởng hay tiếng nói nên chúng ta phải dành cho những liên quan mới này một vai trò quan trọng trong việc giải thích. Các bạn thấy ngay rằng trong giấc mơ rõ ràng ta có thể tạo ra một số hình ảnh dùng để thay thế những tư tưởng trừu tượng, và những hình ảnh này không hề phản trái với những ý tưởng tiềm tàng trong đó. Đó là kỹ thuật của chúng ta trong việc tìm ra giải đáp cho các bài toán về tính chất bí ẩn của những hình ảnh. Nhưng do đâu mà có sự liên kết giữa hình ảnh này? Đó là một vấn đề khác mà chúng ta không cần xét đến.

Tôi sẽ bỏ qua một lối thú tư về sự liên quan giữa nội dung rõ ràng của giấc mơ và những ý tưởng tiềm tàng trong đó. Tôi sẽ nói đến khi nó tự xuất hiện trong kỹ thuật của chúng ta. Vì thế mà sự kê khai của chúng ta sẽ thiếu sót nhưng trong lúc này chúng ta không cần gì hơn.

Bây giờ bạn có can đảm tìm hiểu một giấc mơ hoàn toàn không? Chúng ta thử xem có đủ mọi thứ cần dùng trong công việc đó không? Tất nhiên chúng ta sẽ chọn một giấc mơ tuy không đến

nổi tâm tối lắm nhưng cũng sẽ có đủ mọi tính chất của một giấc mơ.

Vậy, một bà hãy còn trẻ, lấy chồng từ nhiều năm nay, nằm mơ như sau: bà ta cùng chồng đi xem hát, một phần rạp hát hãy còn trống. Chồng bà ta kể là Elise và vị hôn phu cũng muốn đi xem hát nhưng không tìm được chỗ tối, chỉ có những chỗ tối không nhận được (ba chỗ giá một florin và 50 kreuzer). Bà ra nghĩ rằng điều đó cũng chẳng có gì đáng tiếc hết.

Điều đầu tiên bà ta kể cho tôi nghe chứng tỏ rằng lý do của giấc mơ này nằm ngay trong nội dung rõ ràng rồi. Chồng bà ta quả thực có kể cho bà ta nghe là Elisa L., một người bạn cùng lứa tuổi vừa mới đính hôn xong. Vậy giấc mơ chính là một phản ứng đối với tin này. Chúng ta đã biết rằng trong nhiều trường hợp người ta rất dễ tìm thấy trong những biến cố xảy ra trong ngay lý do của giấc mơ, và lý do này dễ dàng được các người nằm mơ xác nhận. Bà nằm mơ này cũng hiển cho chúng ta những tin tức cùng loại để hiểu những yếu tố khác của giấc mơ. Do đâu mà có chi tiết về sự rạp hát vắng khách? Chi tiết này ám chỉ đến một sự việc có thực xảy ra ở tuần trước. Định đi xem một vở kịch bà ta mua vé trước rất lâu, lâu đến nỗi phải trả thêm tiền giữ chỗ. Nhưng khi đến rạp hát bà ta thấy rằng mình mua vé trước là một điều dại dột vì phần lớn rạp hát còn trống. Giá có đợi đến tận ngày trình chiếu mới mua vé cũng chẳng thiệt hại gì. Ông chồng bà ta cũng nói đùa với bà về sự hấp tấp quá lo xa đó. Thế còn đâu có chi tiết về số tiền 1fl 50kr? Chi tiết này cũng bắt nguồn ở một sự việc có thật xảy ra trước ngày nằm mơ tuy không dính dáng gì đến việc vừa kể ở trên. Người em gái chồng bà vừa được chồng bà cho một món tiền 150 fl, vội vàng đem ngay ra hiệu kim hoàn mua một món đồ nữ trang. Thế còn chi tiết về con số ba (3 chỗ ngồi trong rạp hát)? Về vấn đề này bà ta không biết giải thích ra sao, chỉ nói rằng có lẽ con số 3 là do việc người bạn bà ta chỉ kém bà ta có ba tháng mà mãi năm nay mới đính hôn trong khi bà ta đã lấy chồng mười năm rồi. Thế tại sao chỉ có hai người mà mua tận ba vé? Bà khách không nói cho biết và từ chối không chịu nhớ lại gì thêm.

Nhưng những điều bà ta cho chúng ta biết đủ để cho ta rõ đâu là những ý tưởng tiềm tàng trong giấc mơ, bà khách đã nhiều lần cho ta biết những chi tiết có liên quan đến nhiều sự việc cùng một lúc. Trước hết những chi tiết này có tính chất thời gian. Bà ta đã nghĩ đến việc mua vé quá sớm, đã mua vé trước quá sớm, và do

đó phải trả đắt hơn thường lệ; người em chồng đã quá vội vàng trong việc đi mua nữ trang chỉ sợ không mua được thôi. Nếu bây giờ chúng ta thêm vào những sự việc quá sớm, quá vội vàng, những sự việc dính dáng đến người bạn gái chỉ kém mình ba tháng vừa đính hôn với một người rất khá, việc trách cô em chồng quá vội vàng, chúng ta có thể tìm ra những ý tưởng tiềm tàng sau đây trong giấc mơ trong khi nội dung giấc mơ chỉ là một sự biến dạng của những ý tưởng đó thôi.

“Tôi lấy chồng vội vàng quá là một điều vô tích sự. Cô bạn gái vừa đính hôn xong đã cho tôi thấy là giá mình có chờ đến tận ngày nay mới lấy chồng cũng chẳng thiệt thòi gì. (Sự vội vã được diễn tả trong giấc mơ bằng sự việc mua vé quá sớm, cô em chồng quá vội vã trong việc đi mua nữ trang. Còn việc lấy chồng thì được thay bằng việc cùng chồng đi xem hát). Ý chính của giấc mơ là như thế. Chúng ta có thể tiếp tục nhưng không được chắc chắn như trên, bởi vì những điều dưới đây không được chính miệng bà ta xác nhận “và với cùng một số tiền đáng lẽ tôi phải mua được một thứ gì đáng giá trăm lần hơn (150 fl bằng một trăm lần số tiền 1fl 50).” Nếu thay chữ tiền bằng chữ hồi môn ta sẽ hiểu là với số tiền hồi môn chúng ta có thể mua được một người chồng: món đồ nữ trang và những vé xem hát là những khái niệm thay thế khái niệm người chồng. Không biết có phải là con số 3 vé cũng dính dáng đến một người đàn ông nào không? Nhưng không có chi tiết nào cho phép chúng ta đi xa như thế. Chúng ta chỉ cần tìm thấy là giấc mơ chứng tỏ rằng bà khách này không yêu chồng và hối rằng đã lấy chồng quá sớm”.

Theo tôi thì kết quả của sự giải thích này làm chúng ta ngạc nhiên bởi rối hơn là thoả mãn. Có nhiều điều xuất hiện ra quá khiến chúng ta không biết đường nào mà mò. Ngay từ lúc này chúng ta đã thấy là không thể nào hiểu được hết những quy tắc đó. Chúng ta hãy rút ra những dữ kiện mà ta cho là chắc chắn mới lạ:

Thứ nhất: Điều ngạc nhiên là ý tưởng quá vội vàng có trong các ý tưởng tiềm tàng mà không có nội dung rõ ràng của giấc mơ. Nếu không phân tích có lẽ chẳng bao giờ người ta ngờ là có yếu tố đó. Tức là có thể rằng, điểm chính trong một giấc mơ, trung tâm điểm của các ý tưởng vô thức, không hiện ra trong nội dung rõ ràng của các giấc mơ, và điều này thay đổi sâu rộng những cảm giác mà giấc mơ để lại trong tâm trí ta.

Thứ hai: Trong giấc mơ có điểm thực khó hiểu: tại sao ba vé mà chỉ có 1fl 50? Chúng ta tìm thấy trong những ý của giấc mơ lời giải thích: lấy chồng quá sớm là điều dại dột. Chúng ta có thể phủ nhận rằng ý kiến đó là điều dại dột được hình dung bằng cách đưa ra một sự dại dột vào trong giấc mơ không?

Thứ ba: Chỉ cần nhìn sơ qua chúng ta cũng thấy rằng những liên quan giữa những yếu tố tiềm tàng và nội dung giấc mơ không đơn giản tí nào: dù sao thì cũng không phải lúc nào một yếu tố rõ ràng cũng thay thế một yếu tố tiềm tàng. Có thể là giữa hai thứ đó có những liên quan về toàn thể, một yếu tố rõ ràng và có thể thay thế nhiều yếu tố rõ ràng.

Chúng ta cũng có nhiều điều đáng ngạc nhiên về ý nghĩa của giấc mơ và về thái độ của người nằm mơ đối với giấc mơ. Bà khách quả có giúp đỡ chúng ta trong công việc giải thích nhưng không khỏi ngạc nhiên. Bà ta không biết là đối với chồng bà, bà lại có ý tưởng không kính trọng như thế: bà ta cũng không biết những lý do đã làm cho bà ta coi thường chồng như thế. Còn có nhiều điểm không hiểu được. Tôi cho rằng chúng ta chưa đủ trang bị để giải thích các giấc mơ, chúng ta còn cần nhiều chỉ dẫn và còn cần chuẩn bị nhiều nữa.

NHỮNG GIẤC MƠ CỦA TRẺ CON

Chúng ta có cảm tưởng là đã đi quá nhanh. Hãy lùi lại đằng sau một chút. Trước khi dùng kỹ thuật của chúng ta vượt qua được những khó khăn bắt nguồn từ sự thay hình đổi dạng của các yếu tố trong giấc mơ, chúng ta hãy tự nhủ là nên xoay quanh các khó khăn đó thì hơn, bằng cách hãy xét các giấc mơ có rất ít biến dạng hay nếu có thì những sự biến dạng đó cũng chẳng có gì quan trọng. Phương sách này trái lại với lịch sử phát triển của sự khảo sát của chúng ta, vì sự thực chính vì đã áp dụng kỹ thuật giải thích vào các giấc mơ bị biến dạng, chính vì đã phân tích rất kỹ lưỡng và đầy đủ những giấc mơ như thế mà chúng ta mới để ý đến sự có mặt của những giấc mơ không biến dạng.

Những giấc mơ chúng ta tìm trong lúc này là những giấc mơ trẻ con, những giấc mơ ngắn ngủi, rõ ràng, có đầu cuối, dễ hiểu, không làm cho hiểu lầm, những giấc mơ thực sự. Ngay cả trong những giấc mơ này cũng có nhiều điều thay đổi, ngay cả những đứa còn ít tuổi mà đã có những giấc mơ người lớn. Nhưng nếu

chúng ta giới hạn vào khoảng tuổi mới bắt đầu có những hoạt động tinh thần là bốn hay năm tuổi thì những giấc mơ của những đứa trẻ này có đặc tính của những giấc mơ có thể gọi là giấc mơ trẻ con. Những giấc mơ này cũng có khi thấy ở những đứa trẻ lớn tuổi hơn và ngay cả ở những người lớn nữa.

Phân tích những giấc mơ trẻ con này, chúng ta biết được rất nhiều điều về tính chất giấc mơ nói chung một cách dễ dàng chắc chắn, có tính quyết định và có giá trị phổ thông.

1/Để hiểu những giấc mơ này chúng ta không cần phân tích mà cũng chẳng cần kỹ thuật gì cả. Chúng ta không nên hỏi trẻ em trong lúc nó kể lại giấc mơ. Nhưng chúng ta phải bỏ tấc những điều nó nói bằng những tài liệu có dính dáng đến nó. Trong giấc mơ bao giờ cũng có một biến cố trong ngày can dự vào. Giấc mơ chính là phản ứng của giấc ngủ đối với những biến cố trong ngày.

Đây là vài thí dụ:

a. Một chú bé 22 tháng phải đem biếu một người quen một giỏ anh đào. Chú bé quả thực không muốn làm như thế chút nào tuy rằng người ta hứa sẽ cho chú một ít anh đào. Sáng hôm sau chú kể lại là chú nằm mơ thấy mình chén hết những quả anh đào đó.

b. Một em bé gái 3 năm 3 tháng lần đầu tiên đi tàu trên biển. Lúc đến bến em không muốn lên bờ và khóc nức nở. Em có cảm tưởng như cuộc du lịch kết thúc quá sớm. Sáng hôm sau em kể lại: “Đêm qua em được đi chơi trên biển”. Chúng ta cần bỏ tấc cho em thêm là cuộc đi chơi này lâu hơn ý em muốn nói.

c. Một em trai năm tuổi rưỡi được dẫn đi chơi ở Escherntal gần Hallsalt. Em đã nghe nói rằng Hallsalt ở gần chân núi Daschtein mà em rất thích. Từ trong nhà em ở Aussee em có thể trông thấy núi Daschtein và dùng một viễn kính nhìn thấy ngọn Symonyhutte. Chú bé đã nhiều lần thấy viễn kính ra xem nhưng không ai biết kết quả ra sao. Cuộc đi chơi vì thế đối với chú bé rất vui, lòng tò mò được kích thích. Một lần nhìn thấy một ngọn núi chú lại hỏi: “Có phải Daschtein đấy không? ”. Một lần được trả lời là không phải chú càng im lặng hơn, sau cùng chú không hỏi nữa. Mọi người tưởng chú mệt nhưng sáng hôm sau chú vui vẻ kể lại: “Đêm qua em nằm mơ thấy đi chơi núi Simonyhutte”. Như thế tức là chú đã đi chơi núi chỉ cốt đi thăm Simonyhutte thôi. Về các chi

tiết chú chỉ nói chú được nghe nói đến một cái lều trên ngọn núi và muốn đi lên đó phải trèo núi trong sáu giờ.

Ba giấc mơ này đủ cho chúng ta những chi tiết cần dùng:

2/ Như các bạn đã thấy: những giấc mơ trẻ con này không phải là không có nghĩa: đó là những hoạt động tinh thần, đầy đủ, dễ hiểu, các bạn hãy nhớ lại những điều tôi nói về những ý kiến của các vị bác sĩ đối với những giấc mơ, về sự so sánh với ngón tay mà nhạc sĩ chạy trên những phím đàn. Chắc các bạn cũng nhìn thấy rõ sự phản trái giữa những giấc mơ trẻ con với những quan niệm này. Nhưng điều ngạc nhiên là những đứa bé cũng có những hoạt động tinh thần đầy đủ trong giấc ngủ, trong khi người lớn, cũng trong những điều kiện đó, lại có những phản ứng rất khác nhau. Chúng ta có đủ lý do để cho rằng giấc ngủ trẻ con ngon hơn và say hơn.

3/ Vì những giấc mơ trẻ con không bị biến dạng nên không cần giải thích. Nội dung và những ý tưởng tiềm tàng ở đây chỉ là một. Vậy sự biến dạng không phải là tính chất tự nhiên của giấc mơ. Tôi hy vọng là điều này sẽ cất khỏi ngực bạn một sức nặng. Nhưng tôi phải nói trước là dù vậy, khi suy nghĩ kỹ hơn chúng ta cũng có thấy một sự biến dạng rất nhỏ, một sự khác biệt nào đó giữa nội dung và ý tưởng tiềm tàng.

4/ Giấc mơ trẻ con là phản ứng của một biến cố trong ngày làm cho đứa bé có điều gì tiếc rẻ, buồn rầu, không thoải mái. Giấc mơ đem đến cho đứa bé sự thực hiện không cần giấu giếm ý muốn không được thoả mãn trong ngày. Bây giờ các bạn hãy nhớ lại những điều chúng ta đã nói về vai trò của những sự kích động bên trong bên ngoài của thân thể được coi như hay làm rối loạn giấc ngủ và gây giấc mơ. Chúng ta đã học được nhiều sự kiện chắc chắn nhưng chỉ có ít sự kiện có thể được giải thích thôi. Trong giấc mơ trẻ con này không có gì chứng tỏ là đã có một sự kích động về cơ thể; về điểm này không còn gì là nghi ngờ nữa vì những giấc mơ này đều dễ hiểu, thoạt nhìn là hiểu ngay. Nhưng đó không phải là một lý do để bỏ rơi sự giải thích đầu tiên bằng những cách kích động. Chúng ta chỉ cần tự hỏi tại sao ngay từ lúc đầu chúng ta lại quên phắt đi rằng giấc ngủ có thể bị quấy rối bằng những sự kích động, không những về cơ thể mà còn về tinh thần nữa. Vậy mà chúng ta biết rõ là chính những sự kích động đó đã ngăn cản không cho họ thực hiện được điều kiện tinh thần của giấc ngủ, nghĩa là giúp họ quên được hết thế giới bên ngoài. Người lớn

không đi ngủ vì do dự không muốn tạm ngừng cuộc đời hoạt động của mình, hay sự làm việc của mình với những gì mình thích. Đối với trẻ con thì điều làm cho nó ngủ không yên chính là ý muốn chưa được thoả mãn, và giấc mơ là sự biểu lộ phản ứng của nó.

5/ Đi từ điểm đó, chúng ta chọn con đường ngắn nhất để đi đến những kết luận vô nhiệm vụ của giấc mơ. Với tính cách là sự phản ứng đối với những kích động về tinh thần, giấc mơ có nhiệm vụ gạt bỏ sự kích động này ra một bên để cho giấc ngủ được tiếp tục. Giấc mơ làm thế nào để hoàn thành nhiệm vụ đó? Đó là điều chúng ta không biết: nhưng chúng ta có thể nói rằng, từ bây giờ trở đi giấc mơ không hề quấy rối giấc ngủ như người ta thường tưởng, trái lại chính nó giữ gìn cho giấc ngủ được yên lành bằng cách gạt ra một bên những sự quấy rối giấc ngủ. Khi tưởng rằng nếu không có giấc mơ thì chúng ta không thể ngủ được tí nào. Chính nhờ những giấc mơ chúng ta ngủ ngon hơn, chúng ta đã nhầm: sự thực là nếu không có giấc mơ thì chúng ta mới ngủ được chút ít. Giấc mơ đó không thể nào không làm rộn chúng ta chút ít y như người gác đêm bắt buộc phải hơi ầm ĩ một chút khi muốn đuổi những kẻ làm ầm ĩ trong lúc mọi người đang ngủ.

6/ Lòng ham muốn chính là sự kích động của giấc mơ: sự thực hiện lòng ham muốn này chính là nội dung giấc mơ: đó là một trong những tính chất cơ bản của giấc mơ. Một tính chất khác cũng bất biến như thế, làm cho giấc mơ không những chỉ diễn tả một tư tưởng không thôi mà còn thể hiện một sự ham muốn đã được thoả mãn dưới hình thức một biến cố tinh thần thuộc về ảo giác. Tôi muốn đi du lịch trên biển: đó là lòng ham muốn kích động trong giấc mơ. Như vậy, ngay trong giấc mơ trẻ con rất giản dị cũng có sự khác biệt giữa một giấc mơ tiềm tàng và một giấc mơ rõ ràng, một sự biến dạng của tư tưởng tiềm tàng trong giấc mơ: đó chính là sự biến đổi của ý nghĩ thành một biến cố sống động. Trong khi giải thích chúng ta hãy bỏ qua những biến dạng nhỏ bé. Nếu thực ra đó là một trong các tính chất chung cho các giấc mơ thì trong một phần giấc mơ kể trên, câu "tôi thấy em tôi bị nhốt trong cái rương" đáng lẽ đã được giải thích bằng câu: "em tôi giảm bớt chi tiêu" thì phải được giải thích bằng câu "em tôi phải giảm bớt chi tiêu" hay "tôi muốn em tôi phải giảm bớt chi tiêu". Trong hai tính chất chung vừa kể, tính chất thứ hai có nhiều hy vọng được chấp nhận mà không bị phản đối hơn. Chỉ sau khi đã khảo sát sâu rộng với nhiều tài liệu, ta mới có thể chứng tỏ rằng các kẻ

kích động giấc mơ bao giờ cũng là một ý muốn chứ không phải là một sự lo nghĩ, một điều dự tính hay một lời trách móc. Nhưng điều này vẫn giữ nguyên tính chất của các giấc mơ, tính chất này đáng lẽ lặp lại một cách đơn giản sự kích động, lại huỷ bỏ, gạt ra một bên hay tiêu diệt dần đi sự kích động đó bằng một sự đồng hoá.

7/ Dựa vào hai tính chất này của giấc mơ, chúng ta có thể tiếp tục so sánh giấc mơ và hành vi sai lạc. Trong hành vi sai lạc chúng ta phân biệt một khuynh hướng gây rối và một bị gây rối, rồi có một sự dung hoà giữa hai khuynh hướng này. Trong giấc mơ sự việc khuynh hướng bị gây rối cũng là khuynh hướng đi ngủ. Còn khuynh hướng bị gây rối là sự kích động tinh thần, nghĩa là ý muốn được thoả mãn: thực ra chúng ta không biết có sự kích động nào khác có thể quấy rối giấc ngủ nữa. Vậy giấc mơ cũng là kết quả của một sự dung hoà, sự điều đình giữa hai khuynh hướng. Trong khi ngủ chúng ta thoả mãn một ý muốn: chính vì thoả mãn ý muốn đó mà chúng ta tiếp tục ngủ. Có một sự thoả mãn nửa vời và một sự huỷ diệt nửa vời của hai khuynh hướng.

8/ Các bạn hãy nhớ lại có lần chúng ta hy vọng có thể dùng sự kiện có những giấc mơ trong lúc thức để giải thích các giấc mơ. Thực tế, những giấc mơ trong khi thức này chả là gì hơn sự hoàn thành những ý muốn về tham vọng hay tình ái: nhưng có điều những ham muốn đó chỉ là những ý nghĩ chứ không xuất hiện dưới hình thức ảo giác của đời sống tinh thần. Vì thế trong tính chất của giấc mơ chúng ta chỉ giữ lại tính chất nào không được chắc chắn trong khi tính chất kia biến mất vì thuộc giấc ngủ và không thể được thực hiện trong khi thức. Ngay trong lời nói thông thường, người ta cũng có vẻ cho rằng tính chất cơ bản trong giấc mơ là sự thực hiện những ham muốn. Vậy, nếu những biến cố sống động trong giấc mơ chỉ là những biểu ngữ bị biến dạng và sở dĩ có được là nhờ có tình trạng giấc ngủ, nghĩa là những giấc mơ trong khi thức về đêm, thì chúng ta hiểu rằng sự hoàn thành giấc mơ đưa lại hậu quả là huỷ bỏ những sự kích động ban đêm và thoả mãn ham muốn, bởi vì hoạt động của những giấc mơ trong khi ý thức cũng ngụ ý một sự thoả mãn ham muốn và sở dĩ xảy ra là chỉ cốt thoả mãn sự ham muốn này thôi.

Những lỗi khác cũng diễn tả một ý tưởng tương tự. Ai chẳng biết câu tục ngữ: “Con lợn mơ bèo, con mèo mơ chuột” và câu hỏi: “Thế con gà thì mơ gì? và câu trả lời: Con gà mơ thóc”. Như vậy,

tức là ngay cả khi xuống thấp một bậc nữa, nghĩa là từ đứa bé xuống đến giống vật, ngay chính câu tục ngữ cũng thấy rằng nội dung của giấc mơ là sự thoả mãn một nhu cầu. Rồi còn biết bao nhiêu câu nói cùng một ý nghĩa “Đẹp như trong mơ” hay “tôi chưa bao giờ mơ thế bao giờ”, hay là “Đó là một điều tôi chưa bao giờ dám nghĩ đến ngay cả khi trong những giấc mơ táo bạo nhất”. Rõ ràng là người ngoài phố đã nghĩ về giấc mơ của mình như thế nào rồi. Cũng có những giấc mơ hãi hùng, những giấc mơ có nội dung buồn rầu khổ sở, nhưng quần chúng không chấp nhận cho đó là giấc mơ. Quần chúng cũng có ý nghĩ đến những giấc mơ bực mình nhưng trong đầu óc quần chúng thì giấc mơ cụt thun lủn vẫn là sự thoả mãn một ham muốn dễ chịu nào đó. Chưa hề bao giờ có những giấc mơ trong đó những chó, lợn hay anh ngỗng mơ thấy mình bị đem thọc tiết cả.

Có điều khó hiểu là tại sao từ trước tới nay những nhà khảo cứu những giấc mơ không hề để ý rằng nhiệm vụ chính của những giấc mơ là thực hiện một ham muốn. Họ quả có để ý đến đặc tính này nhưng không một ai đã có ý nghĩ công nhận rằng chính nó là một tính cách bao quát và dùng làm khởi điểm cho việc giải thích các giấc mơ. Tôi hiểu điều gì đã ngăn họ làm thế.

Bây giờ các bạn hãy nghĩ đến những kết quả quý báu mà chúng ta đã đạt được một cách dễ dàng trong khi khảo sát những giấc mơ trẻ con. Chúng ta biết rằng nhiệm vụ của các giấc mơ là trông nom cho giấc ngủ, rằng giấc mơ là kết quả của sự gặp nhau giữa hai khuynh hướng trái ngược: một khuynh hướng nhu cầu ngủ, không thay đổi trong khi khuynh hướng kia tìm cách thoả mãn một sự kích động tinh thần. Chúng ta có bằng chứng chứng tỏ rằng giấc mơ là một hành vi tinh thần có ý nghĩa, chúng ta biết giấc mơ có hai tính chất chính: sự thoả mãn một ham muốn và đời sống tinh thần ảo giác. Được biết các khái niệm đó, hơn một lần chúng ta có vẻ như quên rằng mình đang khảo cứu về phân tâm học. Ngoài việc so sánh với những hành vi sai lạc, chúng ta chưa làm được gì đặc biệt. Bất cứ một nhà tâm lý học nào, dù không hề biết đến phân tâm học chẳng nữa, cũng có thể giải thích các giấc mơ trẻ con như chúng ta vừa làm. Nhưng tại sao chưa có một nhà tâm lý học nào làm việc đó cả?

Nếu chỉ có trẻ con mới nằm mơ thôi thì vấn đề đã được giải quyết rồi. Chúng ta chẳng còn gì phải làm nữa, chả cần phải hỏi han gì người nằm mơ, chả cần phải đưa vô thức vào làm gì, chẳng

cần phải đưa sự tự do liên tưởng ra làm gì. Chúng ta đã nhiều lần nhận thấy rằng có nhiều đặc tính lúc đầu tưởng rằng có tính chất tổng quát nhưng thực ra chỉ thuộc vào một loại giấc mơ nào đó thôi. Chúng ta cần biết là những đặc tính chung trong những giấc mơ trẻ con có vững chắc hơn hay không, có liên hệ gì đến những giấc mơ không được rõ ràng hơn không và nội dung có dính dáng gì đến những biến cố xảy ra ban ngày không? Theo quan niệm của chúng ta thì những giấc mơ đó đã bị biến dạng đi quá nhiều khiến cho chúng ta không thể có ý kiến gì chắc chắn về chúng ngay được. Chúng ta sẽ thấy là muốn cắt nghĩa những biến dạng đó chúng ta cần dùng đến kỹ thuật phân tâm mà chúng ta không dùng đến trong khi tìm hiểu những giấc mơ trẻ con.

Tuy nhiên, cũng có cả một loạt những giấc mơ không biến dạng giống như những giấc mơ trẻ con xuất hiện như những sự thực hiện của ham muốn. Đó là những giấc mơ do những nhu cầu về cơ thể gây ra trong cuộc đời của mỗi người: đói khát, dục tình. Những giấc mơ đó là sự thực hiện những ham muốn do những kích động bên trong gây nên. Một em bé gái 19 tháng mơ thấy một thực đơn trong đó em đã thêm tên vào (Anna F., dâu, quả mâm xôi, trứng trắng, canh): giấc mơ này là kết quả của một ngày nhịn đói sau khi ăn không tiêu vì đã ăn quá nhiều dâu và quả mâm xôi. Bà em bé này, 70 tuổi, đã phải nhịn ăn suốt ngày vì đau thận, nằm mơ thấy được mời đi ăn tiệc ở nhà bạn bè và ăn những món rất ngon. Những quan sát được thí nghiệm đối với những người tù, hay những người trong đoàn thám hiểm chịu nhiều thiếu thốn chứng tỏ rằng những giấc mơ của họ đều diễn tả sự thực hiện các nhu cầu không được thoả mãn trong đời thực. Trong cuốn *Antarctic* (Cuốn 1, trang 336, 1904), Otto Nordenskjold nói về những người trong đoàn thám hiểm như sau: “Những giấc mơ của chúng tôi, nhiều hơn bao giờ, đầy ý nghĩa ở chỗ bao giờ chúng cũng cho biết lòng ham muốn của chúng tôi hướng về cái gì. Ngay cả những người bạn xưa nay rất ít khi nằm mơ cũng kể cho chúng tôi nghe những giấc mơ rất dài mỗi buổi sáng khi chúng tôi họp nhau lại để trao đổi những kinh nghiệm mới nhất trong việc khảo sát trí tưởng tượng. Những giấc mơ này đều liên quan đến thế giới bên ngoài lúc đó ở xa chúng tôi hàng ngàn dặm nhưng cũng liên quan đến đời sống hiện tại của chúng tôi. Những giấc mơ đó luôn luôn xoay quanh vấn đề ăn và uống. Một người xưa nay thường mơ được dự một bữa tiệc to, rất khoan khoái nếu sáng ra anh được kể lại cho chúng tôi nghe là đêm qua anh đã nằm mơ thấy một bữa

ăn gồm có ba món, một người khác nằm mơ thấy được hút những núi thuốc, một người khác nằm mơ thấy tàu mình chạy bon bon trên những dòng sông tự do. Một người khác nằm mơ thấy rất ý nghĩa: anh chàng bưu tín viên đến đưa thư và cắt nghĩa tại sao anh lâu đến thế, nguyên do là anh đã đưa lầm địa chỉ thành ra mãi mới tìm được những lá thư đã lầm. Tất nhiên là trong khi ngủ chúng ta bận bịu về nhiều điều khó làm hơn nữa, nhưng trong giấc mơ của chính tôi và của các bạn, tôi thấy trí tưởng tượng nghèo nàn đến làm mình ngạc nhiên. Nếu chúng ta ghi lại được tất cả những giấc mơ đó, chúng ta sẽ có những tài liệu có ích hơn cho tâm lý học. Nhưng mọi người đều hiểu dễ dàng là giấc ngủ của chúng tôi được chúng tôi hoan nghênh ghê lắm vì chúng đã cho chúng tôi những điều ham muốn của lòng mình”. Tôi trích lại đây mấy dòng nữa của Du Prel : “Mungo Park, một trong chuyến du lịch qua Phi châu, trong khi bị đói lả vẫn mơ màng đến những thung lũng và vùng cỏ xanh nơi quê hương. Trenck, bị đói cũng mơ thấy mình ngồi trong nhà trước một cái bàn đầy món ăn ngon. George Back, người dự vào cuộc thám hiểm đầu tiên của Franklin luôn luôn và đều đặn nằm mơ thấy mình được ăn những bữa cơm linh đình, và sau này vì quá thiếu thốn đã chết đói”.

Những ai buổi chiều ăn nhiều gia vị, bị khát, thường mơ thấy mình đang uống nước. Tất nhiên không thể nào dùng giấc mơ để bỏ được cái cảm giác đói khát, lúc tỉnh dậy bao giờ người ta cũng phải ăn hay uống thực sự. Về phương diện thực tế, giấc mơ trong những trường hợp này chẳng giúp gì cho chúng ta cả, hay giúp rất ít, nhưng thực sự giấc mơ giúp cho giấc ngủ được tiếp tục mặc dầu những kích động luôn luôn cố làm cho ta tỉnh dậy. Khi nhu cầu kém cường độ thì tác dụng của giấc mơ cũng kém đi.

Bị ảnh hưởng của các sự kích động về tình dục, giấc mơ hiện cho người nằm mơ những sự thoả mãn có vài tính chất đặc biệt cần chú ý. Nhu cầu sinh lý không bị phụ thuộc vào đối tượng của nó một cách chặt chẽ như đói và khát, có thể được thoả mãn thực sự bằng cách xuất tinh. Nhưng vì một vài sự khó khăn liên quan đến đối tượng này, giấc mơ đi cùng với sự thoả mãn nhu cầu thực sự thường có nội dung mơ hồ biến dạng. Việc vô tình xuất tinh làm cho việc xuất tinh rất có ích cho sự khảo sát các sự biến dạng của giấc mơ. Tất cả các giấc mơ của người lớn mà đối tượng là những nhu cầu, ngoài sự thoả mãn nhu cầu còn có một cái gì thêm nữa bắt nguồn ở những sự kích động tinh thần cần được giải thích.

Chúng ta không hề khẳng định rằng, những giấc mơ người lớn rập theo kiểu những giấc mơ trẻ con chỉ là những phản ứng đối với những nhu cầu thúc bách đã kể trên. Chúng ta biết là có những giấc mơ người lớn ngắn ngủi rõ ràng chịu sự ảnh hưởng của một vài tình trạng đặc biệt cũng bắt nguồn ở những sự kích động rõ ràng của tinh thần. Ví dụ như những giấc mơ mà trong đó người ta chờ đợi một sự gì: sau khi sửa soạn xong xuôi để đi du lịch, hay thu xếp để đi dự một buổi dạ hội, hay một buổi diễn thuyết hay đi chơi thăm ai, chúng ta nằm mơ là đã đạt được mục đích, đang dự dạ hội hay đang nói chuyện với người định đi thăm. Ví dụ như những giấc mơ mà người ta có lý khi gọi là những giấc mơ lười biếng: nhiều người muốn kéo dài thêm giấc ngủ, nằm mơ thấy mình bước ra khỏi giường, rửa mặt, đánh răng, làm việc này việc nọ, trong khi thực sự vẫn tiếp tục nằm ngủ. Điều đó chứng tỏ họ chỉ thích dậy trong mơ hơn là dậy thực. Nhu cầu ngủ thường là một yếu tố trong sự cấu thành giấc mơ, thường tỏ ra rõ ràng trong loại giấc mơ kể trên và được coi là yếu tố chính. Nhu cầu ngủ cũng được xếp ngang hàng với những nhu cầu khác của cơ thể.

Tôi đưa các bạn xem bản sao một bức tranh của Schwind hiện ở hành lang Schack ở Munich để cho các bạn biết với một sức mạnh trực giác nào nhà họa sỹ đã cho thấy nguồn gốc của một giấc mơ là do một tình trạng đặc biệt. Đó là bức: “Giấc mơ của người tù” và tất nhiên không có nội dung nào khác hơn là sự vượt ngục. Điều mà nhà họa sỹ đã diễn tả được một cách tài tình đó là sự vượt ngục phải bắt nguồn từ cái cửa sổ, vì chính ánh sáng ngoài cửa sổ là sự kích động chấm dứt giấc mơ của người tù. Những anh lùn đứng lên vai nhau tượng trưng cho những vị trí liên tiếp mà người tù cần có để nâng mình đến cửa sổ, và nếu tôi không lầm thì anh chàng lùn trên cao nhất đang cựa cái chân song, điều mà người tù muốn làm quá, trông rất giống anh ta.

Trong tất cả các giấc mơ, trừ những giấc mơ trẻ con hay có tính cách trẻ con, sự biến dạng chính là một sự trở lực cho chúng ta. Chúng ta không thể nói rằng chúng là những sự thực hiện các điều ham muốn như chúng ta muốn tưởng: nội dung rõ ràng của chúng không cho biết gì về sự kích động tinh thần phát sinh ra chúng, chúng ta cũng không thể chứng tỏ rằng có phải chúng muốn gạt bỏ hay tiêu huỷ sự kích động này hay không. Những giấc mơ này cần được giải thích, phân tích, sự biến dạng cần được lập lại, nội dung rõ ràng của chúng phải được thay thế bằng nội

dung tiềm tàng: chỉ lúc đó chúng ta mới có thể biết rõ ràng những dự kiến có giá trị đối với giấc mơ trẻ con có giá trị đối với mọi giấc mơ hay không?

9. SỰ KIỂM DUYỆT GIẤC MƠ

Sự khảo sát các giấc mơ trẻ con đã cho chúng ta biết nguồn gốc, đặc tính và nhiệm vụ của giấc mơ. Giấc mơ là một phương tiện tiêu huỷ những sự kích động (tinh thần) quấy rối về giấc ngủ, sự tiêu huỷ này được tiến hành nhờ sự thoả mãn có tính cách ảo giác. Về những giấc mơ người lớn, chúng ta chỉ mới cắt nghĩa được có một loại, đó là những giấc mơ có tính chất trẻ con. Còn về những giấc mơ khác, chúng ta không hề biết gì về chúng, tôi có thể nói rằng chúng ta không hiểu chúng. Chúng ta đạt được một kết quả tạm thời mà chúng ta không nên coi thường: mỗi khi cho một giấc mơ nào dễ hiểu thì giấc mơ đó xuất hiện như một sự thoả mãn một nhu cầu có tính cách ảo giác. Sự trùng hợp này không thể là ngẫu nhiên hay không đáng để ý.

Khi đứng trước một giấc mơ loại đó, chúng ta thường cho rằng đó là một sự biến dạng của một nội dung mà chúng ta chưa hề biết. Công việc của chúng ta là phân tích, tìm hiểu sự biến dạng này.

Sự biến dạng của giấc mơ làm cho giấc mơ có vẻ như kỳ lạ và khó hiểu. Chúng ta muốn biết nhiều điều lắm: về nguồn gốc, tính cách sống động của sự biến dạng này, nó tiến hành ra sao và có mục đích gì. Chúng ta có thể nói rằng sự biến dạng của giấc mơ là kết quả của công việc làm trong giấc mơ. Chúng ta mô tả công việc và tìm xem những động lực nào đã thúc đẩy công việc đó.

Các bạn hãy nghe đây, một giấc mơ do bà bác sĩ V.Hug kể lại mà người nằm mơ là một bà già, học rộng và được mọi người quý mến. Giấc mơ này chưa từng được mọi người giải thích. Bà bác sĩ cho rằng đối với những người khảo cứu về phân tâm học thì không cần có sự giải thích. Ngay người nằm mơ cũng không giải thích nhưng đã xét đoán rồi kết án làm như bà ta có thể giải thích được vậy. Chính bà ta tuyên bố: “Một người đàn bà 50 tuổi mà mơ mộng kỳ quái, kinh khủng như vậy, tôi là một người đàn bà chẳng còn có điều gì lo nghĩ hơn là lo cho con”.

Và bây giờ đây giấc mơ là những công việc làm trong tình ái: “Bà ta đến nhà thương quân đội, bảo người tùy phái là muốn gặp ông y sĩ trưởng xin việc làm. Bà nhấn mạnh đến chỗ công việc đến nỗi người hạ sĩ quan cho ngay rằng đó là những công việc về tình ái. Thấy người đã có tuổi, anh ta hơi ngập ngừng trước khi cho bà ta vào. Nhưng thay vì đi vào phòng ông y sĩ trưởng, bà lại vào trong một phòng bên trong có nhiều viên sĩ quan và bác sĩ quân y khác đứng hay ngồi quanh một cái bàn dài. Bà nói với một người trong bọn họ và người này hiểu ngay. Bà nói như sau: “Tôi và nhiều bạn gái khác trong thành phố Viên chúng tôi sẵn sàng.. cho binh sĩ, sĩ quan không phân biệt...” Nói xong bà ta (vẫn trong giấc mơ) nghe tiếng xì xào”.

Nhưng về mặt nhí nhảnh, ngưng ngưng của các sĩ quan cho bà ta thấy là họ hiểu bà muốn gì. Bà ta tiếp tục : “Tôi biết là quyết định của chúng tôi có vẻ hơi kỳ lạ nhưng chúng tôi rất đứng đắn. Người ta không hỏi những người lính xem họ có muốn chết hay không?” Một phút yên lặng nặng nề. Ông bác sĩ ôm bà ta nói: “Thưa bà, nếu quả nhiên chúng ta tiến đến đó..” (có tiếng xì xào). Nghĩ rằng ông này hay ông khác thì cũng thế thôi, bà đã gỡ tay ông kia ra và trả lời: “Tôi đã có tuổi rồi. Tôi chưa từng ở trong tình thế này bao giờ. Dù sao cũng phải có một điều kiện: cần để ý đến tuổi tác, không nên cho một người trẻ tuổi và một bà già.. (tiếng xì xào)... Vì như thế thì.. kinh quá..”. Ông bác sĩ trả lời: “Tôi hiểu lắm”. Vài sĩ quan trong đó có một người đã tán tỉnh bà hỏi bà còn trẻ phá lên cười, bà khách muốn được dẫn đến chỗ ông y sĩ trưởng để cho công việc được rõ ràng. Nhưng bà chợt nhận thấy rằng mình không nhớ tên ông này. Nhưng ông bác sĩ cũng kính cẩn và lịch sự chỉ cho bà một câu thang bằng sắt, chật hẹp , xoáy chôn ốc mời bà lên gác hai. Trong lúc trèo lên bà ta nghe thấy có người nói: “Thực là một quyết định ghê gớm, dù già hay trẻ cũng vậy thôi”. Với cảm giác là mình đang làm nhiệm vụ, bà ta trèo mãi mà không hết cầu thang.

“Giấc mơ đó được thấy lại hai lần nữa cách nhau vài tuần, chỉ có thay đổi chút ít vì chẳng còn quan hệ gì”.

Giấc mơ đó diễn biến như một điều kỳ lạ ban ngày. Giấc mơ ít khi đứt quãng và có nhiều chi tiết có thể hiểu được nếu chịu khó tìm hiểu. Nhưng điều thú vị và quan trọng nhất đối với chúng ta là nó có một vài khe hở không phải ở trong những điều nhớ lại, nhưng ở trong nội dung. Có ba lần nội dung này hình như đã nói

hết, lần nào lời nói của bà ta cũng bị ngắt bởi lời xì xào. Vì không hề được phân tích và giải thích nên chúng ta không thể nói gì về ý nghĩa của tiếng xì xào. Dù sao cũng có những sự ám chỉ, ví dụ như những chữ công việc ái tình có thể đưa tới một vài kết luận, hay những mẩu chuyện ngay trước khi bị tiếng xì xào cắt quãng cần được bỏ túc. Thu xếp lại chúng ta thấy là muốn làm một công việc yêu nước, bà khách muốn dùng bản thân mình để thoả mãn những nhu cầu tình ái của binh sĩ và sĩ quan. Đó là một ý kinh khủng nhất, một sự phát minh ghê gớm nhất, chỉ có điều là ý đó không được diễn tả trong giấc mơ. Trong những lúc ý tưởng đó được diễn tả thì câu nói được thay bằng một tiếng xì xào không rõ rệt, bị bỏ đi hay xoá đi.

Bạn hẳn biết rằng chính vì quá táo bạo mà những đoạn đó bị bỏ đi. Nhưng ở đâu mình nhìn thấy xảy ra một cách làm việc tương tự như thế? Ngày nay (như bài học của Freud này được giảng khi chiến tranh đang tiếp diễn) chúng ta chẳng cần tìm đâu xa. Cứ việc mở bất cứ tờ báo chính trị nào ra bạn sẽ thấy có những chỗ để trống cắt ngang bài do lệch kiểm duyệt. Trên khoảng để trống, tức là có những đoạn không làm vừa lòng những nhà chức trách trông nom về kiểm duyệt. Các bạn sẽ tiếc rẻ, những bài bị đục trống mới là những bài hay, thú vị nhất.

Ngày xưa người ta thường không kiểm duyệt cả một đoạn như thế. Tác giả, sau khi được báo là đoạn nào đó không làm vừa lòng các nhà kiểm duyệt, thường viết lại cho nhẹ hơn đi, thay đổi chút ít, hay nói lờ mờ ám chỉ đến những điều định viết. Trong tờ báo vẫn có những điểm trống nhưng đọc những dòng chữ còn lại, những đoạn lơ mơ ám chỉ, người ta cũng có thể đoán ra được những cố gắng của tác giả để thoát khỏi mũi kéo của kiểm duyệt.

Bây giờ chúng ta xem xét sự giống nhau này. Chúng ta cho rằng những đoạn nào bà khách không nói hay bị thay thế bằng những tiếng xì xào là bị kiểm duyệt. Chúng ta nói đến một sự kiểm duyệt nào đó của giấc mơ và sự kiểm duyệt này phải giữ một vai trò trong sự biến dạng của giấc mơ. Mỗi khi nội dung của giấc mơ có khe hở nào thì chính đó là lỗi của kiểm duyệt. Chúng ta có thể đi xa hơn và nói rằng mỗi khi có một đoạn nào trong giấc mơ mà không rõ ràng, lơ mơ trong khi có những đoạn khác rõ ràng thì đúng là chúng ta đã bị kiểm duyệt. Nhưng sự kiểm duyệt không làm một cách quá lộ liễu và ngây thơ như trong giấc mơ của bà khách. Kiểm duyệt làm việc theo lối thứ hai, nghĩa là có những cố

gắng làm đi đi, thay đổi đi chút ít nhưng vẫn làm cho người ta nhìn thấy được ý chính.

Giấc mơ còn kiểm duyệt theo một lối thứ ba nữa, nhưng lần này không giống lối kiểm duyệt báo chí. Chúng ta có thể phân tích một giấc mơ đã được nói trên. Chắc các bạn còn nhớ đến giấc mơ trong đó người ta đã bỏ 1.50 fl để mua ba vé hát. Trong ý tiềm tàng của giấc mơ này những yếu tố “mua trước, quá sớm” giữ vai trò quan trọng hàng đầu: lấy chồng sớm quá thực là dại dột, mua vé trước ngày trình diễn cũng là dại dột, cô em chồng vội vã đi mua đồ trang sức như thế quả là lỗ bịch. Không có một yếu tố nào xuất hiện trong nội dung rõ ràng của giấc mơ. Mọi sự chỉ xoay quanh việc đi xem hát và mua vé thôi. Vì trọng tâm của giấc mơ bị đẩy đi một chỗ khác, vì những yếu tố chính tập trung lại một chỗ nên giấc mơ rõ ràng khác hẳn giấc mơ tiềm tàng đến nỗi người ta không thể dựa vào các giấc mơ rõ ràng mà tìm thấy các giấc mơ tiềm tàng. Chính trọng tâm giấc mơ bị xô dịch như thế nên mới phát sinh ra sự biến dạng của giấc mơ; chính sự biến dạng của giấc mơ này đã làm cho chính những người nằm mơ cũng thấy kỳ lạ không hiểu gì về giấc mơ của mình.

Thiếu sót, thay đổi và tập trung các yếu tố, đó chính là ba kết quả của sự kiểm duyệt và sự biến dạng của giấc mơ. Sự kiểm duyệt là duyên cớ chính hay một trong các duyên cớ chính của sự biến dạng trong giấc mơ của bà khách. Còn sự thay đổi và tập trung, chúng ta quen gọi là sự xô dịch trọng tâm.

Sau sự kiểm duyệt, chúng ta nói đến sự sống động trong giấc mơ. Các bạn đừng tưởng tượng kẻ kiểm duyệt như một người nghiêm nghị hay một vị thần trong bộ óc để làm việc; về chữ sống động cũng vậy, đừng cho rằng đó là do một trung tâm đặt trong bộ óc mà ảnh hưởng có thể bị một sự cắt bỏ hay một vết thương nào huỷ đi. Chỉ nên nhìn thấy ở chữ đó một phương tiện liên lạc có tính sinh động. Điều đó không ngăn chúng ta tự hỏi xem sự kiểm duyệt này sẽ hoạt động đối với những khuynh hướng và do những khuynh hướng nào; chúng ta sẽ không ngạc nhiên nếu thấy rằng trước đây, chúng ta đã gặp sự kiểm duyệt các giấc mơ rồi mà không biết đó là cái gì.

Đó là điều đã thực sự xảy ra. Các bạn hãy nhớ lại sự nhận xét ly kỳ của chúng ta khi bắt đầu áp dụng kỹ thuật của chúng ta về sự tự do liên tưởng. Lúc đó chúng ta cảm thấy có một sự gì chống đối lại khi chúng ta cố gắng đi từ yếu tố của giấc mơ sang

yếu tố vô thức mà nó đến thay thế. Sự chống đối này đúng như chúng ta đã nói, có thể thay đổi cường độ, khi thì độ mạnh vô cùng, khi chỉ có nghĩa lý gì. Khi sự chống đối yếu, chúng ta có rất ít công việc phải làm, nhưng khi cường độ mạnh chúng phải đi theo một dãy dài các sự liên tưởng làm cho ta càng ngày càng xa yếu tố của giấc mơ, trong khi phải đối phó với biết bao nhiêu khó khăn xuất hiện dưới hình thức của những ý tưởng bài bác phê bình chống đối lại những ý tưởng đột nhiên xuất hiện có dính dáng đến giấc mơ. Sự chống đối này chỉ là hậu quả của sự kiểm duyệt trong giấc mơ nên chúng ta cũng phải khảo sát cẩn thận. Chúng ta thấy ngay rằng nhiệm vụ của sự kiểm duyệt không phải là chỉ gây ra sự biến dạng trong giấc mơ mà còn liên tục giữ cho sự biến dạng đó được tồn tại. Cũng như sự chống đối luôn luôn thay đổi cường độ tùy theo yếu tố trong giấc mơ, sự biến dạng cũng thay đổi theo từng yếu tố. Nếu so sánh giấc mơ rõ ràng và giấc mơ tiềm tàng ta sẽ thấy có nhiều yếu tố khác lại bị thay đổi quan trọng nhiều hay ít, nhiều yếu tố khác lại du nhập luôn vào nội dung rõ ràng mà chẳng thay đổi gì cả, có khi còn mạnh lên.

Nhưng chúng ta muốn biết sự kiểm duyệt đã hoạt động bằng cách dựa vào những khuynh hướng nào và chống lại khuynh hướng nào? Để trả lời câu hỏi vô cùng quan trọng này không những đối với sự tìm hiểu các giấc mơ mà còn đối với cả đời người nữa, chúng ta có thể dễ dàng tìm thấy giải pháp nếu duyệt lại những giấc mơ đã được đem giải thích từ trước tới nay. Những khuynh hướng mà kiểm duyệt dùng là những khuynh hướng mà người nằm mơ trong lúc còn thức cho là của riêng mình, hợp ý mình. Các bạn có thể chắc chắn rằng khi bạn từ chối không công nhận sự giải thích đúng đắn về giấc mơ của bạn, những lý do của sự từ chối này và những lý do làm cho sự kiểm duyệt hoạt động làm cho giấc mơ biến dạng cũng như nhau. Các bạn hãy nghĩ đến giấc mơ của người đàn bà 50 tuổi nói trên. Mặc dù không biết giải thích giấc mơ của mình, bà ta cũng thấy là giấc mơ kinh khủng quá, nhưng bà ta sẽ còn buồn hơn nếu bà bác sĩ V. Hug nói cho bà ta biết những dữ kiện thu lượm được trong sự giải thích giấc mơ của bà. Những đoạn nào tục tĩu trong giấc mơ thường được thay thế bằng tiếng xì xào, sự việc đó chẳng đã chứng tỏ rằng chính người nằm mơ cũng kết án những hành vi đó sao?

Nhưng khi chúng ta muốn khảo cứu những khuynh hướng chịu kiểm duyệt, ta phải để ý đến sự kiểm duyệt như là một sự cần

thiết cấp bách. Những khuynh hướng đó là những khuynh hướng đáng chê cười, tục tĩu về phương diện lý luận, mỹ thuật và xã hội,, những điều mà người ta không dám nghĩ đến hay nghĩ đến để mà kinh tởm. Những sự ham muốn bị kiểm duyệt và bị biến dạng trong giấc mơ đó chỉ là biểu lộ một tấm lòng ích kỷ vô bờ bến và vô liêm sỉ. Và lại, không có giấc mơ nào trong đó cái tôi của người nằm mơ lại không giữ vai trò chính, dù rằng cái tôi đó đã lẫn trốn rất khéo léo trong nội dung rõ ràng. Lòng ích kỷ vô biên này chắc chắn có liên quan chặt chẽ với lòng ham muốn giấc ngủ làm cho chúng ta thoát khỏi được ảnh hưởng của đời sống hàng ngày.

Cái tôi trong giấc mơ đã rũ bỏ được hết sự ràng buộc về luân lí, thoả mãn mọi sự đòi hỏi của bản năng tình dục, của bản năng luôn bị giáo dục về nghệ thuật của chúng ta cấm đoán, những bản năng chống lại sự kìm kẹp của luân lí. Sự tìm kiếm khoái lạc (mà chúng ta gọi là libido) chọn đối tượng mà không gặp sức chống đối, và thường chọn được những quả cấm; nó không những chọn vợ người khác mà chọn cả những điều mà nhân loại thường gán cho những tính cách thiêng liêng: người đàn ông chọn mẹ mình hay chị em mình, người đàn bà chọn cha hay em mình (giấc mơ của người đàn bà 50 tuổi trên đây có tính cách loạn luân vì bà ta chọn chính con trai mình). Những sự ham muốn mà chúng ta tưởng chừng không có liên quan đến loài người đã tỏ ra đủ mạnh mẽ để tạo nên những giấc mơ. Lòng thù hận tha hồ tung hoành. Những ý muốn báo thù, mong cho những người mình yêu nhất trên đời chết đi, người cha người mẹ, anh chị em, chồng vợ, con cái, không phải là ít trong các giấc mơ. Trước những kết quả thu lượm được như thế, có người sẽ bảo là những kết quả đó không thể có được, vô nghĩa lý, không thể tin được vì những giả thuyết phát sinh ra chúng chỉ là sai lầm. Hoặc giấc mơ không phải là hiện tượng tinh thần, hoặc trong trạng thái bình thường không có gì là vô thức cả, hoặc kỹ thuật của giáo sư có sơ hở chỗ nào. Những cách kết luận đó quả là giản đơn dễ hiểu hơn tất cả những điều kinh khủng do những giả thuyết kinh hoàng mà giáo sư đưa ra.

Tất nhiên những kết luận đó là đơn giản và làm hài lòng mọi người hơn thực nhưng không đúng.

Các bạn hãy kiên tâm: vấn đề chưa chín muối để có thể đem ra thảo luận. Trước khi đi vào vấn đề đó, chúng ta chỉ còn cách nào hơn là làm cho những lời chỉ trích phê bình cách giải thích giấc mơ của chúng ta trở lên mạnh mẽ hơn. Những kết quả thu

lượm được không làm cho mọi người khoan khoái, thích nói mấy, đó không phải là quan trọng. Nhưng có một lý lẽ vững chắc hơn: khi chúng ta cho người nằm mơ biết họ có những ham muốn và khuynh hướng gì đã tìm ra được trong khi giải thích các giấc mơ thì bao giờ họ cũng phản đối kịch liệt và đưa ra những lý lẽ vững chắc. Có người hỏi: “Thế nào? Ông bảo rằng tôi đã hối tiếc khi bỏ tiền ra để làm của hồi môn cho em gái tôi và nuôi dạy em trai tôi sao? Điều đó làm sao có được vì tôi làm việc là chỉ cốt phụng sự gia đình, trong đời tôi không còn bổn phận nào khác hơn là làm tròn phận sự đó đúng như lời tôi hứa với mẹ tôi trước lúc bà lâm chung”. Người khác nói: “Ông cho là tôi mong cho chồng tôi chết sao? Thực vô nghĩa lý và đáng phẫn nộ. Tôi nói thì ông không tin, nhưng thực sự là chúng tôi rất hoà thuận và nếu chồng tôi mất đi thì tôi mất hết đi những gì tôi có trên trái đất này”. Một người khác nói: “Ông cho là tôi ham muốn nhục dục đối với em gái tôi sao? Thực là lô bịch. Hai anh em tôi giận nhau từ lâu và mấy năm nay chúng tôi không hề nói chuyện với nhau”. Nhưng người này nếu chỉ từ chối không xác nhận hoặc phủ nhận những khuynh hướng mà chúng ta gán cho họ thì cũng được đi, vì có thể là họ không biết đến điều đó. Nhưng điều bực mình là họ có những ham muốn trái hẳn với những điều chúng ta gán cho họ, và có thể chứng minh được rằng những lòng ham muốn đó mới chính là điều họ ấp ủ trong tâm hồn. Có lẽ là chúng ta nên bỏ rơi cái lối giải thích này đi thôi, vì nó đưa chúng ta đến ngõ cụt.

Chưa đâu, bởi lẽ những lý lẽ này tuy bề ngoài có vẻ như vững chắc nhưng thực tế ra không thể vững chắc trước những lý luận của chúng ta. Giả dụ rằng trong đời sống tinh thần quả có những khuynh hướng vô thức, chúng ta có bằng chứng gì tỏ ra rằng trong đời sống hữu thức cũng có những khuynh hướng trái lại? Có lẽ trong đời sống tinh thần có những khuynh hướng trái ngược tồn tại cạnh nhau. Có thể rằng một khuynh hướng quá mạnh sẽ lấn át khuynh hướng kia và dồn khuynh hướng này vào trong vô thức. Nhưng còn lý lẽ cho rằng kết quả của sự giải thích giấc mơ không đơn giản mà cũng chẳng dễ chịu. Trước hết không phải sự đơn giản sẽ giúp các bạn giải được những vấn đề có liên quan đến giấc mơ vì vấn đề nào cũng đều gặp khó khăn phức tạp ngay từ buổi đầu. Còn bảo rằng những kết quả này thực chẳng đáng mong muốn tí nào thì các bạn đã lầm khi cho rằng trong phương diện khoa học chúng ta mong hay không mong kết quả này hay kết quả nọ. Những kết quả thu lượm được, các bạn cho rằng chúng không

làm cho các bạn dễ chịu mà còn làm cho các bạn xấu hổ kinh tởm nữa thì điều đó có quan hệ gì? Tôi nhớ lại lời nói của một vị giáo sư thầy học của tôi, ông Charcot, trong khi tôi còn là một thầy thuốc trẻ tuổi và đi theo ông trong lúc khám bệnh: “Điều đó không ngăn việc chúng có thực”. Nếu muốn hiểu rõ những sự thực trong cuộc đời, chúng ta nên bỏ ra một bên những cảm tình hay sự ghen ghét. Nếu bây giờ có nhà khoa học nào chứng minh rằng ngày tận thế gần kề, bạn có bảo ông ta rằng: “Tôi không tin như thế vì như thế thì thế thảm cho tôi quá” không? Tôi cho rằng trong trường hợp đó bạn sẽ im lặng cho tới khi một nhà khoa học khác chứng minh rằng những điều khẳng định trên không dựa vào những bằng chứng xác thực. Bỏ ngoài tai những cái gì làm cho bạn khó chịu, bạn đã làm đúng như giấc mơ đã làm chứ không phải tìm cách tìm hiểu và chế ngự nó.

Có lẽ bạn sẽ thôi không nói đến tính cách kinh tởm của những ham muốn bị kiểm duyệt trong giấc mơ để bầu víu vào lý lẽ cho rằng, chúng ta không thể nào tin rằng con người lại có thể xấu xa như thế được. Nhưng chính kinh nghiệm bản thân của các bạn có cho phép bạn dùng lý luận đó không? Tôi không nói đến ý kiến của bạn đối với chính bạn; nhưng có quả thực là cấp trên và những người cạnh tranh quyền lợi với các bạn đối với các bạn có nghĩ rằng bạn là người tốt đến thế không? Những kẻ thù của các bạn có cảm tình với các bạn nhiều như các bạn tưởng không? Vậy tại sao bạn lại phản đối dữ dội khi chúng ta nói đến các tính ích kỷ vô biên của loài người. Các bạn há không biết rằng phần lớn nhân loại đều không thể chế ngự được bản năng tình dục của mình sao? Các bạn không biết rằng những sự quá đáng, những sự dâm bôn mà chúng ta mơ màng ban đêm thường xảy ra hàng ngày, có khi đưa đến chỗ phạm tội, đối với những người thức hẩn hoi sao? Môn phân tâm học phải chẳng chẳng làm gì khác hơn là khẳng định câu cách ngôn của Platon cho rằng những người tốt chỉ là những người làm trong giấc mơ những điều mà các người xấu xa thường làm trong lúc thức sao?

Và bây giờ thôi không nghĩ đến cá nhân nữa, các bạn hãy nghĩ đến trận Đại chiến thế giới vừa tràn ngập nhân loại, nghĩ đến tất cả những vấn đề gì độc ác, dã man, những sự dối trá lan tràn trong thế giới văn minh. Các bạn có tin rằng chỉ một nhóm người có tham vọng cũng đủ làm cho những sự độc ác dã man đó lan tràn mà không cần đến sự đồng lõa của hàng triệu người bị lôi kéo hay

không? Trước những sự kiện đó các bạn có còn can đảm bênh vực loài người nữa không?

Các bạn cho rằng ý kiến của tôi về chiến tranh chỉ có một chiều rằng chiến tranh đã đưa ra ánh sáng những cái gì cao đẹp nhất của loài người: nào chí khí anh hùng, lòng hy sinh, ý thức xã hội v.v.v.. Cũng được đi, nhưng bạn có thấy mình bất công khi lên án môn phân tâm học vì cho rằng môn này đã phủ nhận một vài điều trong khi khẳng định một vài điều khác không? Chúng tôi không hề có ý phủ nhận những tình cảm cao đẹp của loài người, không hề làm gì giảm giá trị cao đẹp đó. Trái lại, tôi nói cho các bạn nghe không những về những sự ham muốn xấu xa bị kiểm duyệt trong các giấc mơ mà còn cả đến những sự kiểm duyệt kiềm chế những ham muốn đó làm cho ta không nhận ra chúng nữa. Nếu chúng ta nói đến những sự xấu xa của loài người là chỉ vì có những người phủ nhận chúng, và điều phủ nhận này không hề làm cho nó trở lên khó hiểu hơn thôi. Chính vì không muốn lý luận một chiều mà chúng ta có hy vọng tìm lại được công thức diễn tả thực đúng những liên quan giữa điều tốt và điều xấu trong loài người.

Thôi ta hãy tạm dừng lại ở đây. Mặc dù cho rằng những kết quả thu lượm được trong công việc giải thích giấc mơ có vẻ kỳ khôi chẳng nữa nhưng cũng không phải vì thế mà ta có quyền bỏ rơi chúng không xét đến nữa. Có lẽ sau này chúng ta sẽ tiến gần đến kết quả hơn bằng cách theo một con đường khác chăng? Trong lúc này ta hãy tạm chấp nhận điều này: sự biến dạng trong giấc mơ chỉ là kết quả của sự kiểm duyệt mà cái tôi của chúng ta làm đối với những khuynh hướng hay ham muốn thường xuất hiện ban đêm trong giấc ngủ. Tại sao những điều này lại xuất hiện vào ban đêm? Chúng từ đâu tới nhỉ? Đó là câu hỏi đang chờ đợi.

Nhưng chúng ta sẽ tỏ ra bất công khi không đưa ra một kết quả khác nữa. Những ham muốn hiện ra trong giấc mơ, làm cho giấc ngủ không yên, chúng ta không hề biết đến trước, nhưng chỉ biết đến sau khi đã giải thích giấc mơ. Vậy chúng ta có thể tạm gọi chúng là vô thức theo nghĩa gọi thông thường của chữ này. Nhưng chúng còn có gì hơn là tính cách tạm thời vô thức này. Thường thường người nằm mơ phủ nhận chúng dù rằng sự giải thích đã chứng tỏ rõ ràng sự có mặt của chúng. Ở đây, chúng ta cũng gặp một tình trạng tương tự như trong trường hợp anh chàng nhất định không chịu nhận là mình có điều gì bất kính với ông chủ

mình. Lúc đó chúng ta đã nghi ngờ lời nói của anh ta và cho rằng có thể anh không biết đến điều đó. Mỗi khi giải thích một giấc mơ bị biến dạng rất nhiều, chúng ta thường lại gặp lại tình trạng đó và điều đó chỉ tăng phần quan trọng cho quan điểm của chúng ta thôi. Vì thế, nên chúng ta chấp nhận rằng trong đời sống tinh thần có những gì tiềm tàng mà chúng ta không hề biết đến và có lẽ không bao giờ biết đến. Nếu như thế thì sự vô thức phải có thêm một nghĩa khác: đặc tính cơ bản của nó không còn là nhất thời hay hợp thời mà là thường trực. Tất nhiên chúng ta sẽ quay trở lại vấn đề này với nhiều chi tiết hơn trong những dòng sau.

10. TÍNH CÁCH TƯỢNG TRUNG TRONG GIẤC MƠ

Chúng ta đã thấy sự biến dạng ngăn cản không cho chúng ta hiểu được giấc mơ chính là kết quả của sự kiểm duyệt đối với những ham muốn vô thức, hay không thể chấp nhận được. Nhưng chúng ta không khẳng định rằng sự kiểm duyệt là yếu tố duy nhất phát sinh ra sự biến dạng này và ngoài sự kiểm duyệt ra còn có những yếu tố khác. Điều này đúng đến nỗi dù cho sự kiểm duyệt có bị gạt bỏ hoàn toàn đi chẳng nữa thì không phải vì như thế mà chúng ta sẽ dễ dàng hiểu giấc mơ hơn, và giấc mơ rõ ràng không phải vì thế mà trùng hợp với giấc mơ tiềm tàng.

Chúng ta đã tìm ra được những yếu tố khác này nhờ có một lỗ hổng trong kỹ thuật của chúng ta. Tôi đã đồng ý với các bạn là ở một vài giấc mơ đã được phân tích có khi những yếu tố đặc biệt của giấc mơ không gợi cho người nằm mơ một ý tưởng gì cả. Tất nhiên sự kiện này ít xảy ra hơn người ta thường khẳng định và trong nhiều trường hợp nhờ sự kiên nhẫn người ta đã làm cho nhiều ý kiến phải xuất hiện. Nhưng vẫn có nhiều trường hợp người ta không tìm thấy có sự liên tưởng và khi gợi ra sự liên tưởng thì kết quả mong đợi lại không có gì cả. Khi sự việc này xảy ra trong một lần trị bệnh bằng phân tâm học nó trở nên quan trọng đặc biệt, nhưng ở đây chúng ta chưa nói đến tầm quan trọng này vội. Sự kiện đó xảy ra khi chúng ta giải thích những giấc mơ của chính chúng ta hay của những người bình thường khác. Trong trường hợp này, sau khi thấy rõ ràng dù có kiên nhẫn hơn cũng chẳng đi đến đâu, chúng ta lại tìm ra rằng sự kiện mà chúng ta không muốn đó lại xuất hiện điều hoà đối với một vài yếu tố nhất định

trong giấc mơ, và đó không phải là sự bất thường mà là những sự việc phụ thuộc vào một luật định.

Đứng trước những sự kiện này chúng ta muốn tự mình giải thích những yếu tố thâm lặng của giấc mơ, dùng những phương tiện riêng của mình để tìm hiểu. Mỗi khi giải thích như thế thì người ta có cảm tưởng đạt được một vài kết quả mỹ mãn, còn nếu không làm như thế thì giấc mơ sẽ chẳng có nghĩa gì. Khi áp dụng phương pháp này càng ngày càng nhiều vào nhiều trường hợp hơn, chúng ta sẽ đi đến nhiều kết quả chắc chắn hơn.

Sự trình bày của tôi có vẻ như sơ sài nhưng sự sơ sài này thường được dùng trong ngành giáo dục để đơn giản hoá vấn đề.

Làm như vừa nói, chúng ta có thể giải thích các giấc mơ một cách thoả đáng giống như những cuốn sách đoán mộng rất thịnh hành trong dân gian. Tôi tin rằng các bạn chưa quên việc chúng ta chưa hề đạt được kết quả cụ thể nào trong việc tìm hiểu những yếu tố bất biến trong giấc mơ bằng kỹ thuật liên tưởng.

Các bạn sẽ cho rằng phương pháp này có vẻ không chắc chắn, có nhiều điều đáng bài bác hơn là phương pháp dành cho những ý tưởng được tự do xuất hiện. Nhưng đến đây ta thấy có thêm một chi tiết khác. Sau khi tập hợp được nhiều sự giải thích những yếu tố bất biến trong giấc mơ như thế bằng các cuộc thí nghiệm liên tục, đột nhiên ta thấy chúng ta có thể đạt được những kết quả giống như thế bằng cách chỉ dựa trên những điều mình biết và không cần dùng đến những điều mà người nằm mơ đã nhớ lại, chúng ta cũng có thể hiểu chúng được. Do đâu mà chúng ta biết được như thế?

Chúng ta gọi sự liên quan giữa yếu tố của giấc mơ và sự giải thích nó bằng cái tên là liên quan tượng trưng vì yếu tố này chỉ tượng trưng cho một ý tưởng vô thức trong giấc mơ. Trước đây, khi xét đến các liên quan giữa những yếu tố của giấc mơ và bản thể của chúng, tôi đã trình bày rằng yếu tố này chẳng khác gì một phần đối với toàn thể, rằng ý tưởng đó cũng có thể là một sự ám chỉ đến bản thể hay là một sự biểu thị của bản thể. Ngoài ba loại liên quan như thế còn một loại liên quan thứ tư nữa. Đó là liên quan tượng trưng. Trước khi trình bày những nhận xét tượng trưng này chúng ta hãy nói đến những vấn đề đã được đem tranh luận thú vị quanh vấn đề đó. Tính cách tượng trưng sẽ là vấn đề đáng chú ý nhất trong thuyết về giấc mơ.

Ta nên nói ngay rằng trong một vài phương diện những ký hiệu tượng trưng đã thực hiện được lý tưởng cũ kỹ của quần chúng trong việc giải thích giấc mơ và kỹ thuật của chúng ta đã đưa chúng ta đi rất xa lý tưởng đó.

Những ký hiệu tượng trưng này giúp cho ta, là trong một vài trường hợp, giải thích giấc mơ mà không cần hỏi gì người nằm mơ cả, và lại chính người này cũng chẳng thêm được gì vào trong ký hiệu đó. Khi biết được những ký hiệu tượng trưng thường dùng này, biết rõ cá tính, và đời sống của người nằm mơ và những tình cảm phát sinh ra giấc mơ, chúng ta cũng có thể giải thích giấc mơ chẳng khó khăn gì như mở một cuốn sách ra xem. Một công trình tuyệt diệu như vậy quả thật là một khích lệ lớn lao cho người giải thích và cũng như cho người nằm mơ, tránh cho người ta việc khó chịu là phải hỏi han lời thôi người nằm mơ. Nhưng bạn đừng cho rằng công việc đó dễ dàng. Chúng ta phải đạt được cái công trình tuyệt diệu này. Kỹ thuật đặt căn bản trên sự tượng trưng không thể thay thế kỹ thuật dựa trên căn bản của sự liên tưởng và không thể so sánh với nó được. Trái lại, kỹ thuật này chỉ bỏ tước kỹ thuật trước và hiến cho nó những dữ kiện dùng được. Về việc hiểu rõ tình trạng tinh thần của người nằm mơ, các bạn nên biết rằng những giấc mơ mình phải giải thích không phải là của những người mà các bạn biết rõ, thường thường bạn không được biết những sự việc gì trong ngày đã phát sinh ra giấc mơ, các bạn chỉ biết về đời sống tinh thần của người nằm mơ qua những ý tưởng và những điều nhớ lại của người nằm mơ thôi.

Thực là một điều lạ lùng khi thấy quan niệm về tính cách tượng trưng của giấc mơ liên quan giữa giấc mơ và sự vô thức lại gặp những sự chông đối rất ghê gớm. Ngay cả những người biết suy nghĩ và hiểu biết không có điều gì để bài bác môn phân tâm học cũng không chịu đi theo con đường đó. Thái độ này càng tỏ ra kỳ lạ khi tính cách tượng trưng đâu có phải là một đặc tính riêng của giấc mơ mới có và sự tìm ra tính cách không phải là công trình của môn phân tâm học, trong khi chính môn này cũng đã tìm ra được nhiều điều khác nổi tiếng hơn. Cha đẻ của tính cách tượng trưng trong các giấc mơ chính là nhà triết học K.A. Scherner (1861). Môn phân tâm học khẳng định ý kiến của Scherner và cũng làm cho ý kiến này bị thay đổi sâu rộng.

Và bây giờ các bạn muốn biết một vài điều về tính cách tượng trưng, biết một vài trường hợp. Tôi sẵn sàng hiến các bạn điều đó

nhưng cũng cần nói trước rằng chúng ta chưa hiểu được hoàn toàn hiện tượng này như ý muốn.

Đặc tính của sự tượng trưng nằm trong một sự so sánh. Nhưng một so sánh thôi không đủ. Chắc cũng còn phải có một vài điều kiện nào khác nữa nhưng những điều kiện nào thì hiện nay chúng ta chưa biết. Những cái gì có thể so sánh được với một vật gì hay một sự diễn biến nào trong giấc mơ lại không tượng trưng cho vật đó hay sự diễn biến đó. Ngoài ra, giấc mơ lại chỉ chọn để tượng trưng cho mình một vài yếu tố nằm trong các ý tưởng tiềm tàng trong giấc mơ thôi. Vì thế tính cách tượng trưng bị giới hạn ở mọi mặt. Khái niệm về sự tượng trưng cũng chưa được rõ ràng, khái niệm này thường hay bị lầm lẫn với khái niệm về sự thay thế, biểu diễn, có khi lại tiến gần đến sự ám chỉ nữa. Trong nhiều sự tượng trưng, sự so sánh rõ ràng được dùng làm nền tảng. Nhưng trong nhiều trường hợp, chúng ta lại tự hỏi nền móng của sự so sánh đó nằm ở chỗ nào? Sự suy nghĩ kỹ may ra chúng ta tìm được chẳng? Và lại nếu sự tượng trưng là một sự so sánh thì thực là một sự lạ khi sự liên tưởng lại không giúp ta tìm ra sự so sánh đó, khi chính người nằm mơ cũng không biết nó nằm ở đâu, tuy có dùng đến nó nhưng chẳng biết mô tả gì cả. Điều đặc biệt là ngay cả khi người ta chỉ cho người nằm mơ rõ sự so sánh đó, anh ta cũng chẳng chịu công nhận. Các bạn hẳn đã thấy là liên quan tượng trưng là một sự so sánh thuộc loại đặc biệt mà chúng ta không biết gì hết. Có thể là sau này chúng ta sẽ được biết một vài điều chẳng.

Những đối tượng được hình dung tượng trưng trong giấc mơ rất ít. Đó là thân thể người ta, anh em, bè bạn, cha con, sự sinh, sự tử, sự trần truồng hay một vài sự gì nữa. Chính căn nhà là sự biểu thị duy nhất điển hình, nghĩa là điều hoà trong con người. Sự kiện này đã được Scherner công nhận là có tầm quan trọng hàng đầu nhưng chúng ta cho rằng ông đã lầm. Nhiều khi trong giấc mơ, mình thường thấy mình tụt từ trên cao xuống ở đằng trước mặt nhà và có cảm giác khi thì sung sướng khi thì lo âu. Những căn nhà có những bức tường trơn tuột nhẵn nhụi là hình dung cho những người đàn ông còn những căn nhà sần sùi, có bao lơn khiến cho người ta có chỗ bầu vịu thường hình dung cho đàn bà. Cha mẹ thường tượng trưng cho đức vua và hoàng hậu hay những nhân vật quan trọng: chính vì thế mà những giấc mơ trong đó có hình cha mẹ thường diễn ra trong bầu không khí hiếu thảo. Những giấc mơ, trong đó những người anh em, chị em hay những đứa bé con

thường được tượng trưng bằng những con vật nhỏ, những con rệp bột âu yếm hơn. Sự sinh đẻ gần như bao giờ cũng được hình dung bằng những động tác trong đó bao giờ nước cũng là yếu tố chính người ta nằm mơ thấy mình đang ngã xuống sông hay từ dưới nước đi lên, cứu một người ở dưới nước đưa lên hay được người ta cứu, nghĩa là giữa người này và người nằm mơ có cả những dây liên lạc về tình mẫu tử. Sự sắp chết đến nơi được hình dung bằng một cuộc đời ra đi, một chuyến du hành bằng xe lửa, cái chết được hình dung bằng một vài điểm xấu, ghê sợ. Sự trần truồng được tượng trưng bằng quần áo, những bộ đồng phục. Các bạn thấy là chúng ta ở giữa hai loại biểu thị: một đằng là sự tượng trưng một đằng là những sự ám chỉ.